



UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ-KỸ THUẬT THỦ ĐỨC

**BÁO CÁO**  
**KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG**  
**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**  
**NGHỀ KỸ THUẬT MÁY LẠNH VÀ ĐIỀU HÒA KHÔNG KHÍ**  
**TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG**  
**NĂM 2024**

*Thành phố Hồ Chí Minh, tháng năm 2024*

## NỘI DUNG CHÍNH

# BÁO CÁO KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGHỀ KỸ THUẬT MÁY LẠNH VÀ ĐIỀU HÒA KHÔNG KHÍ TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG

## CÁC TỪ VIẾT TẮT

BỘ LĐTB-XH	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội
GDNN	Giáo dục nghề nghiệp
BGH	Ban giám hiệu
QTTB	Quản trị thiết bị
TCKT	Tài chính - kế toán
CTHSSV- QHXN	Công tác Học sinh sinh viên - Quan hệ xí nghiệp
HSSV	Học sinh sinh viên
CB	Cán bộ
VC	Viên chức
GV	Giảng viên
NV	Nhân viên
CSVC	Cơ sở vật chất
Tp. HCM	Thành phố Hồ Chí Minh
ĐCN	Điện công nghiệp
KTML&ĐHKK	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí
QĐ	Quyết định
SC	Sơ cấp
TC	Trung cấp
CĐ	Cao đẳng
CNTT	Công nghệ thông tin
TDTT	Thể dục thể thao

## MỤC LỤC

PHẦN I. GIỚI THIỆU VỀ CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP, KHOA/ ĐƠN VỊ PHỤ TRÁCH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	4
1. Thông tin về cơ sở giáo dục nghề nghiệp.....	<b>Error! Bookmark not defined.</b>
2. Thông tin khái quát về sự phát triển và thành tích của trường	<b>Error! Bookmark not defined.</b>
3. Cơ cấu tổ chức và nhân sự của Trường .....	<b>Error! Bookmark not defined.</b>
4. Các nghề đào tạo và quy mô tuyển sinh của trường.....	9
5. cơ sở vật chất, thư viện, tài chính .....	10
6. Thông tin khái quát về Khoa Điện lạnh.....	11
7. Giới thiệu về Chương trình đào tạo cao đẳng nghề KTML&ĐHKK.....	12
PHẦN II. KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO .....	19
1. Tổng quan chung .....	19
1.1. Căn cứ tự đánh giá.....	19
1.2. Mục đích tự đánh giá.....	19
1.3. Yêu cầu tự đánh giá.....	20
1.4. Phương pháp tự đánh giá.....	20
1.5. Các bước tiến hành tự đánh giá.....	20
2. Tự đánh giá.....	20
2.1. Tổng hợp kết quả tự đánh giá.....	20
2.2. Tự đánh giá theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn .....	29
TIÊU CHÍ 1: Mục tiêu, quản lý và tài chính .....	29
TIÊU CHÍ 2: Hoạt động đào tạo.....	33
TIÊU CHÍ 3: Nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên .....	44
TIÊU CHÍ 4: Chương trình, giáo trình .....	53
TIÊU CHÍ 5: Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện.....	65
TIÊU CHÍ 6: Dịch vụ người học .....	84
TIÊU CHÍ 7: Giám sát, đánh giá chất lượng.....	76
PHẦN III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ .....	83
Bảng mã minh chứng.....	84

# **PHẦN I. GIỚI THIỆU VỀ CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP, KHOA/ ĐƠN VỊ PHỤ TRÁCH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

## **1. Thông tin chung về cơ sở giáo dục nghề nghiệp**

1.1. Tên trường: TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ - KỸ THUẬT THỦ ĐỨC

1.2. Tên tiếng Anh: THU DUC COLLEGE OF ECONOMICS AND TECHNOLOGY

1.3. Cơ quan chủ quản: ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC

1.4. Địa chỉ trường:

- Trụ sở chính: Số 17 đường số 08 phường Linh chiểu, Thành phố Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.

- Phòng Giới thiệu việc làm : Kiot số 6, 281 Võ Văn Ngân, Phường Linh Chiểu, Thành phố Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

1.5. Số điện thoại: (028) 3966.888

1.6. Số Fax: (028) 3966.888

1.7. Email: [caodangthuduc@ctd.edu.vn](mailto:caodangthuduc@ctd.edu.vn)

1.8. Website: <http://www.ctd.edu.vn>

1.9. Năm thành lập trường:

Năm thành lập đầu tiên: Tháng 10/1985.

Năm nâng cấp thành trường: Ngày 26 tháng 6 năm 2015 được Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội nâng cấp thành Trường Cao đẳng nghề Thủ Đức theo Quyết định số 885/QĐ-BLĐTBXH của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.

1.10. Loại hình trường: Công lập  ; Tư thực

## **2. Thông tin khái quát về lịch sử phát triển và thành tích nổi bật của cơ sở giáo dục nghề nghiệp**

Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Thủ Đức tiền thân là Trung tâm Dạy nghề Huyện Thủ Đức được thành lập năm 1985. Năm 1997, Ủy ban nhân dân Quận Thủ Đức Quyết định đổi thành trung tâm dạy nghề Quận Thủ Đức. Ngày 14 tháng 3 năm 2003, UBND TP. Hồ Chí Minh đã ký Quyết định thành lập Trường Kỹ thuật Công nghiệp Thủ Đức. Ngày 09 tháng 8 năm 2007, UBND TP. Hồ Chí Minh đã ký Quyết định thành lập Trường Trung cấp nghề Thủ Đức. Ngày 26 tháng 6 năm 2015, Bộ Lao động Thương binh và Xã hội đã ký Quyết định thành lập Trường Cao đẳng nghề Thủ Đức. Ngày 18 tháng 7 năm 2017, Trường nhận Quyết định của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội cho phép đổi tên trường thành Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ Thuật Thủ Đức, chính thức ghi nhận giai đoạn phát triển

mới của Nhà trường với mục tiêu đào tạo đa ngành, đa nghề và theo định hướng xây dựng trường nghề chất lượng cao.

Các dấu mốc pháp lý về việc hình thành trường:

**Năm 1985:** Quyết định số: 972/QĐ-UB ngày 31/10/1985 của UBND Huyện Thủ Đức về việc thành lập Trung tâm Dạy nghề Huyện Thủ Đức.

**Năm 1997:** Quyết định số: 749/QĐ-UB ngày 16/12/1997 của UBND Quận Thủ Đức về việc thành lập Trung tâm Dạy nghề Quận Thủ Đức.

**Năm 2003:** Quyết định số: 961/QĐ-UB ngày 14/03/2003 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh về việc thành lập Trường Kỹ thuật Công nghiệp Thủ Đức.

**Năm 2007:** Quyết định số: 3603/QĐ-UB ngày 09/08/2007 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh về việc thành lập Trường Trung cấp nghề Thủ Đức.

**Năm 2015:** Quyết định số: 885/QĐ-BLĐTBXH ngày 26/6/2015 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội về việc thành lập Trường Cao đẳng nghề Thủ Đức.

**Năm 2017:** Quyết định số: 1150/QĐ-BLĐTBXH ngày 18/7/2017 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội về việc đổi tên trường Cao đẳng nghề Thủ Đức thành Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ Thuật Thủ Đức.

Mục tiêu phát triển xây dựng Trường đến năm 2025 trở thành trường chất lượng cao, có ngành nghề trọng điểm cấp độ Quốc gia và khu vực Asean, đào tạo đa ngành nghề, đa cấp trình độ; Trường không ngừng phấn đấu đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cao cho Tp.HCM và các tỉnh thành lân cận, các tỉnh thành trong cả nước, góp phần thiết thực vào sự nghiệp Công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước và hội nhập Quốc tế.

**\* Thành tích đã đạt của trường**

Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ (năm 2010)

Huân chương lao động hạng 3 của Chủ tịch nước trao tặng (năm 2014)

Bằng khen của UBND Thành phố Hồ Chí Minh các năm 2010 -2013

Giải nhì hội thi thiết bị dạy nghề tự làm toàn quốc năm 2013

Giải 3 hội giảng giáo viên dạy nghề cấp toàn quốc năm 2015

Giải Nhất hội thi thiết bị dạy nghề tự làm toàn quốc năm 2016

Giải khuyến khích Hội giảng Nhà giáo GDNN toàn quốc năm 2018

Giải Nhất hội thi thiết bị đào tạo tự làm toàn quốc năm 2019; 01 giải Nhì, 01 giải Ba Hội thi cấp Thành phố

Tập thể Lao động xuất sắc từ năm năm học 2016 - 2020

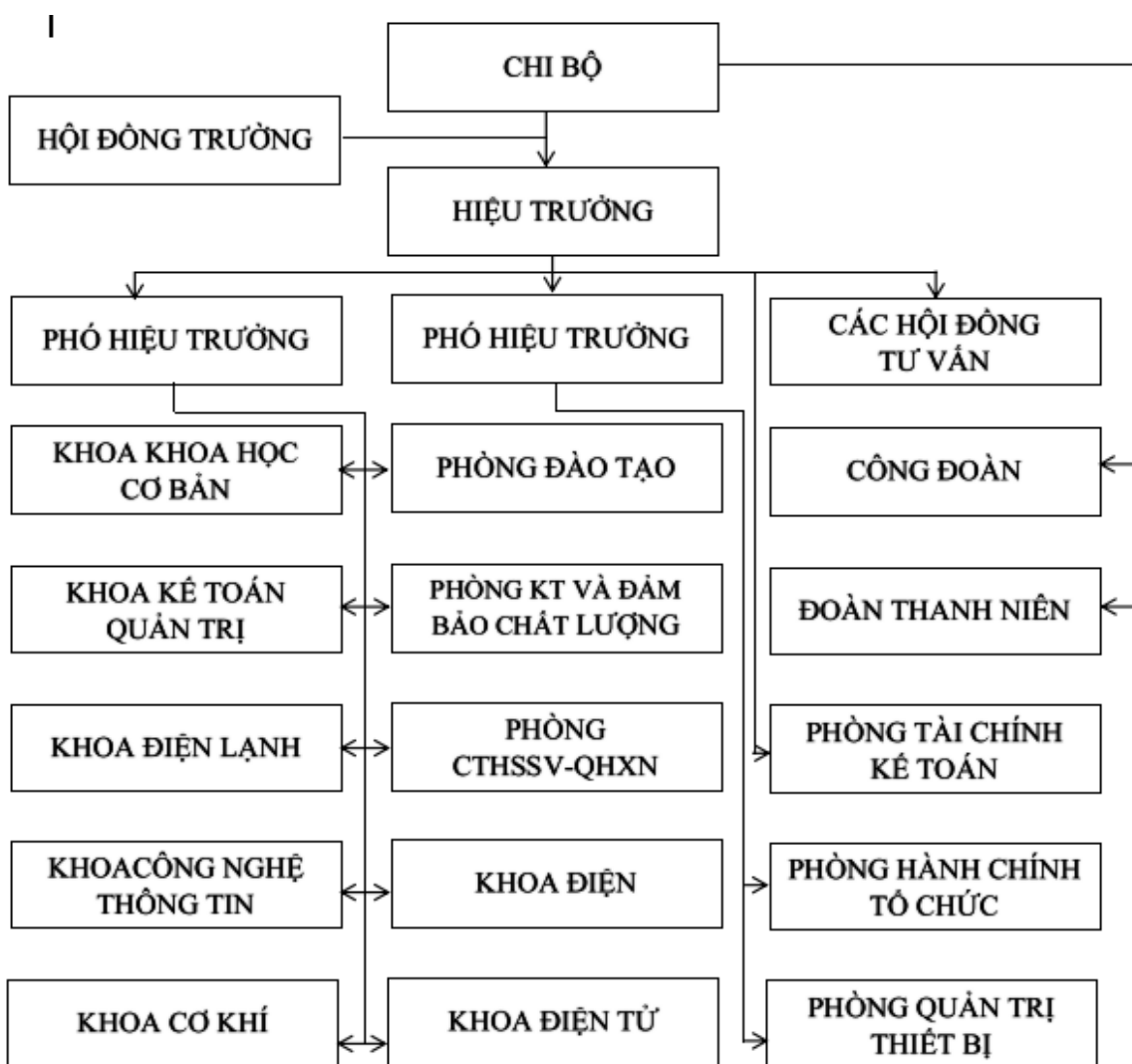
Bảng khen của UBND Thành phố Hồ Chí Minh (năm 2018, 2020)

Giải Nhì Hội giảng Nhà giáo GDNN cấp Thành phố năm 2020

Giải Ba Hội giảng Nhà giáo GDNN cấp Thành phố năm 2023

## 2. Cơ cấu tổ chức và nhân sự của Trường

### 3.1. Cơ cấu tổ chức:



3.2. Danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của trường (Các phòng, ban, khoa, trung tâm chỉ ghi cấp trưởng).

Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị	Chức danh, Chức vụ
<b>1. Ban Giám hiệu</b>	Trần Ngọc Cường	1963	Thạc sỹ	Hiệu Trưởng
	Lê Thị Ngọc Thuận	1979	Thạc sỹ	P. Hiệu trưởng
	Bùi Đăng Linh	1976	Thạc sỹ	P. Hiệu trưởng
<b>2. Các tổ chức Đảng, Đoàn TN, Công đoàn</b>				
Chi bộ	Trần Ngọc Cường	1963	Thạc sỹ	Bí thư
Công Đoàn	Nguyễn Hoàng Minh	1975	Thạc sỹ	Chủ tịch
Đoàn Thanh niên	Phan Ngọc Yến	1989	Cử nhân	Phó Bí thư
<b>3. Trưởng các phòng chức năng</b>				
Phòng Hành chính- Tổ chức	Dương Giang Minh Tâm	1979	Kỹ sư	Trưởng phòng
Phòng Đào tạo	Thi Công Lớn	1970	Thạc sỹ	Trưởng phòng
Phòng QTTB	Nguyễn Hoàng Minh	1975	Thạc sỹ	Trưởng phòng
Phòng Tài vụ	Trần Ngọc Cường	1963	Thạc sỹ	Trưởng phòng
Phòng CTHS - QHXN	Trần Thanh Hiệp	1975	Kỹ sư	Trưởng phòng
Phòng KT& Đảm bảo chất lượng	Trần Minh Tuấn	1983	Thạc sỹ	Trưởng phòng
<b>4. Trưởng các khoa</b>				
Khoa Khoa học cơ bản	Triệu Thị Tuyết Linh	1981	Cử nhân	Trưởng khoa
Khoa Điện	Trương Anh Kiệt	1982	Kỹ sư	Trưởng khoa
Khoa công nghệ thông tin	Nguyễn Thành Nam	1982	Kỹ sư	Trưởng khoa

<b>Các bộ phận</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Năm sinh</b>	<b>Học vị</b>	<b>Chức danh, Chức vụ</b>
Khoa Điện lạnh	Lê Thanh Phong	1982	Thạc sỹ	Trưởng khoa
Khoa Kế Toán - Quản trị	Đỗ Thị Lệ Khánh	1981	Thạc sỹ	Trưởng khoa
Khoa Cơ khí	Nguyễn Tấn Vinh Quang	1983	Kỹ sư	Trưởng khoa
Khoa Điện tử	Lê Thị Thu Lãnh	1982	Thạc sỹ	Trưởng khoa
<b>5. Trưởng các đơn vị trực thuộc (Trung tâm, Thư viện ...)</b>				
Trung tâm giới thiệu việc làm	Trần Thanh Hiệp	1975	Kỹ sư	Trưởng TT
Thư Viện	Đỗ Thị Thúy	1983	Đại học	Trưởng TV

3.3. Tổng số cán bộ, giảng viên, giáo viên của trường: 85

- Nam: 46

- Nữ: 39

3.4. Đội ngũ giảng viên giáo viên: 74

- Cơ hữu: 54

- Thỉnh giảng : 20

<b>Giảng viên, giáo viên cơ hữu</b>			
<b>Trình độ đào tạo</b>	<b>Nam</b>	<b>Nữ</b>	<b>Tổng số</b>
Tiến sĩ	0	0	0
Thạc sĩ	17	9	26
Đại học	16	12	28
Đang học đại học	0	0	
Cao đẳng	0	0	
Trung cấp	0	0	
Công nhân bậc 5/7 trở lên	0	0	
Trình độ khác	0	0	
<b>Tổng số</b>	<b>33</b>	<b>21</b>	<b>54</b>



#### 4. Các nghề đào tạo và quy mô tuyển sinh của trường

4.1. Các nghề đào tạo và quy mô tuyển sinh của trường theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động dạy nghề đã được cấp

Số TT	Tên nghề đào tạo	Mã nghề	Quy mô tuyển sinh/năm	Trình độ đào tạo
1	Điện công nghiệp	6520227	40	Cao đẳng
		5520227	90	Trung cấp
2	Cắt gọt kim loại	6520121	35	Cao đẳng
		5520121	70	Trung cấp
3	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	6520205	30	Cao đẳng
		5520205	35	Trung cấp
4	Điện tử công nghiệp	6520225	40	Cao đẳng
		5520225	90	Trung cấp
5	Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính	6480102	20	Cao đẳng
		5480102	20	Trung cấp
6	Kế toán doanh nghiệp	6340302	25	Cao đẳng
		5340302	40	Trung cấp
7	Thiết kế đồ họa	6210402	20	Cao đẳng
		5210402	40	Trung cấp
8	Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ	6340417	20	Cao đẳng
		5340417	20	Trung cấp

4.2. Số lượng HSSV nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí quy đổi (số liệu 3 năm trước năm kiểm định)

Trình độ đào tạo	Năm		
	2021-2022	2022-2023	2023-2024
1. Cao đẳng	28	37	39

Trình độ đào tạo	Năm		
	2021-2022	2022-2023	2023-2024
2. Trung cấp	142	141	138
<b>Tổng cộng</b>	<b>170</b>	<b>178</b>	<b>177</b>

## 5. Cơ sở vật chất, thư viện, tài chính

### 5.1. Diện tích đất:

- Tổng diện tích đất: 16.718 m<sup>2</sup>, trong đó:
  - + Diện tích xây dựng: 5.055,94 m<sup>2</sup>
  - + Diện tích cây xanh, lưu không: 11.662,06 m<sup>2</sup>

### 5.2. Diện tích hạng mục và công trình

TT	Hạng mục, công trình	Tổng diện tích (m <sup>2</sup> )	Đã xây dựng (m <sup>2</sup> )	Đang xây dựng	
				Diện tích (m <sup>2</sup> )	Thời gian hoàn thành
1	Khu hiệu bộ		560		
2	Phòng học lý thuyết		2458		
3	Xưởng thực hành		8380		
4	Khu phục vụ				
4.1	<i>Thư viện</i>		312		
4.2	<i>Ký túc xá</i>		737		
4.3	<i>Nhà ăn</i>		500		
4.4	<i>Trạm y tế</i>		28		
4.5	<i>Khu thể thao</i>		462		
5	Khác				
5.1	Bãi xe		462,5		
5.2	Đất giao thông + sân		8260		
5.3	Cây xanh		2050		
5.4	Trạm điện		86,5		
	<b>Tổng</b>		<b>24251</b>		

5.3. Tổng số đầu sách trong thư viện của trường: 3.469 cuốn

Tổng đầu sách thuộc nghề đào tạo của trường: 2.177 cuốn

5.4. Tổng số máy tính của trường: 222 máy

- Dành cho văn phòng: 29 máy

- Dành cho học sinh học tập: 193 máy

5.5. Tổng kinh phí đào tạo trong 3 năm trở lại đây:

- Năm 2021 : 14.124.450.000 đ

- Năm 2022 : 14.621.981.000 đ

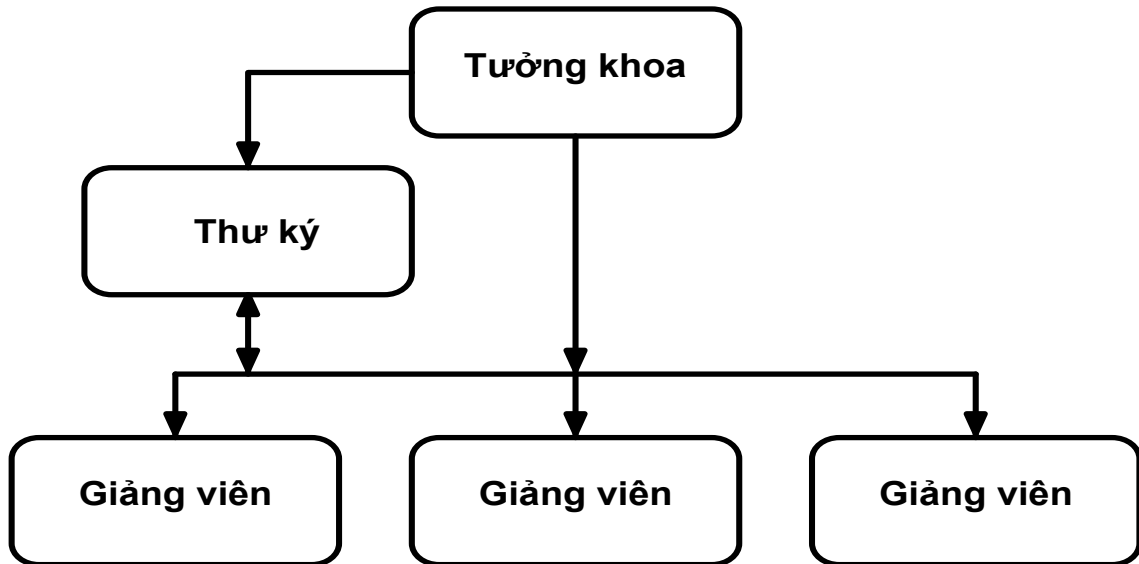
- Năm 2023: 19.755.733.000 đ

## 6. Thông tin khái quát về Khoa Điện lạnh

### 6.1 Thông tin khái quát

Khoa Điện lạnh Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Thủ Đức được thành lập theo quyết định số 158/QĐ - CĐKTKTTĐ ngày 22/12/2017 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Thủ Đức, khoa có 4 giảng viên cơ hữu, 1 chuyên viên (thư ký) và 1 lãnh đạo khoa (Trưởng khoa).

### 6.2. Cơ cấu tổ chức



### 6.3 Thành tích nổi bật:

Năm	Thành tích
2016	Giải Nhất Hội thi thiết bị Đào tạo tự làm cấp Thành phố Giải Nhất Hội thi thiết bị Đào tạo tự làm toàn quốc
2017	Bằng khen của UBND Thành phố Hồ Chí Minh
2018	Chứng nhận Tập thể lao động Xuất sắc của UBND Thành phố HCM
2019	Bằng khen của UBND Thành phố Hồ Chí Minh Giải Nhì Hội thi thiết bị Đào tạo tự làm cấp Thành phố Giải Nhất Hội thi thiết bị Đào tạo tự làm toàn quốc

2020	Bằng khen của UBND Thành phố Hồ Chí Minh
2022	Giấy khen của chủ tịch UBND Thành phố Thủ Đức Bằng khen của UBND Thành phố Hồ Chí Minh (giải Trần Đại Nghĩa)

## 7. GIỚI THIỆU VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CAO ĐẲNG NGHỀ KỸ THUẬT MÁY LẠNH VÀ ĐIỀU HÒA KHÔNG KHÍ

### CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

*(Ban hành kèm theo quyết định số 106/QĐ-CDKTKTTĐ ngày 03 tháng 8 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Thủ Đức)*

**Tên ngành, nghề: Kỹ thuật máy lạnh và điều hoà không khí**

**Mã ngành, nghề: 6520205**

**Trình độ đào tạo: Cao đẳng**

**Hình thức đào tạo: Chính quy**

**Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương;**

**Thời gian đào tạo: 2.5 năm**

#### 1. Mục tiêu đào tạo

##### 1.1. Mục tiêu chung:

Nắm vững và hiểu rõ các ký hiệu, kiến thức cơ bản của nghề để vận dụng giải quyết các vấn đề trong thực tiễn của nghề, thành thạo các kỹ năng lắp đặt, bảo trì, bảo dưỡng, vận hành máy móc, các dụng cụ có thể thiết kế và chế tạo các hệ thống lạnh và điều hòa không khí đơn giản. Có đạo đức nghề nghiệp và ý thức học tập nâng cao trình độ về kiến thức, kỹ năng.

##### 1.2. Mục tiêu cụ thể:

- Kiến thức:

+ Hiểu và phân tích được quy trình: lắp đặt, vận hành các hệ thống máy lạnh công nghiệp, thương nghiệp, dân dụng an toàn, đúng yêu cầu kỹ thuật, đạt năng suất;

+ Hiểu và phân tích được quy trình: lắp đặt, vận hành các hệ thống điều hòa không khí trung tâm, cục bộ an toàn, đúng yêu cầu kỹ thuật, đạt năng suất;

+ Hiểu và phân tích được quy trình: bảo trì, bảo dưỡng các hệ thống lạnh an toàn, đúng yêu cầu kỹ thuật, đạt năng suất;

+ Phân tích được các hư hỏng về điện, lạnh trong các hệ thống máy lạnh và điều hòa không khí.

+ Phân tích được các hư hỏng thông thường về điều khiển điện tử trong các hệ thống lạnh;

+ Đọc, hiểu, cập nhật, ứng dụng được các tài liệu kỹ thuật liên quan đến nghề;

+ Am hiểu các dụng cụ, máy móc chính được sử dụng trong nghề;

+ Tính toán phụ tải lạnh, chọn, thiết kế được hệ thống điện - lạnh của máy lạnh, điều hòa không khí

- Kỹ năng:

+ Thực hiện được quy trình lắp đặt, vận hành các hệ thống máy lạnh, hệ thống ĐHKK an toàn, đúng yêu cầu kỹ thuật, đạt năng suất;

+ Thực hiện được quy trình bảo trì, bảo dưỡng các hệ thống lạnh an toàn, đúng yêu cầu kỹ thuật, đạt năng suất;

+ Kiểm tra được chất lượng hệ thống thiết bị, thiết bị, nguyên vật liệu chuyên ngành đầu vào;

+ Sửa chữa được các hư hỏng về điện, lạnh trong các các hệ thống lạnh;

+ Sửa chữa được các hư hỏng thông thường về điều khiển điện tử trong hệ thống lạnh;

+ Sử dụng được các dụng cụ, máy móc chính trong nghề;

+ Tổ chức, quản lý sản xuất và bồi dưỡng thợ bậc dưới theo chuyên môn của mình;

+ Có khả năng làm việc độc lập và tổ chức làm việc theo nhóm, sáng tạo, ứng dụng kỹ thuật, công nghệ vào công việc;

+ Giao tiếp tốt, phân tích được tình hình thị trường các sản phẩm Điện - Lạnh; định hướng được hoạt động của bản thân và tổ, nhóm;

+ Tự học tập có phương pháp: Tra cứu, đọc, nghiên cứu và rút ra kiến thức cần có.

- Chính trị, đạo đức:

+ Vận dụng được những hiểu biết cơ bản về chủ nghĩa Mác – Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam;

+ Có kiến thức về truyền thống dân tộc, giai cấp công nhân Việt Nam vào quá trình rèn luyện bản thân để trở thành người lao động mới có phẩm chất chính trị, có đạo đức và năng lực hoàn thành nhiệm vụ, góp phần thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; có phẩm chất đạo đức của giai cấp công nhân, có tác phong công nghiệp;

+ Có ý thức thực hiện nghiêm túc đường lối của Đảng, Pháp luật Nhà nước và hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao;

+ Có ý thức chia sẻ kinh nghiệm, hợp tác trong quá trình làm việc theo tổ, nhóm để nâng cao chất lượng và hiệu quả công việc;

+ Hiểu biết về đường lối, chính sách, pháp luật của nhà nước Việt Nam; Quyền và nghĩa vụ công dân; biết áp dụng và thực hiện trong cuộc sống và sinh hoạt ở nhà trường và xã hội; đồng thời tuyên truyền, vận động được gia đình, người thân, bạn bè cùng thực hiện;

+ Hiểu rõ vai trò, vị trí, nhiệm vụ của người kỹ thuật viên trong sự nghiệp công nghiệp hoá và hiện đại hoá đất nước; trong xu thế hội nhập kinh tế thế giới, nhằm mục tiêu: Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ và văn minh.

- Thể chất và quốc phòng:

+ Rèn luyện thân thể đảm bảo sức khoẻ học tập và lao động, đạt tiêu chuẩn rèn luyện thân thể cấp 2. Thực hiện được các bài tập thể dục, các bài thể thao như điền kinh, cầu lông để rèn luyện sức khoẻ thường xuyên trong cuộc sống sau này;

+ Có kiến thức quân sự phổ thông, có khả năng chiến đấu và chỉ huy chiến đấu cấp tiểu đội, phân đội tăng cường. Sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ quân sự.

### 1.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp:

Người làm nghề “Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí” tốt nghiệp trình độ cao đẳng thường được bố trí làm việc ở các cơ sở, các công ty dịch vụ chuyên ngành, siêu thị; các nhà máy bia, chế biến sữa, bảo quản thủy hải sản; các nhà máy chế tạo thiết bị máy lạnh, điều hòa không khí; các công ty, tập đoàn thi công lắp đặt, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa máy lạnh và điều hòa không khí; ngoài làm việc độc lập còn có khả năng lãnh đạo nhóm; có thể làm giáo viên lý thuyết và thực hành ở các trung tâm dạy nghề, trường trung cấp nghề; làm giáo viên thực hành ở các trường cao đẳng nghề sau khi được bổ sung các kiến thức và kỹ năng về sư phạm dạy nghề.

## 2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học:

- Số lượng môn học, mô đun: 34
- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 99 Tín chỉ
- Khối lượng các môn học chung/đại cương: 435 giờ
- Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: 1985 giờ
- Khối lượng lý thuyết: 785 giờ; Thực hành, thực tập, thí nghiệm: 1461 giờ

## 3. Nội dung chương trình

Mã MH/ MD/ HP	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập ( giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/thực tập/thí nghiệm/ bài	Thi/Kiểm tra

					<b>tập/ thảo luận</b>	
<b>I</b>	<b>Các môn học chung/đại cương</b>	<b>19</b>	<b>435</b>	<b>157</b>	<b>255</b>	<b>23</b>
MH 01	Giáo dục Chính trị	5	75	41	29	5
MH 02	Pháp luật	2	30	18	10	2
MH 03	Giáo dục thể chất	2	60	5	51	4
MH 04	Giáo dục quốc phòng và An ninh	3	75	36	35	4
MH 05	Tin học	3	75	15	58	2
MH 06	Tiếng Anh	4	120	42	72	6
<b>II</b>	<b>Các môn học, mô đun chuyên môn</b>	<b>80</b>	<b>1985</b>	<b>628</b>	<b>1206</b>	<b>151</b>
<b>II.1</b>	<b>Môn học, mô đun kỹ thuật cơ sở</b>	<b>30</b>	<b>668</b>	<b>305</b>	<b>315</b>	<b>48</b>
MH 07	Vẽ kỹ thuật	2	45	22	19	4
MH 08	Cơ sở kỹ thuật điện	2	45	30	12	3
MH 9	Cơ sở kỹ thuật nhiệt - lạnh và điều hoà không khí	4	75	60	10	5
MH 10	An toàn lao động, điện- lạnh và vệ sinh công nghiệp	2	30	15	12	3
<b>MĐ 11</b>	<b>Máy điện 1</b>	3	72	30	40	2
MĐ 12	Trang bị điện hệ thống lạnh	3	88	25	56	7
MĐ 13	Nguội cơ bản	2	44	12	30	2
MĐ 14	Hàn hồ quang tay cơ bản	2	44	5	36	3
MĐ 15	Kỹ thuật điện tử	2	60	20	37	3
MH 16	Tổ chức sản xuất	2	30	18	9	3
MH 17	Marketing cơ bản	2	30	15	13	2
MH 18	Tiếng Anh chuyên ngành	2	45	30	10	5
MH 19	Autocad	2	60	23	31	6
<b>II.2</b>	<b>Môn học, mô đun chuyên môn ngành, nghề</b>	<b>50</b>	<b>1317</b>	<b>323</b>	<b>891</b>	<b>103</b>
MĐ 20	Thiết bị đo lường, thi công	2	44	14	25	5
MĐ 21	Lạnh cơ bản	5	120	30	80	10
MĐ 22	Hệ thống máy lạnh dân dụng	3	88	25	55	8

MĐ 23	Hệ thống điều hoà không khí cục bộ	4	100	20	71	9
MĐ 24	Thực tập tốt nghiệp	5	240	0	230	10
MĐ 25	Tự động hóa hệ thống lạnh	3	88	24	58	6
MĐ 26	Hệ thống máy lạnh công nghiệp	4	100	25	65	10
MĐ 27	Hệ thống điều hoà không khí trung tâm	5	120	25	87	8
MH 28	Công nghệ điều hoà không khí mới	2	45	25	17	3
MĐ 29	Hệ thống điều hoà không khí ô tô	2	48	10	33	5
MĐ 30	Lập trình PLC điều khiển hệ thống lạnh	3	72	20	47	5
MĐ 31	Điện tử chuyên ngành	3	72	15	50	7
MH 32	Tính toán, thiết kế hệ thống máy lạnh	3	60	30	24	6
MH 33	Tính toán, thiết kế hệ thống điều hoà không khí	3	60	30	24	6
MH 34	Kỹ thuật và thiết bị sấy	3	60	30	25	5
<b>Tổng cộng</b>		<b>99</b>	<b>2420</b>	<b>785</b>	<b>1461</b>	<b>174</b>

#### 4. Hướng dẫn sử dụng chương trình:

4.1 Các môn học chung bắt buộc do Bộ lao động- Thương binh và Xã hội phối hợp với các Bộ/Ngành tổ chức xây dựng và ban hành để áp dụng thực hiện.

4.2 Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa:

Chương trình đào tạo nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hoà không khí trình độ cao đẳng được bố trí giảng dạy trong 5 học kỳ, thời gian học mỗi học kỳ là 16 tuần, trong đó có thực tập doanh nghiệp 8 tuần, việc triển khai thực tập doanh nghiệp được bố trí cùng một thời điểm. Các môn học/mô đun trong chương trình được phân bố thời gian, trình tự đảm bảo sinh viên tích lũy và tăng dần trình độ kiến thức và kỹ năng theo từng học kỳ, năm học nhằm đáp ứng Khung trình độ quốc gia Việt Nam (8 bậc). Tùy theo tình hình thực tế Nhà trường, các hoạt động ngoại khóa được bố trí hợp lý trong từng học kỳ.

4.3 Hướng dẫn tổ chức kiểm tra hết môn học, mô đun:

Thời gian tổ chức kiểm tra hết môn học, mô đun cần được xác định và có hướng dẫn cụ thể theo từng môn học, mô đun trong chương trình đào tạo chi tiết.

4.4 Hướng dẫn thi tốt nghiệp và xét công nhận tốt nghiệp:

- Đối với đào tạo theo niên chế:



+ Người học phải học hết chương trình đào tạo nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí trình độ cao đẳng và có đủ điều kiện thì sẽ được dự thi tốt nghiệp.

+ Nội dung thi tốt nghiệp bao gồm: Lý thuyết tổng hợp nghề nghiệp; Thực hành nghề nghiệp.

+ Hiệu trưởng nhà trường căn cứ vào kết quả thi tốt nghiệp, kết quả bảo vệ chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp của người học và các quy định liên quan để xét công nhận tốt nghiệp, cấp bằng cao đẳng và công nhận danh hiệu kỹ sư thực hành theo quy định của trường.

- Đối với đào tạo theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tích lũy tín chỉ:

+ Người học phải học hết chương trình đào tạo trình độ cao đẳng nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí và phải tích lũy đủ số mô đun hoặc tín chỉ theo quy định trong chương trình đào tạo.

+ Hiệu trưởng nhà trường căn cứ vào kết quả tích lũy của người học để quyết định việc công nhận tốt nghiệp ngay cho người học hoặc phải làm chuyên đề, khóa luận làm điều kiện xét tốt nghiệp.

+ Hiệu trưởng nhà trường căn cứ vào kết quả xét công nhận tốt nghiệp để cấp bằng tốt nghiệp cao đẳng và công nhận danh hiệu kỹ sư thực hành theo quy định của trường.

#### 4.5. Các chú ý khác (nếu có)

### 8. Kế hoạch, số lượng tuyển sinh, tỷ lệ tốt nghiệp

TT	Khóa học	Bậc	SL tuyển sinh		Số HSSV tốt nghiệp	Tỷ lệ (%)
			Kế hoạch	Thực tế		
1.	Năm học 2021-2022	Trung cấp	35	66	50	75,75
		Cao đẳng	30	0	0	0
2.	Năm học 2022-2023	Trung cấp	35	81	52	64,19
		Cao đẳng	30	34	31	91,17
3.	Năm học 2023-2024	Trung cấp	35	70	(chưa TN)	
		Cao đẳng	30	39		87,17
<b>TỔNG CỘNG</b>			195	290	138	79,57

## 9. Đội ngũ giảng viên

Tổng số: 17 người, trong đó:

- Nam: 17
- Nữ: 00
- Cơ hữu: 12
- Thỉnh giảng: 05

<b>Trình độ đào tạo</b>	<b>Nam</b>	<b>Nữ</b>	<b>Tổng số</b>
Tiến sĩ	00	00	00
Thạc sĩ	08	00	08
Đại học	09	00	09
Cao đẳng	00	00	00
<b>Tổng số</b>	<b>17</b>	<b>00</b>	<b>17</b>

## 10. Cơ sở vật chất phục vụ chương trình đào tạo

Trường có số lượng các phòng học, xưởng thực hành đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo và quy mô đào tạo của nghề.

Số lượng các phòng học lý thuyết, phòng máy tính và xưởng thực hành đáp ứng qui mô đào tạo của Khoa Điện lạnh cũng như của chương trình đào tạo của các khoa khác. Các phòng học và các xưởng thực tập của Khoa Điện, Khoa Điện tử, Khoa CNTT, Khoa Cơ khí được sử dụng vào mục đích phục vụ cho giảng dạy và học tập cho nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí.

## PHẦN II. KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

### 1. Tổng quan chung

#### 1.1. Căn cứ tự đánh giá

Công tác tự đánh giá của Trường Cao Đẳng Kinh - Tế Kỹ Thuật Thủ Đức được thực hiện trên cơ sở các văn bản sau:

- Thông tư số 15/2017/TT-BLĐTBXH ngày 18 tháng 6 năm 2017 quy định về tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.

- Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15 tháng 12 năm 2017 quy định hệ thống đảm bảo chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.

- Công văn số 453/TCGDNN-KĐCL, ngày 25 tháng 3 năm 2019 về việc hướng dẫn đánh giá tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp đối với trường trung cấp, trường cao đẳng.

- Công văn số 454/TCGDNN-KĐCL, ngày 25 tháng 3 năm 2019 về việc hướng dẫn đánh giá tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo trình độ sơ cấp, trung cấp và cao đẳng.

- Kế hoạch số 150 /KH-CĐKTKTTĐ ngày 18 tháng 7 năm 2022 về việc thực hiện tự đánh giá chất lượng trường Trường Cao Đẳng Kinh Tế - Kỹ Thuật Thủ Đức năm 2022.

- Kế hoạch số 136 /KH-CĐKTKTTĐ ngày 05 tháng 7 năm 2023 về việc thực hiện tự đánh giá chất lượng trường Trường Cao Đẳng Kinh Tế - Kỹ Thuật Thủ Đức năm 2023.

- Kế hoạch số 52 /KH-CĐKTKTTĐ ngày 6 tháng 3 năm 2024 về việc thực hiện tự đánh giá chất lượng trường Trường Cao Đẳng Kinh Tế - Kỹ Thuật Thủ Đức năm 2024.

## **1.2. Mục đích tự đánh giá**

Trường Cao Đẳng Kinh Tế - Kỹ Thuật Thủ Đức thực hiện tự đánh giá chương trình đào tạo nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí nhằm đảm bảo, nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp và giải trình với cơ quan nhà nước có thẩm quyền, người học và xã hội về chất lượng của chương trình đào tạo của nhà trường.

## **1.3. Yêu cầu tự đánh giá**

Công tác tự đánh giá được thực hiện theo các yêu cầu: khách quan và trung thực, nhằm cải tiến chất lượng đào tạo và nghiên cứu ứng dụng, chuyên giao.

## **1.4. Phương pháp tự đánh giá**

Khoa Điện lạnh thực hiện các phương pháp sau đây khi tiến hành công tác tự đánh giá:

- Nghiên cứu hồ sơ, lấy dữ liệu;
- Khảo sát;
- Phỏng vấn;
- Chuyên gia.

## **1.5. Các bước tiến hành tự đánh giá**

Các bước thực hiện tự đánh giá các tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo được quy định tại Thông tư Thông tư số 15/2017/TT-BLĐTBXH ngày 08 tháng 6

năm 2017 của Bộ trưởng Bộ LĐTBXH quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp, cụ thể như sau:

- Thực hiện công tác chuẩn bị tự kiểm định chất lượng chương trình đào tạo.
- Thực hiện tự đánh giá các tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của Phòng đào tạo và các phòng chuyên môn, nghiệp vụ; các khoa thuộc trường;
- Thực hiện tự đánh giá các tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của Hội đồng tự đánh giá của trường;
- Công bố Báo cáo kết quả tự đánh giá các tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo trong trường và gửi Báo cáo kết quả tự đánh giá các tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo về Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp.

## 2. Tự đánh giá

### 2.1. Tổng hợp kết quả tự đánh giá

#### TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGHỀ KỸ THUẬT MÁY LẠNH VÀ ĐIỀU HÒA KHÔNG KHÍ TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG

##### *Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá*

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở giáo dục nghề nghiệp về chương trình đào tạo
	<b>ĐỀ XUẤT CẤP ĐỘ ĐẠT ĐƯỢC</b>		<i>Đạt tiêu chuẩn kiểm định</i>
	<b>Tổng điểm</b>	<b>100</b>	<b>96</b>
<b>1</b>	<b>TIÊU CHÍ 1 - MỤC TIÊU, QUẢN LÝ VÀ TÀI CHÍNH</b>	<b>6</b>	<b>6</b>
1.1	Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu của chương trình đào tạo phù hợp mục tiêu của Trường và nhu cầu thị trường lao động, được công bố công khai và được rà soát, điều chỉnh theo quy định.	2	2

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở giáo dục nghề nghiệp về chương trình đào tạo
1.2	Tiêu chuẩn 2: Trường có văn bản giao nhiệm vụ cụ thể cho khoa/đơn vị phụ trách chương trình đào tạo và các đơn vị có liên quan đến việc thực hiện chương trình đào tạo; khoa/đơn vị phụ trách chương trình đào tạo hoàn thành các nhiệm vụ được giao liên quan đến chương trình đào tạo.	2	2
1.3	Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, Trường nghiên cứu, xác định định mức chi tối thiểu cho một người học, đảm bảo chất lượng chương trình đào tạo và có đủ nguồn thu hợp pháp để thực hiện chương trình đào tạo.	2	2
<b>2</b>	<b>TIÊU CHÍ 2 - HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO</b>	<b>14</b>	<b>14</b>
2.1	Tiêu chuẩn 1: Hàng năm, Trường thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định; kết quả tuyển sinh đạt tối thiểu 80% chỉ tiêu theo kế hoạch của Trường.	2	2
2.2	Tiêu chuẩn 2: Trường có kế hoạch đào tạo và tổ chức đào tạo theo quy định.	2	2
2.3	Tiêu chuẩn 3: Thực hiện phương pháp đào tạo phù hợp với nội dung chương trình đào tạo, kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập, tổ chức làm việc theo nhóm của người học; thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông trong hoạt động dạy và học.	2	2

<b>TT</b>	<b>Tiêu chí, tiêu chuẩn</b>	<b>Điểm chuẩn</b>	<b>Tự đánh giá của cơ sở giáo dục nghề nghiệp về chương trình đào tạo</b>
2.4	Tiêu chuẩn 4: Trường phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động; 100% người học trước khi tốt nghiệp đều được thực hành tại đơn vị sử dụng lao động phù hợp với ngành, nghề đào tạo.	2	2
2.5	Tiêu chuẩn 5: Tổ chức kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng theo quy định; có hồ sơ người học đủ và đúng theo quy định.	2	2
2.6	Tiêu chuẩn 6: Tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học theo quy định; sử dụng kết quả kiểm tra để kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy và học cho phù hợp.	2	2
2.7	Tiêu chuẩn 7: Tổ chức đào tạo liên thông theo quy định.	2	2
<b>3</b>	<b>TIÊU CHÍ 3 - NHÀ GIÁO, CBQL VÀ NHÂN VIÊN</b>	<b>16</b>	<b>16</b>
3.1	Tiêu chuẩn 1: 100% nhà giáo tham gia giảng dạy đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.	2	2
3.2	Tiêu chuẩn 2: Hàng năm, 100% nhà giáo hoàn thành các nhiệm vụ do Trường giao.	2	2
3.3	Tiêu chuẩn 3: Đảm bảo tất cả các mô-đun, môn học thuộc chương trình đào tạo có đủ nhà giáo đứng lớp; đảm bảo tỉ lệ số người học/lớp và tỉ lệ quy đổi người học/nhà giáo theo quy định.	2	2

<b>TT</b>	<b>Tiêu chí, tiêu chuẩn</b>	<b>Điểm chuẩn</b>	<b>Tự đánh giá của cơ sở giáo dục nghề nghiệp về chương trình đào tạo</b>
3.4	Tiêu chuẩn 4: Hàng năm, tối thiểu 50% nhà giáo cơ hữu dạy các môn chuyên môn ngành, nghề tham gia nghiên cứu khoa học, các hội thi nhà giáo dạy giỏi, hội thi thiết bị tự làm các cấp.	2	2
3.5	Tiêu chuẩn 5: Hàng năm, Trường tổ chức cho nhà giáo cơ hữu tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng.	2	2
3.6	Tiêu chuẩn 6: 100% nhà giáo cơ hữu đi thực tập tại các đơn vị sử dụng lao động theo quy định.	2	2
3.7	Tiêu chuẩn 7: 100% cán bộ quản lý và nhân viên đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.	2	2
3.8	Tiêu chuẩn 8: Hàng năm, 100% cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành các nhiệm vụ do Trường giao.	2	2
<b>4</b>	<b>TIÊU CHÍ 4 - CHƯƠNG TRÌNH, GIÁO TRÌNH</b>	<b>24</b>	<b>22</b>
4.1	Tiêu chuẩn 1: Chương trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định.	2	2
4.2	Tiêu chuẩn 2: Có sự tham gia của ít nhất 02 đơn vị sử dụng lao động trong quá trình xây dựng và thẩm định chương trình đào tạo.	2	2
4.3	Tiêu chuẩn 3: Chương trình đào tạo thể hiện được khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp.	2	2
4.4	Tiêu chuẩn 4: Chương trình đào tạo thể hiện được sự phân bổ thời gian, trình tự thực hiện các mô-đun, môn học để đảm bảo thực hiện được mục tiêu giáo dục nghề nghiệp.	2	2

<b>TT</b>	<b>Tiêu chí, tiêu chuẩn</b>	<b>Điểm chuẩn</b>	<b>Tự đánh giá của cơ sở giáo dục nghề nghiệp về chương trình đào tạo</b>
4.5	Tiêu chuẩn 5: Chương trình đào tạo thể hiện được những yêu cầu tối thiểu về cơ sở vật chất, đội ngũ giảng viên để triển khai thực hiện chương trình đào tạo nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo.	2	2
4.6	Tiêu chuẩn 6: Chương trình đào tạo thể hiện được phương pháp đánh giá kết quả học tập, xác định mức độ đạt yêu cầu về năng lực của người học sau khi học xong các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo.	2	2
4.7	Tiêu chuẩn 7: Chương trình đào tạo đảm bảo phù hợp với yêu cầu phát triển của ngành, địa phương và đất nước, phù hợp với kỹ thuật công nghệ trong sản xuất, dịch vụ.	2	2
4.8	Tiêu chuẩn 8: Chương trình đào tạo đảm bảo việc liên thông giữa các trình độ đào tạo trong hệ thống giáo dục quốc dân.	2	0
4.9	Tiêu chuẩn 9: Có đủ giáo trình cho các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo.	2	2
4.10	Tiêu chuẩn 10: 100% giáo trình được biên soạn hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định.	2	2
4.11	Tiêu chuẩn 11: Giáo trình cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô-đun, môn học trong chương trình đào tạo; nội dung giáo trình phù hợp để thực hiện phương pháp dạy học tích cực.	2	2
4.12	Tiêu chuẩn 12: Nội dung giáo trình đảm bảo phù hợp với công nghệ trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.	2	2



TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở giáo dục nghề nghiệp về chương trình đào tạo
5	<b>TIÊU CHÍ 5 - CƠ SỞ VẬT CHẤT, THIẾT BỊ ĐÀO TẠO VÀ THƯ VIỆN</b>	<b>16</b>	<b>14</b>
5.1	Tiêu chuẩn 1: Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, hệ thống điện, nước đảm bảo quy chuẩn xây dựng và yêu cầu đào tạo.	2	2
5.2	Tiêu chuẩn 2: Đảm bảo đủ chủng loại thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo.	2	2
5.3	Tiêu chuẩn 3: Đảm bảo đủ số lượng thiết bị đào tạo đáp ứng quy mô, yêu cầu đào tạo.	2	0
5.4	Tiêu chuẩn 4: Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, thuận tiện cho việc thực hành, đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường; thiết bị đào tạo có hồ sơ quản lý rõ ràng, được sử dụng đúng công năng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo quy định.	2	2
5.5	Tiêu chuẩn 5: Nguyên, nhiên, vật liệu được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện; được quản lý, cấp phát, sử dụng theo quy định; đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo.	2	2
5.6	Tiêu chuẩn 6: Thư viện có đủ chương trình, giáo trình đã được Trường phê duyệt; mỗi loại giáo trình có tối thiểu 05 bản in và đáp ứng được nhu cầu nghiên cứu, học tập của nhà giáo và người học; có đủ sách, tạp chí, tài liệu tham khảo tối thiểu 05 đầu sách/người học; 100% chương trình, giáo trình được số hóa và tích hợp với thư viện điện tử phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo.	2	2

<b>TT</b>	<b>Tiêu chí, tiêu chuẩn</b>	<b>Điểm chuẩn</b>	<b>Tự đánh giá của cơ sở giáo dục nghề nghiệp về chương trình đào tạo</b>
5.7	Tiêu chuẩn 7: Thư viện được trang bị máy tính và nối mạng internet đáp ứng nhu cầu dạy, học và tra cứu tài liệu.	2	2
5.8	Tiêu chuẩn 8: Có các phần mềm ảo mô phỏng thiết bị dạy học thực tế trong giảng dạy.	2	2
<b>6</b>	<b>TIÊU CHÍ 6 - DỊCH VỤ CHO NGƯỜI HỌC</b>	<b>8</b>	<b>8</b>
6.1	Tiêu chuẩn 1: Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về chương trình đào tạo; quy chế đào tạo; quy chế công tác học sinh, sinh viên; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của Trường và các chế độ, chính sách đối với người học.	2	2
6.2	Tiêu chuẩn 2: Người học được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định; Trường có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, động viên khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập và tư vấn, hỗ trợ kịp thời cho người học trong quá trình học tập.	2	2
6.3	Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, Trường cung cấp cho người học các thông tin về nghề nghiệp, thị trường lao động và việc làm; thực hiện trợ giúp, giới thiệu việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp.	2	2
6.4	Tiêu chuẩn 4: Trường thực hiện đa dạng hóa các hoạt động xã hội, văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao cho người học.	2	2
<b>7</b>	<b>TIÊU CHÍ 7 - GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG</b>	<b>16</b>	<b>16</b>

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở giáo dục nghề nghiệp về chương trình đào tạo
7.1	Tiêu chuẩn 1: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 10 đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp đang làm việc tại đơn vị sử dụng lao động và sự phù hợp của chương trình đào tạo với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.	2	2
7.2	Tiêu chuẩn 2: Thực hiện điều tra lần vết đối với người tốt nghiệp để thu thập thông tin về việc làm, đánh giá về chất lượng đào tạo của Trường và sự phù hợp của chương trình đào tạo với vị trí việc làm của người tốt nghiệp.	2	2
7.3	Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 50% nhà giáo, cán bộ quản lý về nội dung liên quan đến công tác dạy học, tuyển dụng, bổ nhiệm, bồi dưỡng, phân loại, đánh giá nhà giáo, cán bộ quản lý.	2	2
7.4	Tiêu chuẩn 4: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 30% người học về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo, chất lượng giảng dạy, việc thực hiện chế độ, chính sách và các dịch vụ đối với người học.	2	2
7.5	Tiêu chuẩn 5: Trường thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo theo quy định.	2	2
7.6	Tiêu chuẩn 6: Hàng năm, Trường có kế hoạch cụ thể và thực hiện cải thiện, nâng cao chất lượng chương trình đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá của Trường và kết quả đánh giá ngoài (nếu có).	2	2

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở giáo dục nghề nghiệp về chương trình đào tạo
7.7	Tiêu chuẩn 7: Trong vòng 06 tháng kể từ khi tốt nghiệp, tối thiểu 80% người học có việc làm phù hợp với ngành, nghề đào tạo.	2	2
7.8	Tiêu chuẩn 8: Tối thiểu 80% đơn vị sử dụng lao động được điều tra hài lòng với kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động.	2	2

## 2.2. Tự đánh giá theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn

### TIÊU CHÍ 1: Mục tiêu, quản lý và tài chính

#### Đánh giá tổng quát tiêu chí 1:

Chương trình đào tạo nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa khí được xây dựng theo chương trình khung của Bộ chủ quản, phù hợp với mục tiêu, điều kiện trang thiết bị hiện có của Trường và đáp ứng nhu cầu thực tiễn của doanh nghiệp. Chương trình được công bố công khai đến các bên liên quan và được cập nhật, cải tiến theo định kì. Khoa được Trường giao nhiệm vụ về việc thực hiện, triển khai và quản lý chương trình đào tạo đáp ứng nhu cầu các bên liên quan.

Để đảm bảo chất lượng và có đủ nguồn thu hợp pháp khi thực hiện chương trình đào tạo, việc phân tích và xác định mức chi tối thiểu cho một người học được Trường thực hiện hàng năm. Mức thu học phí của sinh viên được thông báo công khai vào đầu mỗi học kỳ.

#### *\* Những điểm mạnh:*

Mục tiêu chương trình đào tạo nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa khí của Khoa được công bố công khai trên website của Trường và được rà soát, điều chỉnh hàng năm. Mục tiêu của CTĐT nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa khí phù hợp với mục tiêu đào tạo của nhà trường theo yêu cầu của Bộ LĐ-TB&XH và đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động.

Trường giao nhiệm vụ cụ thể cho Khoa thực hiện, triển khai và quản lý chương trình đào tạo đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động. Khoa chịu trách nhiệm báo cáo kết quả thực hiện chương trình đào tạo cho Trường theo định kì.

#### *\* Những tồn tại:*

Trường hiện nay là đơn vị sự nghiệp công lập, hoạt động theo cơ chế sự nghiệp có thu, tự đảm bảo một phần chi phí thường xuyên. Kinh phí từ nguồn ngân sách cấp rất thấp so với nhu cầu hoạt động của Trường. Sự khống chế mức trần của học phí cũng là một trở ngại cho Trường trong việc phát triển về cơ sở vật chất, quy mô đào tạo.

#### Điểm đánh giá tiêu chí 1

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 1	6

Tiêu chuẩn 1	2
Tiêu chuẩn 2	2
Tiêu chuẩn 3	2

**Tiêu chuẩn 1:** Mục tiêu của chương trình đào tạo phù hợp mục tiêu của cơ sở đào tạo và nhu cầu thị trường lao động, được công bố công khai và được rà soát, điều chỉnh theo quy định.

**Mô tả, phân tích, nhận định:**

Chương trình đào tạo nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa khí trình độ cao đẳng của Trường được xây dựng xây dựng xuất phát từ mục tiêu, sứ mạng, tầm nhìn của Trường và thực tế nhu cầu thị trường lao động của Thành phố Hồ Chí Minh và khu vực lân cận, do đó mục tiêu của chương trình đào tạo phù hợp mục tiêu của cơ sở đào tạo và nhu cầu thị trường lao động, trong đó thể hiện cụ thể khả năng của sinh viên sau khi tốt nghiệp lĩnh hội được kiến thức, kỹ năng và thái độ trong lĩnh vực điện lạnh, phù hợp với mục tiêu đào tạo của Trường (1.1.01 – Các quyết định về ban hành chương trình đào tạo nghề kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí trình độ cao đẳng và chương trình đào tạo kèm theo; 1.1.02 - Quyết định ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường)

Hàng năm, căn cứ vào báo cáo phân tích thị trường lao động và dự báo nhu cầu nhân lực tại thành phố Hồ Chí Minh và thông tin tuyển dụng của các doanh nghiệp gửi đến nhà trường để tuyển dụng, nhà trường thực hiện phân tích, đánh giá nhu cầu tuyển dụng nhân lực của doanh nghiệp tại Thành phố Hồ Chí Minh đối với các nghề đào tạo của trường trong đó có nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa khí. (1.1.03 - Báo cáo phân tích thị trường lao động năm và dự báo nhu cầu nhân lực năm 2021, 2022, 2023 tại TPHCM, 1.1.04 - Bảng đăng ký tuyển dụng của doanh nghiệp các năm)

Mục tiêu của nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa khí phù hợp với nhu cầu thị trường lao động, phù hợp với mục tiêu của nhà trường, đáp ứng tốt nhu cầu của thị trường lao động tại Tp. HCM, của khu vực lân cận và cả nước. Mục tiêu đào tạo của nghề được công bố công khai tới toàn thể CBVCNV, HSSV và xã hội trên Website của Trường tại địa chỉ www.ctd.edu.vn (1.1.05 - Địa chỉ Website của trường; Video giới thiệu về trường; Các bài báo; 1.1.06 - Hợp đồng, thông tin truyền truyền, quảng cáo)

Mục tiêu Chương trình đào tạo Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa khí của trường thể hiện được mục tiêu đào tạo, kiến thức, kỹ năng của người học đạt được sau tốt nghiệp. Mục tiêu của CTĐT được rà soát, điều chỉnh theo quy định cho phù hợp với thực tiễn nhu cầu phát triển sản xuất của xã hội. *(1.1.07 – Biên bản họp rà soát mục tiêu của CTĐT hàng năm; 1.1.01 – Các quyết định về ban hành chương trình đào tạo nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa khí và chương trình đào tạo kèm theo)*

Hàng năm, nhà trường thực hiện khảo sát lấy ý kiến về chất lượng, hiệu quả chương trình đào tạo nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa khí trình độ cao đẳng. Kết quả khảo sát mục tiêu của chương trình đào tạo phù hợp mục tiêu của cơ sở đào tạo và nhu cầu thị trường lao động là trên 80% *(1.1.08 – Kế hoạch khảo sát lấy ý kiến phản hồi các năm; 1.1.09 – Nội dung khảo sát lấy ý kiến đánh giá chất lượng; 1.1.10 - Báo cáo kết quả khảo sát các năm)*

#### ***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1.1: 02 điểm***

**Tiêu chuẩn 2:** *Cơ sở đào tạo có văn bản giao nhiệm vụ cụ thể cho khoa/đơn vị phụ trách chương trình đào tạo và các đơn vị có liên quan đến việc thực hiện chương trình đào tạo; khoa/đơn vị phụ trách chương trình đào tạo hoàn thành các nhiệm vụ được giao liên quan đến chương trình đào tạo.*

#### ***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Thủ Đức có cơ cấu tổ chức gồm 06 phòng, 07 khoa. Trường có quy định về chức năng, nhiệm vụ cụ thể cho từng phòng, khoa, đơn vị trong nhà trường. Trong đó nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa khí do Khoa Điện lạnh phụ trách thực hiện chương trình đào tạo và các đơn vị phối hợp liên quan như Phòng Đào tạo, Phòng Khảo thí và đảm bảo chất lượng, Phòng Công tác HSSV, Phòng Quản trị thiết bị, Phòng Hành chính - Tổ chức, Phòng Tài chính kế toán. Việc thành lập các phòng chức năng, các khoa chuyên môn, các trung tâm đều thực hiện theo trình tự quy định của Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường, có đầy đủ các quyết định thành lập trong đó ghi rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng đơn vị *(1.1.02 - Quyết định ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường; 1.2.01 - Quyết định thành lập khoa Điện lạnh).*

Hàng năm trên cơ sở chức năng nhiệm vụ, nhà trường xây dựng kế hoạch công tác đồng thời, Hiệu trưởng nhà trường ban hành quyết định giao chỉ tiêu nhiệm vụ trong năm để làm cơ sở thực hiện và đánh giá kết quả thực hiện. *(1.2.02 - Kế hoạch công tác năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024; 1.2.03 - Các Quyết định của Hiệu trưởng về việc giao chỉ tiêu nhiệm vụ năm học).*

Hàng năm Khoa Điện lạnh thực hiện báo cáo tổng kết rà soát đánh giá các công việc đã thực hiện trong năm, nhận xét các kết quả đạt được, đánh giá rút kinh nghiệm những việc chưa làm được để đưa ra biện pháp khắc phục. Nhìn chung, hàng năm Khoa thực hiện hoàn thành tốt các nhiệm vụ đào tạo do Nhà trường giao. *(1.2.04 - Báo cáo tổng kết năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024 của Khoa Điện lạnh; 1.2.05 - Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024 và các nhiệm vụ giải pháp trọng tâm; 1.2.06 – Quyết định và danh sách khen thưởng của Khoa Điện lạnh)*

### ***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1.2: 02 điểm***

**Tiêu chuẩn 3:** *Hàng năm, cơ sở đào tạo nghiên cứu, xác định định mức chi tối thiểu cho một người học, đảm bảo chất lượng của chương trình đào tạo và có đủ nguồn thu hợp pháp để thực hiện chương trình đào tạo.*

#### ***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Thủ Đức là cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập, các nguồn thu phục vụ cho hoạt động của nhà trường gồm: nguồn ngân sách nhà nước cấp, nguồn thu học phí và nguồn thu dịch vụ, trong đó việc thu học phí của nhà trường thực hiện theo quy định chung của Chính phủ về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo. Công tác tài chính của nhà trường được UBND thành phố Thủ Đức xét duyệt và phân bổ hàng năm. *(1.3.01 - Quyết định giao dự toán hàng năm của Ủy ban; 1.3.02 - Quy định mức thu học phí và bảo hiểm y tế đối với HSSV).*

Trường tổ chức xây dựng và ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật của nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí theo quy định của Thông tư 08/2018/TT-BLĐTBXH ngày 14/8/2018 quy định định mức kinh tế - kỹ thuật về đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng cho các nghề: Điện công nghiệp; Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí; Vận hành máy thi công nền; Vận hành cần, cầu trục; Kỹ thuật xây dựng; Bảo vệ thực vật; Chế biến và bảo quản thủy sản; Quản trị mạng máy tính; Quản trị kinh doanh xăng dầu và gas; Thông



tư 14/2017/TT-BLĐTBXH, Thông tư số 07/2020/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội: Quy định việc xây dựng, thẩm định và ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật về đào tạo áp dụng trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp. *(1.3.03 – Hồ sơ xây dựng và ban hành Định mức kinh tế - kỹ thuật nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí)*

Trên cơ sở dự kiến các nguồn thu và dự toán thu chi tài chính, báo cáo về số liệu học sinh, sinh viên, hàng năm dựa theo chương trình đào tạo nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí và định hướng thị trường lao động, Trường đã xây dựng toán định mức chi phí đào tạo cho từng học sinh, sinh viên theo từng nghề và định mức tiêu hao vật tư đảm bảo đúng quy định. Trường có đầy đủ các nguồn thu hợp pháp để thực hiện các chương trình đào tạo, trong đó có chương trình đào tạo nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí, bao gồm các nguồn thu từ ngân sách nhà nước, thu từ học phí, lệ phí, thu từ các dịch vụ và các nguồn thu khác *(1.3.04 - Lưu lượng, hiệu suất duy trì các năm 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024; 1.3.05 - Báo cáo tổng hợp các nguồn thu hàng năm)*.

Hàng năm, Phòng Tài chính thành phố Thủ Đức thực hiện công tác kiểm tra và thanh quyết toán đối với công tác tài chính của nhà trường, đồng thời sở LĐTBXH TP Hồ Chí Minh thực hiện thanh kiểm tra hoạt động đào tạo của nhà trường trong đó có nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí. Các tài liệu được giải trình rõ ràng và hợp lý theo quy định kết quả cho thấy trường có đủ nguồn thu hợp pháp để thực hiện chương trình đào tạo *(1.3.06 - Báo cáo tổng hợp các nguồn thu hàng năm; 1.3.07 - Biên bản làm việc về kiểm tra về hoạt động GDNN năm 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024)*.

### ***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1.3: 02 điểm***

## **TIÊU CHÍ 2: Hoạt động đào tạo**

### **Đánh giá tổng quát tiêu chí 2:**

Công tác tuyển sinh được Trường thực hiện theo quy chế tuyển sinh hàng năm. Kết quả tuyển sinh đạt 100% chỉ tiêu của Trường. Trường xây dựng kế hoạch tổng thể về đào tạo năm học hàng năm để các hoạt động đào tạo của các ngành nghề được thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ của năm học và hoàn thành các mục tiêu của chương trình đào tạo.

Chương trình đào tạo nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí trang bị kiến thức chuyên môn và rèn luyện kỹ năng của sinh viên thông qua các học phần lý thuyết và thực hành. Phát huy tính tích cực, tự giác, năng động của sinh viên khi làm việc độc lập

cũng như tổ chức hoạt động nhóm hiệu quả. Kết hợp phương pháp giảng dạy truyền thống với ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy và học.

Sinh viên được Trường giới thiệu đi thực tập tốt nghiệp tại các công ty có lĩnh vực hoạt động liên quan đến Điện lạnh. Sinh viên được đánh giá kết quả học tập và rèn luyện theo từng môn học. Sinh viên đạt đủ tất cả các môn học theo qui định của chương trình đào tạo được xét công nhận tốt nghiệp và cấp văn bằng theo quy định; hồ sơ học tập của sinh viên được lưu trữ và quản lý đúng theo quy định. Chất lượng đào tạo của nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí được đảm bảo thông qua các hoạt động kiểm tra, giám sát kế hoạch dạy và học theo đúng quy định.

*\* Những điểm mạnh:*

Công tác tuyển sinh được đảm bảo thực hiện công bằng, khách quan theo quy định của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội, Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp, đảm bảo được chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm.

Hoạt động đào tạo của Trường được thực hiện theo đúng Quy chế đào tạo của Bộ LĐ-TB&XH, đúng chương trình và kế hoạch đào tạo. Phương pháp đào tạo phù hợp với chương trình đào tạo, chú trọng rèn luyện kỹ năng nghề cho sinh viên, phát huy tính chủ động sáng tạo, khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm hiệu quả.

Sinh viên tốt nghiệp được xã hội công nhận, các đơn vị sử dụng lao động đánh giá cao về năng lực và kỹ năng. Kết quả học tập và rèn luyện của người học được lưu trữ đầy đủ, chính xác, an toàn bằng phần mềm; văn bằng, chứng chỉ được cấp phát theo đúng quy định và được công bố kịp thời trên trang web của Trường.

**Điểm đánh giá tiêu chí 2**

<b>Tiêu chí, tiêu chuẩn</b>	<b>Điểm tự đánh giá</b>
<b>Tiêu chí 2</b>	<b>14</b>
Tiêu chuẩn 1	2
Tiêu chuẩn 2	2
Tiêu chuẩn 3	2
Tiêu chuẩn 4	2
Tiêu chuẩn 5	2

Tiêu chuẩn 6	2
Tiêu chuẩn 7	2

**Tiêu chuẩn 1:** Hàng năm, cơ sở đào tạo thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định; kết quả tuyển sinh đạt tối thiểu 80% chỉ tiêu theo kế hoạch của cơ sở đào tạo.

**Mô tả, phân tích, nhận định:**

Việc tuyển sinh của Trường được thực hiện theo giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp (2.1.01 - Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp). Để việc tuyển sinh thực hiện đúng quy định, căn cứ Thông tư 05/2017/TT-BLĐTBXH, Thông tư số 07/2019/TT-BLĐTBXH, Thông tư số 05/2021/TT-BLĐTBXH ngày 07/7/2021 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội quy định quy chế tuyển sinh và xác định chỉ tiêu tuyển sinh trình độ trung cấp, cao đẳng, Trường đã ban hành Quy chế tuyển sinh của nhà trường để phục vụ việc tuyển sinh đi vào nề nếp quy định (2.1.02 – Các Quyết định về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và xác định chỉ tiêu tuyển sinh trình độ TC, CĐ).

Trước khi bắt đầu mùa tuyển sinh hàng năm, trường thành lập hội đồng tuyển sinh để chỉ đạo công tác tuyển sinh toàn trường trong đó có nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí (2.1.03 - Quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh)

Từ các căn cứ trên Trường triển khai kế hoạch tuyển sinh (2.1.04 - Kế hoạch tuyển sinh) và thực hiện công tác tư vấn và tuyển sinh theo quy định, các thông tin được công bố rộng rãi trên trang web của trường và các phương tiện truyền thông, cũng như các buổi tư vấn hướng nghiệp cho các em học sinh, nhằm giới thiệu rộng rãi về nội dung tuyển sinh cũng như chương trình đào tạo (2.1.05 - Thông báo tuyển sinh).

Trong quy định về quy chế tuyển sinh của nhà trường có đầy đủ thông tin về đối tượng, hình thức tuyển sinh và các hồ sơ và biểu mẫu kèm theo để người học thuận tiện thực hiện. (2.1.06 – Hồ sơ tuyển sinh).

Sau thời gian đăng kí xét tuyển, Hội đồng tuyển sinh trường thực hiện xét duyệt hồ sơ và công bố danh sách cho từng ngành nghề (2.1.07 – Biên bản họp của Hội đồng tuyển sinh). Qua đó tham mưu Hiệu trưởng quyết định về danh sách, công nhận trúng tuyển và thông báo đến các thí sinh về kết quả trúng tuyển, thời gian nhập học cũng như việc công nhận kết quả tuyển sinh và mở lớp đào tạo (2.1.08 - Các Quyết định về việc xét trúng tuyển đối với thí sinh dự tuyển và danh sách học sinh trúng tuyển nghề KTML&ĐHKK năm 2021,

2022, 2023; 2.1.09 – Giấy báo trúng tuyển nghề KTML&ĐHKK năm 2021, 2022, 2023; 2.1.10 - Các Quyết định mở lớp đào tạo nghề KTML&ĐHKK năm 2021, 2022, 2023).

Để việc thực hiện tuyển sinh được đảm bảo và thống nhất và đảm bảo khách quan, Trường đã ban hành quy trình tuyển sinh và thực hiện công tác thanh kiểm tra công tác tuyển sinh hàng năm (2.1.11 – Quy trình tuyển sinh; 2.1.12 – Báo cáo số liệu tuyển sinh 2021, 2022, 2023; 2.1.13 – Biên bản kiểm tra công tác tuyển sinh và cấp phát bằng hàng năm, 1.3.07 - Biên bản làm việc về kiểm tra về hoạt động GDNN năm 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024)

Hàng năm Trường thực hiện khảo sát lấy ý kiến của người học, nhà giáo về việc thực hiện công tác tuyển sinh (2.1.14 – Tổng hợp ý kiến khảo sát về thực hiện công tác tuyển sinh).

### ***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2.1: 02 điểm***

**Tiêu chuẩn 2:** Cơ sở đào tạo có kế hoạch đào tạo và tổ chức đào tạo theo quy định.

#### ***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Hàng năm, căn cứ chương trình đào tạo đã được Hiệu trưởng phê duyệt ban hành, Khoa Điện lạnh phối hợp Phòng Đào tạo xây dựng kế hoạch đào tạo và tiến độ đào tạo chi tiết phù hợp cho từng khóa học. (2.2.01- Các Kế hoạch đào tạo toàn khóa, 2.2.02 - Tiến độ đào tạo nghề KTML&ĐHKK năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024; 1.2.02 - Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024). Căn cứ vào kế hoạch đào tạo đã được phê duyệt, Khoa Điện lạnh lập kế hoạch phân công giảng viên theo từng học kỳ phù hợp với chuyên môn nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, đảm bảo đúng kế hoạch đào tạo và sắp xếp lịch học, thời khóa biểu các lớp theo từng học kỳ để giảng viên có cơ sở xây dựng kế hoạch giảng dạy theo chương trình đào tạo từng mô đun, môn học. (2.2.03 - Bảng phân môn giờ dạy của Khoa Điện lạnh năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024; 2.2.04 - Thời khóa biểu năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024)

Mỗi học kỳ, giảng viên được phân công chuyên môn sẽ căn cứ vào chương trình đào tạo và chương trình chi tiết mô đun môn học mình đảm nhận xây dựng lên kế hoạch giảng dạy cụ thể. Kế hoạch này được Trưởng Khoa kiểm duyệt làm cơ sở để giám sát tiến độ thực hiện của mỗi giảng viên. (2.2.05 – Sổ lên lớp năm học 2021- 2022, 2022-2023, 2023-2024; 2.2.06 - Hồ sơ giáo vụ ( Kế hoạch giảng dạy, Giáo án, Sổ tay, sổ lên lớp) của giảng viên năm học 2021- 2022, 2022-2023, 2023-2024)

Để thống nhất việc thực hiện hồ sơ về công tác đào tạo, thuận tiện trong việc theo dõi, kiểm tra, đánh giá và đảm bảo theo Thông tư số 23/2018/TT-BLĐT BXH, ngày 06/12/2018 của Bộ LĐTBXH, nhà trường đã ban hành Quy định về hồ sơ, sổ sách trong đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo Quyết định số 61/QĐ-CDKTKTTĐ ngày 03/09/2018. *(2.2.07 – Quyết định Quy định về hồ sơ, sổ sách trong đào tạo)*

Hàng năm, Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng của nhà trường tham mưu kế hoạch và tổ chức thực hiện việc thanh kiểm tra các hoạt động đào tạo và Báo cáo kết quả thanh kiểm tra để Ban giám hiệu biết và có đánh giá, điều chỉnh để đảm bảo việc thực hiện theo quy định chung. *(2.2.08 – Kế hoạch thanh tra đào tạo; 2.2.09 – Biên bản kiểm tra hồ sơ giáo vụ; 2.2.10 – Báo cáo kết quả kiểm tra hồ sơ giáo vụ hàng năm)*

### ***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2.2: 2 điểm***

**Tiêu chuẩn 3:** *Thực hiện phương pháp đào tạo phù hợp với nội dung chương trình đào tạo, kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập, tổ chức làm việc theo nhóm của người học; thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông trong hoạt động dạy và học.*

#### ***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Nội dung chương trình đào tạo nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí của nhà trường được xây dựng trên cơ sở quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp, có xác định mục tiêu rõ ràng, cụ thể được thiết kế một cách có hệ thống; trong đó quy định rõ khối lượng kiến thức và thời gian khóa học, tên modul/môn học, thời gian đào tạo, tổng giờ lý thuyết, tổng giờ thực hành. *(1.1.01 – Các quyết định về ban hành chương trình đào tạo nghề KTML&ĐHKK và chương trình đào tạo kèm theo)* Do đó để thực hiện phương pháp đào tạo phù hợp với nội dung chương trình đào tạo, nhà trường đã chủ trương đổi mới phương pháp giảng dạy với phương châm lấy người học là trung tâm; kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập, tổ chức làm việc theo nhóm của người học; thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông trong hoạt động dạy học. *(2.2.02 - Tiến độ đào tạo nghề KTML&ĐHKK năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024)*

Mỗi giảng viên trong khoa được phân công giảng dạy phù hợp với các lớp lý thuyết và thực hành đảm bảo đủ khối lượng công tác của giảng viên. *(2.2.03 - Bảng phân môn giờ dạy năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024; 2.2.06- Hồ sơ giáo vụ (giáo án, sổ tay*

*giảng viên, kế hoạch giảng dạy, sổ lên lớp) của giảng viên năm học 2021- 2022, 2022-2023, 2023-2024; 2.2.09 – Biên bản kiểm tra hồ sơ giáo vụ; 2.2.10 – Báo cáo kết quả kiểm tra hồ sơ giáo vụ hàng năm)*

Các phân công, thời khóa biểu, theo dõi tình hình học tập giảng dạy,... được đưa vào hệ thống phần mềm đó là phần mềm chương trình quản lý điểm tích hợp bao gồm các chức năng: nhập điểm cho giảng viên, nhập kế hoạch giảng dạy cho giảng viên, phân công giảng dạy, các thống kê báo cáo, quản lý lớp cho giảng viên chủ nhiệm, đánh giá rèn luyện hàng tháng cho sinh viên được vận hành xuyên suốt trong quá trình đào tạo. Giảng viên được cấp tài khoản riêng để đăng nhập vào phần mềm và thực hiện các chức năng kể trên. *(2.3.01 – Phần mềm chương trình quản lý đào tạo; Phần mềm quản lý học sinh sinh viên).*

Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy là việc làm không thể thiếu để nâng cao chất lượng dạy và học, tăng được lượng tri thức truyền tải đến sinh viên. Hiện nay, chương trình đào tạo nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí có hơn 50% mô đun/môn học chuyên môn của ngành, nghề có sử dụng thiết bị mô phỏng, thiết bị thực tế ảo hoặc phần mềm mô phỏng hiện đại, trực quan sinh động. Các phần mềm mô phỏng hỗ trợ trong hoạt động dạy và học luôn được cập nhật mới nhằm đáp ứng nhu cầu sử dụng của sinh viên, giảng viên và sản xuất thực tế tại doanh nghiệp *(2.3.02 – Danh sách các phần mềm sử dụng trong giảng dạy; 2.2.06 - Hồ sơ giáo vụ (giáo án, sổ tay giảng viên, kế hoạch giảng dạy, sổ lên lớp) của giảng viên năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024).*

### ***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2.3: 02 điểm***

**Tiêu chuẩn 4:** *Cơ sở đào tạo phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động; 100% người học trước khi tốt nghiệp đều được thực hành tại đơn vị sử dụng lao động phù hợp với ngành, nghề đào tạo.*

### ***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Thủ Đức với phương châm đào tạo sinh viên theo hướng ứng dụng – thực hành, cung cấp nguồn nhân lực kỹ thuật, có năng lực nghiên cứu và giải quyết vấn đề trong thực tế sản xuất. Chương trình đào tạo nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí gồm 34 mô đun, môn học, trong đó có mô đun MĐ 24 - Thực tập tốt nghiệp có thời lượng 240 giờ được triển khai học tập trực tiếp tại doanh nghiệp *(1.1.01 –*

*Các quyết định về ban hành chương trình đào tạo nghề KTML&ĐHKK trình độ cao đẳng và chương trình đào tạo kèm theo). Nhà trường, Khoa và Doanh nghiệp luôn cùng đồng hành trong hoạt động đào tạo, được thể hiện thông qua việc SV được thực tập tại doanh nghiệp vào học kỳ cuối cùng của khóa học. Trước khi phân bổ SV đến thực tập tại doanh nghiệp, Khoa liên hệ với đơn vị sử dụng lao động về việc cho SV thực hành, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động, được sự đồng ý của doanh nghiệp về tiếp nhận SV thực tập (2.4.01 – Hợp đồng/ Biên bản thỏa thuận về việc đưa học sinh sinh viên của nghề KTML&ĐHKK đến thực tập tại các doanh nghiệp), sau đó Khoa sẽ lập kế hoạch và phân công thực tập dựa trên lịch đào tạo và Trường có gửi giấy giới thiệu thực tập để SV đến công ty nhận công việc theo thời gian (2.4.02 – Kế hoạch thực tập Doanh nghiệp của HSSV các năm; 2.4.03 – Các Quyết định đưa HSSV đi thực tập tại Doanh nghiệp và danh sách kèm theo)*

Tại doanh nghiệp, cán bộ hướng dẫn đưa ra các nhiệm vụ công việc cho SV thực hiện. Các công việc này có sự phối hợp giữa giáo viên hướng dẫn với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn cho SV thực hành, thực tập các ngành, nghề tại đơn vị sử dụng lao động. Trong quá trình thực tập, sinh viên sẽ được đánh giá từng công việc và đánh giá kết thúc bởi cán bộ hướng dẫn phối hợp giáo viên hướng dẫn trước khi về trường (2.4.04 – Phiếu nhận xét thực tập, báo cáo thực tập của HSSV).

Trường thường ưu tiên gửi SV đến các công ty là đối tác của Trường để thực tập tốt nghiệp. Các đợt thực tập đều có danh sách giảng viên phụ trách hướng dẫn thực hành, thực tập để phối hợp cùng Doanh nghiệp hướng dẫn và quản lý để hỗ trợ sinh viên hoàn thành chương trình thực tập nhằm đảm bảo điều kiện tốt nghiệp. Các công việc doanh nghiệp phân công cho sinh viên thực tập căn cứ vào nhu cầu thực tập của nhà trường tương ứng với ngành nghề đào tạo và có sự phối hợp chặt chẽ giữa cán bộ nhà máy và giáo viên hướng dẫn thực tập để đảm bảo nội dung thực tập (2.4.05 - Đề cương thực tập tốt nghiệp; 2.4.04 - Phiếu nhận xét thực tập, báo cáo thực tập tốt nghiệp của sinh viên).

Tất cả sinh viên của nhà trường trước khi tốt nghiệp đều được thực hành tại đơn vị sử dụng lao động phù hợp với ngành, nghề đào tạo (2.4.03 – Các Quyết định đưa SV đi thực tập tại Doanh nghiệp và danh sách kèm theo; 2.4.06 - Quyết định công nhận tốt nghiệp và danh sách SV tốt nghiệp nghề KTML&ĐHKK hàng năm)

**Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2.4: 2 điểm**

**Tiêu chuẩn 5:** Tổ chức kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng theo quy định; có hồ sơ người học đủ và đúng theo quy định.

**Mô tả, phân tích, nhận định:**

Chương trình đào tạo nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí của nhà trường được tổ chức theo phương thức niên chế. Quy chế đào tạo của nhà trường được xây dựng và ban hành căn cứ theo Thông tư 09/2017/TT-BLĐTĐBXH về quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ; Quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp và Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTĐBXH quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ (2.5.01 – Quyết định về việc ban hành Quy định việc tổ chức đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương pháp tích lũy mô - đun hoặc tín chỉ)

Để công tác tổ chức việc thi tốt nghiệp được thuận tiện nhà trường biên soạn bộ đề cương ôn tập (2.5.02 - Bộ đề cương ôn tập tốt nghiệp). Căn cứ quy chế đào tạo trong đó cụ thể về quy định thi, kiểm tra, xét công nhận tốt nghiệp, Phòng Đào tạo; Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng, các Khoa chuyên môn xây dựng kế hoạch giảng dạy và kế hoạch tổ chức thi, kiểm tra cho các lớp đảm bảo khách quan, minh bạch đúng quy chế quy định và quy trình quy định. Việc tổ chức thi, kiểm tra kết thúc môn học, mô đun được thực hiện theo quy trình ĐBCL-QT05, việc tổ chức thi tốt nghiệp được thực hiện theo quy trình ĐT-QT06 do nhà trường ban hành. (2.5.01 – Quyết định về việc ban hành Quy định việc tổ chức đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương pháp tích lũy mô - đun hoặc tín chỉ; 2.5.03 – Quy trình tổ chức kết thúc mô đun, môn học; 2.5.04 – Quy trình tổ chức thi tốt nghiệp). Để phục vụ cho các kỳ thi tốt nghiệp được hiệu quả, trước kỳ thi Trường thành lập Hội đồng thi tốt nghiệp để tổ chức kỳ thi, trước kỳ thi Hội đồng tổ chức họp xét điều kiện dự thi, sau khi có kết quả thi Hội đồng thi sẽ xét công nhận tốt nghiệp đối với người học trước khi trình Hiệu trưởng ký quyết định công nhận tốt nghiệp (2.5.05 – Kế hoạch và Quyết định thành lập Hội đồng thi tốt nghiệp; 2.5.05 - Biên bản xét điều kiện thi tốt nghiệp; Biên bản họp hội đồng thi tốt nghiệp và xét công nhận tốt nghiệp; 2.4.06 - Quyết định công nhận tốt nghiệp và danh sách SV tốt nghiệp nghề KTML&ĐHKK hàng năm; 1.2.04 - Báo cáo công tác năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024 của Khoa Điện lạnh; 1.2.05 - Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024 và các nhiệm vụ giải pháp trọng tâm).



Việc thực hiện đánh giá kết quả rèn luyện của người học được nhà trường thực hiện dựa trên Quy chế công tác học sinh sinh viên được ban hành kèm theo Quyết định số. 109/QĐ-CDKTKTTĐ ngày 12 tháng 11 năm 2019 và Quy trình đánh giá kết quả rèn luyện, mã quy trình CTHSSV&QHXXN-QT10 của nhà trường. *(2.5.07 – Quyết định về việc ban hành quy chế công tác học sinh, sinh viên; 2.5.08 – Quy trình đánh giá kết quả rèn luyện).* Mỗi học kỳ, Giáo viên chủ nhiệm lớp sẽ triển khai cho Sinh viên thực hiện tự đánh giá, thông qua Trưởng khoa Điện lạnh trước khi nộp về phòng Công tác học sinh sinh viên để tổng hợp trình Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện của học sinh, sinh viên xem xét thống nhất và trình Hiệu trưởng xem xét và quyết định công nhận kết quả rèn luyện của học sinh, sinh viên. *(2.5.09 – Hồ sơ đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên nghề KTML&ĐHKK các năm 2021-2022; 2022-2023; 2023-2024)*

Căn cứ Thông tư 10/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 quy định về mẫu bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng; in, quản lý, cấp phát, thu hồi, hủy bỏ bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng; Văn bản hợp nhất số 3699/VBHN-BLĐTBXH ngày 26/8/2019, Thông tư số 24/2020/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 12 năm 2020, Văn bản hợp nhất Số 2513/VBHN-BLĐTBXH ngày 03 tháng 8 năm 2021, Trường ban hành Quy chế in, quản lý, cấp phát, thu hồi, hủy bỏ bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Thủ Đức. Các mẫu phôi bằng được thống nhất thực hiện theo quy định chung mà nhà trường đã thống nhất và gửi cơ quan chức năng để đăng ký theo quy định *(2.5.10 - Quyết định ban hành quy định về mẫu bằng tốt nghiệp TC-CD, in, quản lý, cấp phát, thu hồi, hủy bỏ bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng; 2.5.11- Quyết định về phê duyệt mẫu phôi bằng trung cấp, cao đẳng)* Việc thực hiện cấp phát văn bằng được thực hiện nghiêm túc, người học khi nhận bằng phải ký tên vào sổ cấp phát bằng theo quy định. *(2.5.12 – Sổ cấp phát bằng tốt nghiệp; 2.1.13 - Biên bản kiểm tra công tác tuyển sinh và cấp phát bằng hàng năm)*

Người học khi đăng ký nhập học phải nộp hồ sơ gồm các mẫu của nhà trường, hồ sơ học sinh sinh viên được lưu trữ tại phòng Đào tạo theo quy định *(2.5.13 – Hồ sơ sinh viên nghề KTML&ĐHKK các năm 2021-2022; 2022-2023; 2023-2024; 2.2.08 – Kế hoạch thanh tra đào tạo; 2.2.09 – Biên bản kiểm tra hồ sơ giáo vụ; 1.3.07 - Biên bản, kết luận thanh tra, kiểm tra về hoạt động GDNN của Sở LĐTBXH TPHCM)*

***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2.5: 2 điểm***

**Tiêu chuẩn 6:** Tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học theo quy định; sử dụng kết quả kiểm tra để kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy và học cho phù hợp.

**Mô tả, phân tích, nhận định:**

Khoa Điện lạnh và các phòng chức năng nhà trường thực hiện chức năng nhiệm vụ được quy định tại quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường, quy định chức năng nhiệm vụ kèm theo quyết định thành lập và sự phân công của Ban giám hiệu (1.1.02 - *Biên bản làm việc về kiểm tra về hoạt động GDNN năm 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024; 1.2.01 - Quyết định thành lập khoa Điện lạnh*). Trong đó kiểm tra giám sát được thực hiện thường xuyên và thực hiện theo các kế hoạch cụ thể. Dựa trên cơ sở kế hoạch đào tạo, kế hoạch phân công giáo viên, thời khóa biểu hàng năm phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng tham mưu kế hoạch kiểm tra giám sát. Việc kiểm tra giám sát hoạt động dạy và học cũng được thông qua sự phối hợp giữa phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng, Khoa Điện lạnh và các phòng ban liên quan theo nhiệm vụ được giao. Việc thực hiện kiểm tra giám sát được thực hiện định kỳ cũng như đột xuất thông qua nhiều hình thức trực tiếp. (2.6.01 – *Quy định về công tác thanh tra, giám sát các hoạt động nội bộ; 2.6.02 – Kế hoạch kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học hàng năm; 2.2.02 - Kế hoạch đào tạo, Tiến độ đào tạo nghề KTML&ĐHKK năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024; 2.2.03 - Bảng phân môn giờ dạy của Khoa Điện lạnh năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024; 2.2.04 - Thời khóa biểu năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024; 2.2.06 - Hồ sơ giáo vụ (giáo án, sổ tay giảng viên, kế hoạch giảng dạy, sổ lên lớp) của giảng viên năm học 2021- 2022, 2022-2023, 2023-2024; 2.6.03 – Biên bản kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học*).

Bên cạnh đó, để tăng cường công tác kiểm tra giám sát đồng thời tổ chức hoạt động nâng cao chất lượng đào tạo, hàng năm khoa Điện lạnh và các phòng khoa có liên quan có kế hoạch dự giờ, thao giảng để chia sẻ trao đổi kinh nghiệm (2.6.04 – *Kế hoạch dự giờ, phiếu dự giờ hàng năm*)

Sau mỗi đợt thanh tra nội bộ, bộ phận phụ trách công tác thanh tra là phòng khảo thí và đảm bảo chất lượng thực hiện báo cáo tổng kết hoạt động công tác thanh tra đào tạo, qua đó nhận xét đánh giá tình hình thực tế để Ban giám hiệu có cơ sở điều chỉnh kịp thời các hoạt động dạy và học. (2.2.10 – *Báo cáo kết quả kiểm tra hồ sơ giáo vụ hàng năm*)

Hàng năm, trường thực hiện khảo sát lấy ý kiến của cán bộ, giáo viên và học sinh sinh viên về việc thực hiện công tác kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học để có cơ sở rà soát điều chỉnh nội dung, phương thức thực hiện từ đó giúp ích trong công tác dạy và học ngày một tốt hơn (1.1.08 – *Kế hoạch khảo sát lấy ý kiến phản hồi năm 2022, 2023, 2024;*

*1.1.09 – Nội dung khảo sát lấy ý kiến đánh giá chất lượng; 1.1.10 - Báo cáo kết quả khảo sát năm 2022, 2023, 2024).*

***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2.6: 2 điểm***

**Tiêu chuẩn 7:** *Tổ chức đào tạo liên thông theo quy định.*

***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí trình độ cao đẳng của nhà trường được đào tạo theo giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 163/2017/GCNĐKHHĐ-TCĐN ngày 21/6/2017; số 63/2021/GDNĐKHHĐ-TCGDNN ngày 30/6/2021 *(2.7.01 – Các giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN của Trường)*. Căn cứ chức năng nhiệm vụ của nhà trường và nhu cầu thị trường lao động, nhu cầu của người học, Trường đã tổ chức tuyển sinh và thực hiện về đào tạo liên thông từ trình độ trung cấp lên trình độ cao đẳng theo quy chế quy định. *(2.1.02 – Các Quyết định về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và xác định chỉ tiêu tuyển sinh trình độ trung cấp, cao đẳng; 2.5.01 – Quyết định về việc ban hành quy định việc tổ chức đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ).*

Chương trình đào tạo liên thông trình độ cao đẳng của nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí được thực hiện trên cơ sở so sánh giữa chương trình đào tạo trình độ trung cấp và chương trình đào tạo trình độ cao đẳng để thuận tiện cho người học. *(1.1.01 – Các quyết định về ban hành chương trình đào tạo nghề KTML&ĐHKK trình độ cao đẳng và chương trình đào tạo kèm theo; 2.7.02 – Quyết định ban hành chương trình đào tạo trình độ trung cấp nghề KTML&ĐHKK và Chương trình đào tạo kèm theo)*

Hàng năm, Trường xây dựng kế hoạch tuyển sinh trình độ liên thông và thông báo tuyển sinh đối với các ngành nghề đào tạo, trong đó có nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí để thông báo rộng rãi đến người học có nhu cầu *(2.1.05 – Thông báo tuyển sinh)*. Thực hiện việc xét tuyển và mở lớp đào tạo trình độ cao đẳng liên thông theo quy định *(2.1.03 – Quyết định thành lập hội đồng tuyển sinh; 2.7.03 – Quyết định, biên bản họp xét tuyển sinh trình độ cao đẳng liên thông; 2.7.04 – Quyết định mở lớp trình độ cao đẳng liên thông nghề KTML&ĐHKK; 1.2.04 - Báo cáo công tác năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024 của Khoa Điện lạnh; 1.2.05 - Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024 và các nhiệm vụ giải pháp trọng tâm)*

***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2.7: 2 điểm***

### **TIÊU CHÍ 3: Nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên**

#### **Đánh giá tổng quát tiêu chí 3:**

Chất lượng đào tạo được nhà Trường đặc biệt quan tâm hàng đầu. Giảng viên được bồi dưỡng về chuyên môn và nghiệp vụ đạt chuẩn trước khi tham gia giảng dạy. Tất cả giảng viên có báo cáo kết quả hoàn thành công tác giảng dạy hàng năm cho Trường đúng theo quy định.

Tất cả các học phần lý thuyết và thực hành trong chương trình đào tạo nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí được triển khai thực hiện theo kế hoạch đào tạo có đủ giảng viên đứng lớp; đảm bảo tỉ lệ quy đổi số sinh viên và giảng viên theo quy định. Bên cạnh công tác giảng dạy, có 50% giảng viên cơ hữu tích cực tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học, hội thi giảng viên dạy giỏi cấp trường và hội thi thiết bị đào tạo tự làm.

Nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy, giảng viên cơ hữu được Trường tổ chức các lớp bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ hàng năm. Trường giới thiệu cho tất cả giảng viên cơ hữu của Khoa đến các công ty hoạt động trong lĩnh vực liên quan đến Điện lạnh để tham quan cơ sở sản xuất, trao đổi kinh nghiệm từ thực tiễn sản xuất tại doanh nghiệp. Tất cả cán bộ quản lý và nhân viên của Trường được bồi dưỡng chuyên môn và nghiệp vụ theo quy định. Tất cả cán bộ quản lý và nhân viên của Trường có báo cáo kết quả hoàn thành nhiệm vụ trong năm học theo quy định.

#### *\* Những điểm mạnh:*

Nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy, công tác bồi dưỡng chuyên môn và nghiệp vụ sư phạm cho giảng viên được Trường tổ chức hàng năm thông qua các buổi giảng dự giờ đánh giá định kỳ đối với giảng viên.

Nhà trường luôn quan tâm đến việc xây dựng, đào tạo và phát triển đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý của Khoa; đáp ứng theo chuẩn quy định tại Thông tư số 08/2017/TT – BLĐTBXH; Thường xuyên chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ giáo viên về trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, nghiệp vụ sư phạm; 100% giáo viên cơ hữu của khoa đã được cử đi thực tập tại các đơn vị sử dụng lao động, cán bộ quản lý đi học tập, bồi dưỡng, các lớp tập huấn ở trong và ngoài nước. Đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý của Khoa có tuổi đời bình quân trẻ, có năng lực tốt, đảm bảo tính kế thừa và phát triển của Khoa điện lạnh cũng như Nhà trường.

Khoa Điện lạnh có đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý có đủ về số lượng và đáp ứng tốt các yêu cầu về giáo dục nghề nghiệp; đạt chuẩn về trình độ chuyên môn và nghiệp vụ sư phạm làm việc có hiệu quả, chấp hành nghiêm túc kỷ luật lao động.

100% giáo viên, cán bộ quản lý của khoa có trình độ, năng lực tốt hoàn thành các nhiệm vụ giảng dạy được nhà trường và của khoa giao. Giáo viên dạy các môn chuyên môn nghề tham gia nghiên cứu khoa học, hội giảng các cấp, hội thi thiết bị tự làm. Các kết quả hoạt động của cán bộ được báo cáo, phân tích hàng tháng (họp giao ban). Kết quả hoạt động giảng dạy của giảng viên được báo cáo hàng năm.

*\* Những tồn tại:*

Tỉ lệ giảng viên có trình độ sau đại học chưa cao

*\* Kế hoạch nâng cao chất lượng:*

Tiếp tục làm tốt công tác tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ cho đội ngũ giảng viên và cán bộ quản lý. Tạo điều kiện cho giảng viên nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí tham gia thi chứng chỉ tin học quốc gia theo quy định.

### **Điểm đánh giá tiêu chí 3**

<b>Tiêu chí, tiêu chuẩn</b>	<b>Điểm tự đánh giá</b>
<b>Tiêu chí 3</b>	<b>16</b>
Tiêu chuẩn 1	2
Tiêu chuẩn 2	2
Tiêu chuẩn 3	2
Tiêu chuẩn 4	2
Tiêu chuẩn 5	2
Tiêu chuẩn 6	2
Tiêu chuẩn 7	2
Tiêu chuẩn 8	2

**Tiêu chuẩn 1:** 100% nhà giáo tham gia giảng dạy đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.

### ***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Khoa thực hiện nghiêm túc các quy định, quy trình về công tác tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động của Nhà trường. Hiện nay Khoa có 13 giảng viên cơ hữu giảng dạy các môn cơ sở và chuyên môn nghề, trong đó 04 giảng viên có trình độ thạc sĩ và 09 giảng viên có trình độ đại học đảm bảo đúng chuyên môn, nghiệp vụ giảng dạy. *(3.1.01 - Danh sách trích ngang giảng viên cơ hữu Khoa Điện lạnh năm 2022, 2023, 2024)*. Bên cạnh đó có các giáo viên tại khoa Khoa học cơ bản giảng dạy các môn chung và một số giáo viên khác khoa khác trong nhà trường giảng dạy các môn qua ban và một số giáo viên thỉnh giảng tham gia giảng dạy các lớp *(3.1.02 - Danh sách trích ngang giảng viên cơ hữu các phòng, khoa giảng dạy nghề KTML&ĐHKK năm 2022, 2023, 2024; 3.1.03 - Danh sách trích ngang GV thỉnh giảng nghề KTML&ĐHKK năm 2022, 2023, 2024)*. Các hồ sơ chuyên môn, lý lịch khoa học của các GV đều được Trường lưu trữ tại phòng Hành chính Tổ chức *(3.1.04 - Hồ sơ nhà giáo, giảng viên Khoa Điện lạnh năm 2022, 2023, 2024)*.

Đội ngũ nhà giáo của Khoa có kinh nghiệm trong giảng dạy và thực tiễn ngành nghề, có trình độ chuyên môn và kỹ năng nghề tương đối vững vàng, đảm bảo các tiêu chuẩn của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp. *(3.1.01 - Danh sách trích ngang giảng viên cơ hữu Khoa Điện lạnh năm 2022, 2023, 2024; 3.1.03 - Danh sách trích ngang GV thỉnh giảng nghề KTML&ĐHKK năm 2022, 2023, 2024)*. Hàng năm Khoa kết hợp cùng Phòng Hành chính – Tổ chức và Phòng Đào tạo thực hiện công tác thống kê, phân loại, xếp loại nhà giáo GDNN theo tiêu chuẩn, tiêu chí của Thông tư số 08/2017/TT-BLĐTBXH ngày 10/3/2017 của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội Thông tư quy định chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp. *(3.1.05 - Phiếu đánh giá, xếp loại chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo hàng năm; 3.1.06 – Báo cáo kết quả đánh giá, xếp loại chuyên môn, nghiệp vụ nhà giáo khoa Điện lạnh hàng năm)*

Nhìn chung, nhà giáo tham gia giảng dạy chương trình đào tạo nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định *(1.2.04 - Báo cáo công tác năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024 của Khoa Điện lạnh; 1.2.05 - Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024 và các nhiệm vụ giải pháp trọng tâm)*.

Hàng năm, Trường thực hiện khảo sát lấy ý kiến của cán bộ, giáo viên về tiêu chuẩn trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo *(1.1.08 – Kế hoạch khảo sát lấy ý kiến phản*

*hồi năm 2022, 2023, 2024; 1.1.09 – Nội dung khảo sát lấy ý kiến đánh giá chất lượng; 1.1.10 - Báo cáo kết quả khảo sát năm 2022, 2023, 2024)*

### ***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3.1: 2 điểm***

**Tiêu chuẩn 2:** *Hàng năm, 100% nhà giáo hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo giao.*

#### ***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Hiện tại khoa Điện lạnh có 05 giảng viên tham gia giảng dạy nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí, bên cạnh đó có các giảng viên các phòng, khoa khác có tham gia giảng dạy cùng với đội ngũ giáo viên thỉnh giảng. Đối với giáo viên cơ hữu của trường thực hiện nhiệm vụ theo quy định về chế độ làm việc do nhà trường ban hành *(3.2.01 – Các Quyết định ban hành Quy định cụ thể hóa chế độ làm việc của nhà giáo GDNN)*. Bên cạnh công tác giảng dạy, hàng năm nhà giáo còn được giao các nhiệm vụ kiêm nhiệm như công tác chủ nhiệm, công tác quản lý xưởng thực hành...*(3.2.02 – Các Quyết định về việc phân công công tác giáo viên chủ nhiệm năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024; 3.2.03 – Bảng phân công phụ trách phòng thực hành các năm học 2021- 2022, 2022- 2023, 2023-2024)*

Căn cứ quy định về chế độ làm việc của nhà giáo và các kế hoạch đào tạo, tiến độ đào tạo, hàng năm Khoa Điện lạnh xây dựng Kế hoạch giáo viên, Bảng phân môn giảng viên làm cơ sở để giảng viên thực hiện công tác giảng dạy, các hồ sơ giáo vụ theo quy định và các nhiệm vụ khác theo phân công của Ban giám hiệu *(2.2.02 - Tiến độ đào tạo nghề KTML&ĐHKK năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024; 2.2.03 - Bảng phân môn giờ dạy Khoa Điện lạnh năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024; 2.2.04 - Thời khóa biểu năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024; 2.2.06- Hồ sơ giáo vụ (giáo án, sổ tay giảng viên, kế hoạch giảng dạy, sổ lên lớp) của giảng viên năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024; 2.6.03 – Biên bản kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học)*

Việc đánh giá xếp loại viên chức hàng năm luôn thực hiện đúng quy trình, tiến độ và khách quan theo quy định về tiêu chuẩn chuyên môn nghiệp vụ và các quy định về nhiệm vụ công tác do nhà trường giao theo quy định chung của Chính phủ về đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức *(3.1.05 - Phiếu đánh giá, xếp loại chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo hàng năm; 3.1.06 - Báo cáo kết quả đánh giá, xếp loại chuyên môn, nghiệp vụ nhà giáo khoa Điện lạnh hàng năm; 3.2.04 – Phiếu đánh giá xếp loại chất lượng viên chức năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024 nghề KTML&ĐHKK; 3.2.05 - Bảng tổng hợp kết quả đánh giá xếp loại viên chức các năm; 3.2.06 - Quyết định khen thưởng hàng năm của Trường).*

Đối với nhà giáo thỉnh giảng trường giao nhiệm vụ cụ thể theo hợp đồng và thanh lý hợp đồng khi nhà giáo hoàn thành các nhiệm vụ theo thỏa thuận (3.2.07 – Hợp đồng thỉnh giảng, biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng thỉnh giảng năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024)

100% giáo viên tham gia giảng dạy KTML&ĐHKK hoàn thành khối lượng giảng dạy và các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ theo phân công nhiệm vụ. Hàng năm được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao (1.2.04 - Báo cáo năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024 của Khoa Điện lạnh; 1.2.05 - Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024 và các nhiệm vụ giải pháp trọng tâm).

### ***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3.2: 2 điểm***

**Tiêu chuẩn 3:** Đảm bảo tất cả các mô-đun, môn học thuộc chương trình đào tạo có đủ nhà giáo đứng lớp; đảm bảo tỉ lệ số người học/lớp và tỷ lệ quy đổi người học/nhà giáo theo quy định.

#### ***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Hiện tại khoa Điện lạnh có 05 giảng viên tham gia giảng dạy nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí, bên cạnh đó có các giảng viên các phòng, khoa khác có tham gia giảng dạy cùng với đội ngũ giáo viên thỉnh giảng. Đối với giáo viên cơ hữu của trường thực hiện nhiệm vụ theo quy định về chế độ làm việc do nhà trường ban hành, đối với nhà giáo thỉnh giảng trường giao nhiệm vụ cụ thể theo hợp đồng và thanh lý hợp đồng khi nhà giáo hoàn thành các nhiệm vụ theo thỏa thuận (3.2.01 – Các Quyết định ban hành Quy định cụ thể hóa chế độ làm việc của nhà giáo GDNN; 3.2.07 – Hợp đồng thỉnh giảng, biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng thỉnh giảng năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024).

Công tác đảm bảo chất lượng luôn là mục tiêu quan tâm hàng đầu của Khoa Điện lạnh nói riêng và Nhà trường nói chung, đầu mỗi năm học, căn cứ vào Kế hoạch đào tạo; tiến độ đào tạo, Khoa Điện lạnh lập kế hoạch phân công giảng viên cụ thể, chi tiết đến từng môn học, mô-đun để làm cơ sở rà soát số lượng, thời lượng công tác của mỗi cá nhân và có kế hoạch mời giảng viên thỉnh giảng do đó Khoa Điện lạnh luôn đảm bảo số lượng nhà giáo giảng dạy (3.1.01 - Danh sách trích ngang giảng viên cơ hữu Khoa Điện lạnh năm 2022, 2023, 2024; 3.1.02 - Danh sách trích ngang giảng viên cơ hữu các phòng, khoa giảng dạy nghề KTML&ĐHKK năm 2022, 2023, 2024; 3.1.03 - Danh sách trích ngang GV thỉnh giảng nghề KTML&ĐHKK năm 2022, 2023, 2024; 2.2.02 - Tiến độ đào tạo nghề KTML&ĐHKK



*năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024; 2.2.03 - Bảng phân môn giờ dạy của Khoa Điện lạnh năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024; 2.2.04 - Thời khóa biểu năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024).*

Khoa Điện lạnh thực hiện phân công giảng viên giảng dạy theo đúng chuyên môn nghiệp vụ và đảm bảo tỉ lệ sinh viên và giảng viên theo quy định để điều kiện tốt nhất cho việc giảng dạy hiệu quả (*3.3.01 - Danh sách các lớp cao đẳng nghề KTML&ĐHKK; 3.3.02 - Học sinh/sinh viên quy đổi nghề KTML&ĐHKK; 3.3.03 - Giáo viên, giảng viên quy đổi nghề KTML&ĐHKK*).

Khối lượng công việc của giảng viên luôn được Khoa quan tâm dựa trên chất lượng, hiệu quả công việc. Việc thanh toán thù lao ngoài giờ làm việc quy định (vượt giờ) và thù lao thỉnh giảng của nhà trường được thực hiện theo Quy chế chi tiêu nội bộ. Cuối mỗi năm học, Khoa thực hiện thống kê khối lượng công việc, tính mức làm việc vượt giờ nộp về phòng Đào tạo xem xét rà soát để làm cơ sở thanh toán theo quy định (*3.3.04 – Quyết định ban hành quy chế chi tiêu nội bộ các năm; 3.3.05 - Bảng tính vượt giờ giảng viên năm 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024; 3.3.06 - Bảng tổng hợp vượt giờ giảng viên, đề nghị thanh toán tiền vượt giờ giảng viên*).

Hàng năm, nhà trường thực hiện việc rà soát đánh giá về đội ngũ nhà giáo trong đó có nhà giáo giảng dạy nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí. Ngoài ra, trường được tổ công tác sở LĐT BXH thanh kiểm tra hoạt động giáo dục nghề nghiệp trong đó có thanh kiểm tra về đội ngũ nhà giáo (*Báo cáo công tác năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024 của Khoa Điện lạnh; 1.2.05 - Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024 và các nhiệm vụ giải pháp trọng tâm; 1.3.07 - Biên bản làm việc về kiểm tra về hoạt động GDNN năm 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024*)

### ***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3.3: 2 điểm***

**Tiêu chuẩn 4:** *Hàng năm, tối thiểu 50% nhà giáo cơ hữu dạy các môn chuyên môn ngành, nghề tham gia nghiên cứu khoa học, các hội thi nhà giáo dạy giỏi, hội thi thiết bị tự làm các cấp.*

### ***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Hoạt động nghiên cứu khoa học là một trong những nhiệm vụ đối với giáo viên và là cơ sở cho việc đánh giá mức độ hoàn thành công tác của mỗi cá nhân, tập thể và xếp loại thi đua của Nhà trường. Hoạt động nghiên cứu khoa học được quy định trong Quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường và cụ thể hóa tại Quy định cụ thể hóa chế độ làm việc của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp. (*1.1.02 - Quyết định ban hành Quy chế tổ chức và hoạt*

*động của trường; 3.2.01 – Các Quyết định về việc ban hành Quy định cụ thể hóa chế độ làm việc của nhà giáo GDNN)*

Để thống nhất thực hiện công tác nghiên cứu khoa học, Trường đã ban hành Quy định về nghiên cứu khoa học, thành lập Hội đồng khoa học và đào tạo cũng như ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng khoa học và đào tạo để triển khai và xét chọn các đề tài nghiên cứu khoa học của trường. Việc tham mưu và triển khai các kế hoạch công tác nghiên cứu khoa học trong nhà trường được giao cho phòng khảo thí và Đảm bảo chất lượng phụ trách, việc tổ chức thực hiện theo quy định của Quy trình nghiên cứu khoa học, mã quy trình ĐBCL-QT03. Nhà trường gắn việc nghiên cứu khoa học, thực hiện sáng kiến cải tiến hoặc áp dụng công nghệ mới là một trong những tiêu chí bình xét các danh hiệu thi đua hàng năm để khuyến khích các giảng viên tham gia thực hiện. *(3.4.01 - Quyết định về việc ban hành quy chế hoạt động khoa học công nghệ; 3.4.02 - Quyết định về việc thành lập Hội đồng xét duyệt, nghiệm thu đề tài nghiên cứu khoa học; 3.4.03 – Quy trình nghiên cứu khoa học; 1.2.01 - Quyết định thành lập khoa Điện lạnh).*

Hàng năm, giảng viên Khoa Điện lạnh tích cực trong thực hiện công tác nghiên cứu khoa học, sáng kiến kinh nghiệm cũng như tham gia hội giảng nhà giáo giáo dục nghề nghiệp hội thi thiết bị đào tạo tự làm do nhà trường và cấp trên tổ chức *(3.4.04 - Danh sách thứ tự báo cáo đề cương nghiên cứu khoa học cấp trường năm học 2020 - 2021; 3.4.05 – Hồ sơ nghiên cứu khoa học của giảng viên khoa Điện lạnh các năm; 3.4.06 - Quyết định về việc nghiệm thu kết quả nghiên cứu khoa học cấp trường năm 2020 - 2021; 3.4.07 - Kế hoạch hội giảng, danh sách giáo viên và tên bài giảng hội giảng cấp khoa; 3.4.08 - Danh sách giáo viên nghề KTML&ĐHKK tham gia hội giảng cấp trường và các cấp trên; 3.4.09 - Bằng khen, giấy khen giáo viên nghề KTML&ĐHKK tham gia hội giảng cấp trường và các cấp trên; 3.4.10 – Quyết định công nhận sáng kiến kinh nghiệm các năm).*

#### ***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3.4: 2 điểm***

**Tiêu chuẩn 5:** *Hàng năm, cơ sở đào tạo tổ chức cho nhà giáo cơ hữu tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng.*

#### ***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Nhà trường có chính sách chế độ để khuyến khích cán bộ, giáo viên học tập nâng cao trình độ được cụ thể trong Quy chế chi tiêu nội bộ hàng năm và tổ chức cho nhà giáo tham gia các lớp học tập, bồi dưỡng các khóa chuyên môn nghiệp vụ, lý luận chính trị *(3.3.04 – Quyết định ban hành quy chế chi tiêu nội bộ các năm; 3.5.01 - Tổng hợp danh sách đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo năm 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024; 3.5.02 - Kế hoạch đào*

*tao, bồi dưỡng giáo viên, giảng viên năm 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024*). Chương trình đào tạo nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí có học phần, do giảng viên cơ hữu trong Khoa phụ trách giảng dạy và có học phần do giảng viên các Khoa khác trong Trường phối hợp giảng dạy. Căn cứ vào điều kiện thực tế, thế mạnh của từng giảng viên, Khoa Điện lạnh cùng Nhà trường tạo điều kiện cho các giảng viên tham gia các khóa học, bồi dưỡng chuyên môn, kiến thức cho đội ngũ giảng viên theo thực tế từ đó nâng cao chất lượng đào tạo. Giảng viên cơ hữu của Trường được cử đi học các lớp nghiệp vụ, các lớp tập huấn, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn và phương pháp giảng dạy. Các lớp chuyên đề về thiết bị mới do doanh nghiệp liên kết với Khoa được triển khai. *(3.5.03 - Các Quyết định về việc cử cán bộ, giảng viên tham dự khóa đào tạo, bồi dưỡng năm 2021, 2022, 2023; 3.5.04 - Danh sách giảng viên được cử tham gia đào tạo, bồi dưỡng)*

Bên cạnh việc tổ chức cho nhà giáo tham gia học tập bồi dưỡng, hàng năm trường tổ chức cho giảng viên tham gia thực tập tại các doanh nghiệp nhằm cập nhật công nghệ mới phục vụ cho công tác giảng dạy *(3.5.05 - Kế hoạch về việc học tập, thực tập thực tế của giảng viên năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024; 3.5.06 - Báo cáo kết quả học tập, thực tập thực tế của giảng viên năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024)*.

#### ***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3.5: 2 điểm***

**Tiêu chuẩn 6:** *100% nhà giáo cơ hữu đi thực tập tại các đơn vị sử dụng lao động theo quy định.*

#### ***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Thực tập tại các đơn vị sử dụng lao động đối với nhà giáo hoạt động chuyên môn nhằm bổ sung kiến thức, kinh nghiệm thực tiễn, đây là nhiệm vụ được nhà trường quy định cụ thể tại Quy định cụ thể hóa chế độ làm việc của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp. *(3.2.01 – Các Quyết định về việc ban hành Quy định cụ thể hóa chế độ làm việc của nhà giáo GDNN)*

Hàng năm, giảng viên Khoa Điện lạnh đăng ký kế hoạch đi thực tập để Trường khoa tổng hợp trình Hiệu trưởng Trường ra quyết định cử giảng viên đi thực tập hoặc đến tham quan thực tế tại doanh nghiệp tại các công ty, doanh nghiệp phù hợp với ngành nghề đào tạo để cập nhật kiến thức, công nghệ mới giúp duy trì mối quan hệ giữa đơn vị đào tạo nhân lực và đơn vị sử dụng nguồn nhân lực. Điều này giúp Khoa hiểu được nhu cầu về nhân lực hiện tại của xã hội từ đó có thể cập nhật, điều chỉnh chương trình đào tạo. *(3.1.01 - Danh sách trích ngang giảng viên cơ hữu Khoa Điện lạnh năm 2021, 2022, 2023; 3.5.05 - Kế*

*hoạch về việc học tập, thực tập thực tế của giảng viên năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024; 3.5.06 - Báo cáo kết quả học tập, thực tập thực tế của giảng viên năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024 3.6.01 - Quyết định về việc chấp thuận cho giảng viên khoa Điện lạnh đi học tập, thực tập tại doanh nghiệp; 3.6.02 - Danh sách cử cán bộ, giảng viên thực tập tại doanh nghiệp).*

Hàng năm, Trường thực hiện khảo sát lấy ý kiến của cán bộ quản lý, nhà giáo, đơn vị sử dụng lao động về công tác thực tập thực tế của giảng viên (*1.1.08 – Kế hoạch khảo sát (lấy ý kiến phản hồi) ý kiến năm 2022, 2023, 2024; 1.1.09 – Nội dung khảo sát lấy ý kiến đánh giá chất lượng; 1.1.10 - Báo cáo kết quả khảo sát năm 2022, 2023, 2024*)

***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3.6: 2 điểm***

**Tiêu chuẩn 7:** *100% cán bộ quản lý và nhân viên đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.*

***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Công tác quy hoạch cán bộ được thực hiện liên tục, khách quan, luôn đảm bảo bồi dưỡng đội ngũ kế thừa có đủ tiêu chuẩn, năng lực, phẩm chất. Song song đó, cán bộ quản lý có năng lực từ cấp khoa trở lên luôn được quan tâm, bồi dưỡng, đào tạo hàng năm.

Khoa Điện lạnh có cơ cấu 1 cán bộ quản lý phụ trách khoa, và 1 nhân viên giáo vụ khoa (*3.7.01 - Danh sách trích ngang cán bộ quản lý và nhân viên Khoa điện lạnh*).

CBQL Khoa có trình độ Thạc sĩ, có đầy đủ các tiêu chuẩn quy định đối với nhà giáo giáo dục nghề nghiệp, có trình độ Trung cấp lý luận chính trị. NV giáo vụ khoa có trình độ cử nhân, có các chứng chỉ về ngoại ngữ, tin học theo quy định (*3.7.02 - Hồ sơ cán bộ của cán bộ quản lý và nhân viên trực tiếp tổ chức thực hiện chương trình đào tạo của nghề KTML&ĐHKK*)

***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3.7: 2 điểm***

**Tiêu chuẩn 8:** *Hàng năm, 100% cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo giao.*

***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên của Khoa Điện lạnh có nhiều thành tích trong công tác, có năng lực lãnh đạo, có phẩm chất đạo đức; đạt chuẩn về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ quản lý, nhạy bén trong việc xử lý các công việc của Khoa và Nhà trường. Trong

các năm qua, Khoa Điện lạnh thực hiện hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Hàng năm, Nhà trường triển khai đánh giá và phân loại cán bộ quản lý, nhà giáo, nhân viên và người lao động theo quy định Luật Viên chức, Pháp luật lao động và quy định chung của chính phủ về ; 100% cán bộ quản lý, nhà giáo, công nhân viên của Khoa đều được Hội đồng thi đua nhà trường đánh giá và công nhận hoàn thành tốt, hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ được giao

Hàng năm Trường thực hiện đánh giá thi đua để làm cơ sở đánh giá cán bộ viên chức hàng năm theo quy định chung của Chính phủ về đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức. Trong đó, cán bộ quản lý nhân viên Khoa Điện lạnh được đánh giá mức Hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên. *(3.2.01 – Các Quyết định về việc ban hành Quy định cụ thể hóa chế độ làm việc của nhà giáo GDNN; 3.1.05 - Phiếu đánh giá, xếp loại chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo hàng năm; 3.1.06 - Báo cáo kết quả đánh giá, xếp loại chuyên môn, nghiệp vụ nhà giáo khoa Điện lạnh hàng năm; 3.2.04 – Phiếu đánh giá xếp loại chất lượng viên chức năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024 nghề KTML&ĐHKK; 3.2.05 - Bảng tổng hợp kết quả đánh giá xếp loại viên chức các năm; 3.2.06 - Quyết định khen thưởng hàng năm của Trường)*

#### ***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3.8: 2 điểm***

#### **TIÊU CHÍ 4: Chương trình, giáo trình**

##### **Đánh giá tổng quát tiêu chí 4:**

Chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí được Trường xây dựng, thẩm định theo Thông tư 03/2017/TT-BLĐTBXH từ đó nhà trường ban hành theo quyết định số 59/QĐ-CDKTKTTĐ ngày 24 tháng 8 năm 2020 và ban hành chương trình cao đẳng liên thông theo quyết định số 60/QĐ-CDKTKTTĐ ngày 24 tháng 8 năm 2020.. Chương trình được đánh giá và cập nhật theo định kỳ. Nhóm biên soạn và thẩm định chương trình đào tạo gồm giảng viên, cán bộ của Trường và các doanh nghiệp trong Ban cố vấn của chương trình đào tạo.

Chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí được xây dựng đảm bảo khối lượng kiến thức tối thiểu theo các nhóm kiến thức cơ bản, cơ sở và chuyên ngành. Sau khi tốt nghiệp sinh viên sẽ đạt chuẩn đầu ra đào tạo của ngành Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí về kiến thức, kỹ năng và thái độ.

Chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí được phân bổ trong 2,5 năm học bao gồm 5 học kỳ. Các học phần lý thuyết và thực hành được bố trí có trình tự logic và khoa học. Số lượng tối thiểu về thiết bị đào tạo và đội ngũ giảng viên đủ năng lực được đảm bảo khi thực hiện chương trình đào tạo đạt chất lượng.

Các học phần lý thuyết và thực hành trong chương trình đào tạo được xây dựng chuẩn đầu ra đánh giá về kiến thức và kỹ năng theo tiêu chuẩn đánh giá Bloom's Taxonomy. Mục tiêu, chuẩn đầu ra của ngành Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí được thiết kế giúp sinh viên tích lũy được kiến thức, kỹ năng và thái độ đáp ứng yêu cầu phát triển của đất nước, phù hợp với kỹ thuật công nghệ hiện nay.

Chương trình đào tạo được xây dựng theo hướng liên thông hợp lý ở bậc đại học sau khi sinh viên tốt nghiệp. Sinh viên tốt nghiệp được xét tuyển liên thông đại học tại các đại học hàng đầu của Việt Nam. Các học phần lý thuyết và thực hành trong chương trình đào tạo được biên soạn tài liệu, giáo trình đầy đủ trong việc dạy và học.

Tất cả giáo trình được lựa chọn và biên soạn, thẩm định và ban hành trước khi sử dụng trong dạy và học. Các giáo trình biên soạn được đánh giá và cập nhật theo định kỳ. Giáo trình được biên soạn theo chương, bài cung cấp nội dung kiến thức, kỹ năng đảm bảo đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo. Giáo trình được phát triển phù hợp cho phương pháp giảng dạy tích cực.

*\* Những điểm mạnh:*

Chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí được xây dựng đảm bảo khối lượng kiến thức tối thiểu theo các nhóm kiến thức cơ bản, cơ sở và chuyên ngành. Sinh viên tốt nghiệp sẽ đạt chuẩn đầu ra đào tạo của ngành Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí về kiến thức, kỹ năng và thái độ phù hợp với nhu cầu sử dụng lao động của doanh nghiệp và mục tiêu phát triển đất nước.

Giáo trình được phát triển theo phương pháp giảng dạy tích cực và được biên soạn theo chương, bài cung cấp nội dung kiến thức, kỹ năng đảm bảo đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo. Tất cả giáo trình phục vụ giảng dạy được biên soạn, thẩm định và ban hành trước khi sử dụng.

Thiết bị đào tạo được đầu tư đáp ứng số lượng tối thiểu phục vụ giảng dạy. Đội ngũ giảng viên được đào tạo đủ năng lực đảm bảo thực hiện chương trình đào tạo có chất lượng.

Sinh viên tốt nghiệp được xét tuyển liên thông đại học tại các đại học của Việt Nam.

*\* Những tồn tại:*

Số lượng tài liệu tham khảo do GV khoa biên soạn còn hạn chế, chưa hoàn toàn đáp ứng nhu cầu đào tạo, chủ yếu tập trung vào các môn kiến thức cơ bản, các môn thực hành. Tuy nhiên giáo trình phục vụ các môn học được lựa chọn từ các giáo trình có chất lượng từ các trường Đại học lớn của quốc gia và quốc tế, phù hợp với mục tiêu môn học.

*\* Kế hoạch nâng cao chất lượng:*

Mỗi học kỳ, Khoa thực hiện rà soát các đề cương môn học, giáo trình và tài liệu đang sử dụng; thành lập hội đồng đánh giá mức độ phù hợp về nội dung và mức độ đáp ứng mục tiêu chương trình đào tạo; khảo sát nhu cầu, mục tiêu thực tế của môn học để phát triển giáo trình và tài liệu giảng dạy.

**Điểm đánh giá tiêu chí 4**

<b>Tiêu chí, tiêu chuẩn</b>	<b>Điểm tự đánh giá</b>
<b>Tiêu chí 4</b>	<b>22</b>
Tiêu chuẩn 1	2
Tiêu chuẩn 2	2
Tiêu chuẩn 3	2
Tiêu chuẩn 4	2
Tiêu chuẩn 5	2
Tiêu chuẩn 6	2
Tiêu chuẩn 7	2
Tiêu chuẩn 8	0
Tiêu chuẩn 9	2
Tiêu chuẩn 10	2
Tiêu chuẩn 11	2
Tiêu chuẩn 12	2

**Tiêu chuẩn 1:** Chương trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định.

***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Căn cứ quy định các Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTĐBXH ngày 01/3/2017 và Thông tư số 45/2018/TT-BLĐTĐBXH quy định khối lượng kiến thức tối thiểu và năng lực người

học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ cao đẳng. Năm 2020, Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Thủ Đức đã tổ chức xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí.

Trường đã thành lập Tổ biên soạn xây dựng chương trình đào tạo trình độ cao đẳng ngành Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí. Các thành viên Tổ xây dựng, điều chỉnh CTĐT đã thảo luận, thống nhất về mục tiêu đào tạo, vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp của người học và khối lượng kiến thức, thời gian học, danh sách các mô-đun/môn học của chương trình đào tạo... *(4.1.01 - Quyết định về việc thành lập tổ rà soát, đánh giá và cập nhật chương trình đào tạo nghề KTML&ĐHKK trình độ trung cấp, cao đẳng năm 2020; 4.1.02 - Biên bản họp khoa về việc thông nhất nội dung chỉnh sửa chương trình đào tạo nghề KTML&ĐHKK năm 2023)*

Đồng thời, Nhà trường thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí. Hội đồng thẩm định đã tiến hành họp báo cáo tóm tắt quá trình xây dựng và nội dung chương trình đào tạo các ngành, nghề, nêu ra các ý kiến, giải đáp, trả lời thắc mắc. Cuối cùng, qua thảo luận, hội đồng thẩm định thông qua Đánh giá chương trình và nêu kết luận *(4.1.03 - Quyết định về việc thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo nghề KTML&ĐHKK; 4.1.04 – Biên bản Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo)*.

Căn cứ kết quả thẩm định của Hội đồng thẩm định, Hiệu trưởng Nhà trường đã ban hành chương trình đào tạo của ngành Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí theo quy định tại điều 6, 7, 8 Thông tư số 03/2017/TT-BLĐT BXH. *(1.1.01 – Các quyết định về ban hành chương trình đào tạo nghề KTML&ĐHKK trình độ cao đẳng và chương trình đào tạo kèm theo)*.

Năm 2023, Trường đã rà soát điều chỉnh và ban hành lại CTĐT, áp dụng cho các các lớp từ năm học 2023-2024. Việc rà soát điều chỉnh CTĐT được thực hiện nghiêm túc, có sự tham gia chặt chẽ của các bên liên quan, đảm bảo đúng theo quy định.

Trong quá trình triển khai giảng dạy, nhà trường thực hiện việc khảo sát lấy ý kiến của các thành phần liên quan đến chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí như: Giáo viên, cựu HSSV, cán bộ kỹ thuật, để đánh giá mức độ đáp ứng yêu cầu của đơn vị sử dụng lao động và có cơ sở rà soát điều chỉnh theo quy định *(1.1.08 – Kế hoạch*



*khảo sát lấy ý kiến phản hồi năm 2022, 2023, 2024; 1.1.09 – Nội dung khảo sát lấy ý kiến đánh giá chất lượng; 1.1.10 - Báo cáo kết quả khảo sát năm 2022, 2023, 2024).*

#### ***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4.1: 2 điểm***

**Tiêu chuẩn 2:** *Có sự tham gia của ít nhất 02 đơn vị sử dụng lao động trong quá trình xây dựng và thẩm định chương trình đào tạo.*

#### **Mô tả, phân tích, nhận định:**

Trong quá trình biên soạn chương trình đào tạo, Khoa Điện lạnh đã cùng các doanh nghiệp tham gia xây dựng – thẩm định nhằm bám sát với nhu cầu tuyển dụng thực tế ở thị trường lao động hiện nay nhằm giúp sinh viên có kỹ năng và kiến thức cần thiết khi tốt nghiệp để tham gia vào thị trường lao động. Thành viên của Hội đồng biên soạn chương trình đào tạo là giảng viên từ các Khoa, chuyên gia trong lĩnh vực đào tạo từ các trường ngoài, và có ít nhất 2 cán bộ kỹ thuật có nhiều năm kinh nghiệm làm việc trong các nhà máy, cơ sở sản xuất kinh doanh (*4.1.01 - Quyết định về việc thành lập tổ rà soát, đánh giá và cập nhật chương trình đào tạo nghề KTML&ĐHKK trình độ trung cấp, cao đẳng năm 2020; 4.1.02 - Biên bản họp khoa về việc thông nhất nội dung chỉnh sửa chương trình đào tạo nghề KTML&ĐHKK năm 2023*)

Nhà trường luôn rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo của của từng ngành, nghề để ngày càng đáp ứng phù hợp với nhu cầu xã hội và doanh nghiệp. Trường thường xuyên lấy ý kiến các chuyên gia phản biện các chương trình đào tạo để cập nhật thông tin và công nghệ cho phù hợp với yêu cầu sản xuất. Việc đánh giá, phản biện chương trình đào tạo được hội đồng thực hiện theo định kỳ (*1.1.08 – Kế hoạch khảo sát lấy ý kiến phản hồi năm 2022, 2023, 2024; 1.1.09 – Nội dung khảo sát lấy ý kiến đánh giá chất lượng; 1.1.10 - Báo cáo kết quả khảo sát năm 2022, 2023, 2024; 4.1.03 - Quyết định về việc thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo nghề KTML&ĐHKK; 4.1.04 – Biên bản Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo*).

#### ***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4.2: 2 điểm***

**Tiêu chuẩn 3:** *Chương trình đào tạo thể hiện được khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp.*

#### **Mô tả, phân tích, nhận định:**

CTĐT nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí trình độ cao đẳng của nhà trường được xây dựng dựa trên Thông tư 03/2017/TT-BLĐTBXH Quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng; Thông tư số 12/2017/TTBLĐTBXH ngày 20/4/2017 Quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng và Thông tư số 48/2018/TT-BLĐTBXH, ngày 28 tháng 12 năm 2018 về việc ban hành quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng các ngành, nghề thuộc lĩnh vực kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông” Cụ thể, tại Quyết định về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ Cao đẳng, Chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí qui định sinh viên ngành Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí tốt nghiệp ra trường cần tích lũy đủ 97 tín chỉ

Ngoài ra, trong chương trình đào tạo còn thể hiện rõ các yêu cầu về năng lực: kiến thức, kỹ năng và thái độ mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp. Các yêu cầu này được thể hiện thông qua chương trình chi tiết mô-đun, môn học chương trình đào tạo (*1.1.01 – Các quyết định về ban hành chương trình đào tạo nghề KTML&ĐHKK trình độ cao đẳng và chương trình đào tạo kèm theo*).

#### ***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4.3: 2 điểm***

**Tiêu chuẩn 4:** *Chương trình đào tạo thể hiện được sự phân bố thời gian, trình tự thực hiện các mô-đun, môn học để đảm bảo thực hiện được mục tiêu giáo dục nghề nghiệp.*

#### ***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Chương trình đào tạo được thiết kế trong 5 học kỳ. Học kỳ 1, 2 sinh viên được trang bị các kiến thức cơ sở về khoa học tự nhiên, xã hội, ngoại ngữ và các học phần thực hành cơ bản về ngành Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí nhằm giúp sinh viên hình thành tác phong công nghiệp. Các học kỳ 2,3,4 sinh viên được trang bị kiến thức và kỹ năng

chuyên ngành thông qua các học phần cốt lõi để tiếp cận chuyên môn từ cơ bản đến chuyên sâu.

Học kỳ 5 là khoảng thời gian dành cho quá trình thực tập ở doanh nghiệp và thực hiện đồ án tốt nghiệp là minh chứng trực quan thực tế nhất nhằm đánh giá năng lực tiếp thu vận dụng và sáng tạo của sinh viên khi ra trường. Chương trình đào tạo được bố trí và sắp xếp một cách hợp lý về khối lượng kiến thức truyền tải mà sinh viên có thể lĩnh hội được từ nền tảng đến chuyên sâu (*1.1.01 – Các quyết định về ban hành chương trình đào tạo nghề KTML&ĐHKK trình độ cao đẳng và chương trình đào tạo kèm theo*)

Hàng năm, Nhà trường thực hiện khảo sát lấy ý kiến về mức độ đáp ứng mục tiêu đào tạo của chương trình đào tạo (*1.1.08 – Kế hoạch khảo sát lấy ý kiến phản hồi năm 2022, 2023, 2024; 1.1.09 – Nội dung khảo sát lấy ý kiến đánh giá chất lượng; 1.1.10 - Báo cáo kết quả khảo sát năm 2022, 2023, 2024*)

#### ***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4.4: 2 điểm***

**Tiêu chuẩn 5:** *Chương trình đào tạo thể hiện được những yêu cầu tối thiểu về cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên để triển khai thực hiện chương trình đào tạo nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo.*

#### ***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Chương trình đào tạo nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Thủ Đức luôn thực hiện theo hướng dẫn, thông tư của Bộ LĐ-TB&XH, về các yêu cầu tối thiểu về cơ sở vật chất, đội ngũ giảng viên nhằm đảm bảo chất lượng học tập của sinh viên cũng như chất lượng đào tạo tại nhà trường (*2.7.01 - Các giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN của Trường*)

Hệ thống thư viện của trường: Có thư viện điện tử, đáp ứng yêu cầu truy cập thông tin của cán bộ, giảng viên, người học; có đủ đầu sách tham khảo, tạp chí, tài liệu chuyên ngành đáp ứng yêu cầu của chương trình và được bổ sung, cập nhật thường xuyên.

Hệ thống phòng chức năng, phòng học, phòng thí nghiệm, thực hành: có đủ số lượng phòng, trang thiết bị, mô hình giảng dạy, nghiên cứu.

Đội ngũ giảng viên trẻ trung, năng động, tích cực học tập, tìm hiểu, nghiên cứu, cập nhật khoa học công nghệ để ứng dụng vào công tác giảng dạy. Phần lớn giảng viên tại trường đều có khả năng dạy cả lý thuyết và thực hành.

Mỗi mô-đun, môn học trong chương trình đào tạo luôn yêu cầu rõ ràng về số lượng giáo viên phụ trách và cơ sở vật chất tối thiểu, thông tin đó được thể hiện rõ ràng trong chương trình chi tiết của từng môn học (*1.1.01 – Các quyết định về ban hành chương trình đào tạo nghề KTML&ĐHKK trình độ cao đẳng và chương trình đào tạo kèm theo*)

Hàng năm, Nhà trường thực hiện khảo sát lắng ý kiến về chương trình đào tạo (*1.1.08 – Kế hoạch khảo sát lấy ý kiến phản hồi năm 2022, 2023, 2024; 1.1.09 – Nội dung khảo sát lấy ý kiến đánh giá chất lượng; 1.1.10 - Báo cáo kết quả khảo sát năm 2022, 2023, 2024*).

#### ***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4.5: 2 điểm***

**Tiêu chuẩn 6:** *Chương trình đào tạo thể hiện được phương pháp đánh giá kết quả học tập, xác định mức độ đạt yêu cầu về năng lực của người học sau khi học xong các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo.*

#### ***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Nhà trường và Khoa Điện lạnh luôn chú trọng đến chất lượng đào tạo thông qua việc xây dựng đề cương và chuẩn đầu ra môn học cũng như chương trình đào tạo. Chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí có đầy đủ chương trình chi tiết của tất cả các môn học với chuẩn đầu ra. Mỗi mô-đun, môn học có thể hiện nội dung về phương pháp đánh giá kết quả học tập gồm các thành phần điểm: chuyên cần, thường xuyên, định kỳ, thi cuối kì. Đối với môn học thực hành thang điểm đánh giá được chia thành điểm thành phần: kỹ thuật, thao tác, tổ chức, thời gian và an toàn để xác định mức độ đạt yêu cầu về năng lực của sinh viên sau khi kết thúc môn học (*1.1.01 – Các quyết định về ban hành chương trình đào tạo nghề KTML&ĐHKK trình độ cao đẳng và chương trình đào tạo kèm theo*)

Hàng năm, Nhà trường thực hiện khảo sát lắng ý kiến về mức độ đạt yêu cầu về năng lực của người học sau khi học xong các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo (*1.1.08 – Kế hoạch khảo sát lấy ý kiến phản hồi năm 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024; 1.1.09 – Nội dung khảo sát lấy ý kiến đánh giá chất lượng; 1.1.10 - Báo cáo kết quả khảo sát năm 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024*)

#### ***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4.6: 2 điểm***

**Tiêu chuẩn 7:** *Chương trình đào tạo đảm bảo phù hợp với yêu cầu phát triển của ngành, địa phương và đất nước, phù hợp với kỹ thuật công nghệ trong sản xuất, dịch vụ.*

**Mô tả, phân tích, nhận định:**

Ngành Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí là một trong những ngành trọng điểm phát triển của Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế. Chương trình đào tạo Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí được xây dựng phù hợp với yêu cầu phát triển của xã hội, ngành, địa phương, đất nước. Chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí đã được điều chỉnh phù hợp với tình hình và yêu cầu kỹ thuật công nghệ hiện tại của ngành, xã hội. (4.1.01 - Quyết định về việc thành lập tổ rà soát, đánh giá và cập nhật chương trình đào tạo nghề KTML&ĐHKK trình độ trung cấp, cao đẳng năm 2020; 4.1.02 - Biên bản họp khoa về việc thông nhất nội dung chỉnh sửa chương trình đào tạo nghề KTML&ĐHKK năm 2023; 4.1.03 - Quyết định về việc thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo nghề KTML&ĐHKK; 4.1.04 – Biên bản Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo; 1.1.01 – Các quyết định về ban hành chương trình đào tạo nghề KTML&ĐHKK trình độ cao đẳng và chương trình đào tạo kèm theo)

Hàng năm, Nhà trường thực hiện khảo sát lấy ý kiến về mức độ đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật công nghệ của chương trình đào tạo (1.1.08 – Kế hoạch khảo sát (lấy ý kiến phản hồi) ý kiến năm 2022, 2023, 2024; 1.1.09 – Nội dung khảo sát lấy ý kiến đánh giá chất lượng; 1.1.10 - Báo cáo kết quả khảo sát năm 2022, 2023, 2024)

**Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7, tiêu chí 4: 2 điểm**

**Tiêu chuẩn 8:** Chương trình đào tạo đảm bảo việc liên thông giữa các trình độ đào tạo trong hệ thống giáo dục quốc dân.

**Mô tả, phân tích, nhận định:**

Căn cứ theo quyết định ban hành/lựa chọn chương trình đào tạo, trong đó bao gồm chương trình chi tiết các mô-đun, môn học

Chương trình đào tạo tại trường được xây dựng theo quy định về kiến thức kỹ năng của chương trình đào tạo trình độ cao đẳng nên SV có thể liên thông một cách dễ dàng giữa các trình độ đào tạo trong hệ thống giáo dục quốc dân. Khi liên thông từ trình độ thấp lên trình độ cao hơn cùng ngành, nghề thì chỉ cần bổ sung thêm một số môn học, mô đun, môn học nâng cao. Các trường hợp SV muốn chuyển sang một ngành, nghề khác cùng cấp trình độ thì sẽ được miễn các môn học, mô đun đã học (1.1.01 – Các quyết định về ban hành chương trình đào tạo nghề KTML&ĐHKK trình độ cao đẳng và chương trình đào tạo kèm theo)

**Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4.8: 00 điểm**

**Tiêu chuẩn 9:** Có đủ giáo trình cho các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo.

**Mô tả, phân tích, nhận định:**

Nhà trường luôn cố gắng phát triển cơ sở vật chất thiết bị, đội ngũ giảng viên để đáp ứng nhu cầu giảng dạy, cũng như chương trình đào tạo phù hợp để phù hợp với hệ thống giáo dục nghề nghiệp quốc gia (2.1.01 - Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp)

Khoa đẩy mạnh công tác biên soạn giáo trình với mục đích gắn liền công tác đào tạo với nhu cầu của thị trường lao động, yêu cầu của doanh nghiệp trên cơ sở vật chất và điều kiện thực tế của Khoa. Qua nhiều lần tổ chức triển khai biên soạn, đến nay số lượng giáo trình phục vụ cho công tác giảng dạy của ngành, nghề gần như đầy đủ. Căn cứ vào chương trình đào tạo, chương trình chi tiết mô-đun môn (1.1.01 – Các quyết định về ban hành chương trình đào tạo nghề KTML&ĐHKK trình độ cao đẳng và chương trình đào tạo kèm theo) thì Khoa điện lạnh phụ trách giảng dạy 28 môn học trong chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí. Trong đó 06 môn học chung trường sử dụng tài liệu do Bộ LĐTBXH ban hành, mô-đun Thực tập doanh nghiệp không sử dụng giáo trình, còn lại 27 mô-đun, môn học cơ sở và chuyên môn nghề có sử dụng giáo trình. Trường đã soạn 27 giáo trình và có 27/27 giáo trình do nhà trường biên soạn đang được sử dụng giảng dạy cho SV ngành Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí (4.9.01 - Quyết định về ban hành giáo trình; 4.9.02 - Danh sách giáo trình giáo trình và giáo trình tham khảo nghề KTML&ĐHKK). Các tài liệu học tập, giáo trình Khoa sử dụng phục vụ công tác giảng dạy cũng như cung cấp cho người học khả năng đọc, tìm hiểu kiến thức, được lựa chọn cẩn thận, theo các tiêu chí chất lượng, chuyên môn, khoa học. Phần lớn các giáo trình mà Khoa sử dụng do các giảng viên có kinh nghiệm giảng dạy biên soạn và được thông qua hội đồng nghiệm thu cấp Trường.

**Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 9.4: 2 điểm**

**Tiêu chuẩn 10:** 100% giáo trình được biên soạn hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định.

Phòng Đào tạo là đơn vị chủ trì lên kế hoạch thực hiện rà soát, biên soạn, bổ sung giáo trình. (4.10.01 – Kế hoạch tổ chức rà soát biên soạn và bổ sung giáo trình năm 2020, 2021, 2022, 2023, Kế hoạch rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo năm 2020).

Việc tổ chức thực hiện biên soạn, lựa chọn giáo trình đào tạo của nhà trường được thực hiện theo quy định của Thông tư 03/2017/TT-BLĐT BXH Thông tư quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, xét duyệt, nghiệm thu giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng và quy trình về biên soạn giáo trình, tài liệu giảng dạy đặc ban hành, mã quy trình ĐT-QT04 *(4.10.02 – Quyết định ban hành quy định quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình. Tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ Trung cấp, Cao đẳng.)*

Căn cứ các Quyết định ban hành CTĐT và chuẩn đầu ra đã được ban hành, Khoa chủ động giao việc biên soạn giáo trình cho các thành viên khoa, đề xuất danh sách thành viên biên soạn cũng như thành viên hội đồng thẩm định GTĐT phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và chuyên môn. Căn cứ CTĐT chi tiết từng môn đùn, môn học, Khoa tổ chức biên soạn giáo trình thực hiện đúng quy trình, quy định. *(4.10.03 – Quyết định về việc thành lập Ban biên soạn giáo trình đào tạo nghề KTML&ĐHKK trình độ cao đẳng; 4.10.04 - Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định giáo trình đào tạo nghề KTML&ĐHKK trình độ cao đẳng; 4.10.05 - Biên bản họp khoa về việc biên soạn, điều chỉnh giáo trình đào tạo đã được ban hành nghề KTML&ĐHKK năm 2023; 4.10.06 - Các biên bản họp Hội đồng thẩm định Giáo trình đào tạo nghề KTML&ĐHKK trình độ cao đẳng)*

Giáo trình sau khi được Hội đồng thẩm định nghiệm thu thông qua, danh mục giáo trình được Hiệu trưởng ra quyết định phê duyệt ban hành sử dụng trong toàn trường *(4.9.01 - Quyết định về ban hành giáo trình; 4.9.02 - Danh sách giáo trình giáo trình và giáo trình tham khảo nghề KTML&ĐHKK; 4.10.07 - Bản in giáo trình đào tạo nghề KTML&ĐHKK)*

#### ***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4.10 : 2 điểm***

**Tiêu chuẩn 11:** *Giáo trình cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô-đun, môn học trong chương trình đào tạo; nội dung giáo trình phù hợp để thực hiện phương pháp dạy học tích cực.*

#### ***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Chương trình đào tạo nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí của trường được xây dựng theo quy định của Thông tư 03/2017/TT-BLĐT BXH, Trong chương trình đào tạo nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí của trường có liệt kê phương pháp đánh giá kết quả học tập, xác định mức độ đạt yêu cầu về năng lực của người học sau khi học xong các mô đùn/ môn học.

Theo đó, các Giáo trình được biên soạn cũng phải cụ thể hóa các Chương, các bài theo thứ tự liên quan và phù hợp với mục tiêu chương trình đào tạo được ban hành cùng các chuẩn đầu ra; Giáo trình cũng nêu rõ cụ thể việc đánh giá kết quả qua bài tập thực hành, phương pháp đánh giá kết quả học tập, xác định mức độ đạt yêu cầu về năng lực của người học. Nội dung của giáo trình môn học, mô đun (gồm: kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm cần thiết để thực hiện các nhiệm vụ, công việc; quy trình và cách thức thực hiện nhiệm vụ, công việc; các bản vẽ, hình vẽ, bài tập, những điểm cần ghi nhớ) được chia thành các chương, bài. Mỗi chương, bài của giáo trình luôn có các câu hỏi ôn tập và bài tập giúp sinh viên hệ thống kiến thức (4.9.01 - *Quyết định về ban hành giáo trình; 4.9.02 - Danh sách giáo trình giáo trình và giáo trình tham khảo nghề KTML&ĐHKK; 4.10.07 - Bản in giáo trình đào tạo nghề KTML&ĐHKK*)

Giáo trình đào tạo nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí đã cụ thể hóa các yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng, thái độ trong từng giáo trình dạy nghề, tạo điều kiện để giảng viên thực hiện phương pháp dạy học tích cực, phục vụ tốt cho việc giảng dạy các mô đun/môn học trong chương trình dạy nghề. Tất cả đã được Hội đồng thẩm định giáo trình họp thông qua (4.10.03 – *Quyết định về việc thành lập Ban biên soạn giáo trình đào tạo nghề KTML&ĐHKK trình độ cao đẳng; 4.10.04 - Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định giáo trình đào tạo nghề KTML&ĐHKK trình độ cao đẳng; 4.10.05 - Biên bản họp khoa về việc biên soạn, điều chỉnh giáo trình đào tạo đã được ban hành nghề KTML&ĐHKK năm 2023; 4.10.06 - Các biên bản họp Hội đồng thẩm định Giáo trình đào tạo nghề KTML&ĐHKK trình độ cao đẳng*).

Trường đã tổ chức khảo sát đối với giáo trình về nội dung “Giáo trình cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô-đun, môn học trong chương trình đào tạo Nội dung giáo trình phù hợp để thực hiện phương pháp dạy học tích cực”, kết quả khảo sát cho thấy mức cụ thể hóa giáo trình so với chương trình được đánh giá tốt trở lên đạt 80% và chỉ tiêu phát huy tính tích cực của người học cũng được đánh giá tốt trở lên đạt 80%). (1.1.08 – *Kế hoạch khảo sát lấy ý kiến phản hồi năm 2022, 2023, 2024; 1.1.09 – Nội dung khảo sát lấy ý kiến đánh giá chất lượng; 1.1.10 - Báo cáo kết quả khảo sát năm 2022, 2023, 2024*)

#### ***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4.11: 2 điểm***

**Tiêu chuẩn 12:** *Nội dung giáo trình đảm bảo phù hợp với công nghệ trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.*



### **Mô tả, phân tích, nhận định:**

Giáo trình đào tạo nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí của nhà trường được biên soạn dựa trên cơ sở các nội dung và yêu cầu tại đề cương chi tiết của các mô đun/ môn học. Khi xây dựng đề cương chi tiết mô đun/ môn học đều có ý kiến đóng góp của đại diện doanh nghiệp. Công tác biên soạn giáo trình nội bộ được chú trọng thực hiện. Mục đích gắn liền công tác đào tạo với nhu cầu của thị trường lao động, yêu cầu của doanh nghiệp trên cơ sở vật chất và điều kiện thực tế của nhà trường (*4.10.03 – Quyết định về việc thành lập Ban biên soạn giáo trình đào tạo nghề KTML&ĐHKK trình độ cao đẳng; 4.10.04 - Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định giáo trình đào tạo nghề KTML&ĐHKK trình độ cao đẳng; 4.10.05 - Biên bản họp khoa về việc biên soạn, điều chỉnh giáo trình đào tạo đã được ban hành nghề KTML&ĐHKK năm 2023; 4.10.06 - Các biên bản họp Hội đồng thẩm định Giáo trình đào tạo nghề KTML&ĐHKK trình độ cao đẳng*).

Hàng năm, Trường đều tổ chức lấy ý kiến về mức độ phù hợp của giáo trình với nhu cầu thực tiễn của thị trường lao động, kết quả khảo sát cho thấy về kiến thức kỹ năng, kỹ năng thực hành nghề nghiệp phù hợp với thực tiễn và được đánh giá tốt trở lên đạt trên 80%. (*1.1.08 – Kế hoạch khảo sát lấy ý kiến phản hồi năm 2022, 2023, 2024; 1.1.09 – Nội dung khảo sát lấy ý kiến đánh giá chất lượng; 1.1.10 - Báo cáo kết quả khảo sát năm 2022, 2023, 2024*)

### **Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4.12: 2 điểm**

#### **TIÊU CHÍ 5: Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện**

##### **Đánh giá tổng quát tiêu chí 5:**

Địa điểm Trường phù hợp với quy hoạch chung của khu vực, đảm bảo cho việc giảng dạy- học tập, thuận tiện cung cấp điện, nước, gần trạm xe buýt, trạm tàu điện ngầm giúp việc giao thông đi lại dễ dàng. Phòng học lý thuyết và thực hành của ngành Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí được trang bị đủ số lượng và chủng loại thiết bị đào tạo đảm bảo yêu cầu đào tạo của chương trình đào tạo. Sinh viên được trang bị kiến thức và kỹ năng thực hành trên thiết bị theo chương trình đào tạo.

Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, an toàn, thuận tiện cho việc đi lại, vận hành, bảo dưỡng và tổ chức hướng dẫn thực hành; đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường. Tất cả thiết bị đào tạo có hồ sơ quản lý rõ ràng, được sử dụng đúng công năng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo quy định. Hàng năm

đều thực hiện công tác kiểm kê, đánh giá và đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng theo quy định.

Tổ chức thực hiện theo quy định đảm bảo vật tư được chuẩn bị đầy đủ, bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp và sẵn sàng cho việc sử dụng. Giáo trình, tài liệu tham khảo đảm bảo đủ phục vụ cho sinh viên. Nhà trường thường xuyên cập nhật giáo trình nhằm phục vụ tốt công tác giảng dạy, học tập và nghiên cứu. Số lượng máy tính, chỗ ngồi trong thư viện đảm bảo đủ cho sinh viên của trường.

Cơ sở vật chất của Thư viện trường đủ đáp ứng nhu cầu tra cứu của cán bộ quản lý, nhà giáo và người học. Thư viện sử dụng phần mềm quản trị sách, có công cụ cho phép người đọc tra cứu nhanh tài nguyên đang có. Các học phần chuyên ngành sinh viên được hướng dẫn sử dụng các phần mềm chuyên dụng để mô phỏng trước khi vận hành, thao tác trên thiết bị thực tế.

*\* Những điểm mạnh:*

Vị trí cơ sở đào tạo tọa lạc tại trung tâm thành phố Thủ Đức, gần trạm xe buýt trung tâm, thuận lợi cho việc đi lại của người học. Trường quy hoạch và xây dựng khoa học, bố trí các khu vực phòng học lý thuyết, thực hành hợp lý giúp khai thác một cách hiệu quả cơ sở vật chất đang có.

Trường đầu tư có kế hoạch trang thiết bị phục vụ giảng dạy các ngành theo hướng tiếp cận các chương trình giáo dục nghề nghiệp hiện đại. Thư viện có số sách lớn, mới, ứng dụng công nghệ quản lý hiện đại, cập nhật nhiều đầu sách hay phục vụ hiệu quả cho công tác nghiên cứu của giảng viên cũng như học tập của sinh viên.

Điều kiện phục vụ cho hoạt động giảng dạy của giảng viên cũng như hoạt động học tập của sinh viên tương đối tốt. Tất cả phòng học lý thuyết, phòng học thực hành, phòng thí nghiệm đều có trang bị đầy đủ các phương tiện dạy học hiện đại, đảm bảo điều kiện tốt nhất cho sinh viên học tập.

Công tác quản lý trang thiết bị phục vụ đào tạo được thực hiện theo quy trình, đảm bảo máy móc vật tư luôn sẵn sàng. Đội ngũ giảng viên có chuyên môn tốt và công tác 5S được triển khai và thực hiện nghiêm túc, giảng viên trực tiếp sửa chữa thiết bị thực tập giúp tiết kiệm thời gian và tăng cao hiệu quả sử dụng thiết bị.

*\* Những tồn tại:*

Một số Trang thiết bị đào tạo của chưa đảm bảo về số lượng .

## **Điểm đánh giá tiêu chí 5**

<b>Tiêu chí, tiêu chuẩn</b>	<b>Điểm tự đánh giá</b>
<b>Tiêu chí 5</b>	<b>14</b>
Tiêu chuẩn 1	2
Tiêu chuẩn 2	2
Tiêu chuẩn 3	0
Tiêu chuẩn 4	2
Tiêu chuẩn 5	2
Tiêu chuẩn 6	2
Tiêu chuẩn 7	2
Tiêu chuẩn 8	2

**Tiêu chuẩn 1:** Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, hệ thống điện, nước đảm bảo quy chuẩn xây dựng và yêu cầu đào tạo.

### ***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Trường Cao Đẳng Kinh tế - Kỹ Thuật Thủ Đức nằm ở vị trí trung tâm thành phố Thủ Đức. Trụ sở chính của Trường đặt tại địa chỉ Số 17 Đường 8 Phường Linh Chiểu, thành phố Thủ Đức, Thành Phố Hồ Chí Minh, có tổng diện tích đất là 16.718 m<sup>2</sup> nằm tại khu dân cư thuận tiện cho việc đi lại, học tập và giảng dạy. *(5.1.01- Quyết định về việc thành lập Trường CDN Thủ Đức; Quyết định về việc đổi tên Trường CDN Thủ Đức thành trường CD KT-KT Thủ Đức; 5.1.02 - Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất)*

Trường Cao Đẳng Kinh tế - Kỹ Thuật Thủ Đức gồm các dãy nhà A, B, C, D để phục vụ công tác giảng dạy, hệ thống phòng học lý thuyết, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa với tổng diện tích đáp ứng được quy mô đào tạo của Nhà trường. Các phòng học và hệ thống điện nước của các dãy nhà đều đáp ứng yêu cầu xây dựng theo tiêu chuẩn trong thiết kế trường dạy nghề được thể hiện qua hồ sơ hoàn công các khối công trình xây dựng của trường. *(5.1.03 - Hồ sơ hoàn công các khối công trình xây dựng).*

Khoa Điện lạnh được bố trí tại khu B, hiện khoa được giao quản lý và sử dụng 01 văn phòng khoa, 06 phòng thực hành, 04 phòng lý thuyết, ngoài ra Khoa còn sử dụng chung các phòng thực hành do các Khoa khác trực tiếp quản lý như: 01 phòng thực hành tin học, 01 phòng thực hành Điện – Điện tử, 01 phòng thực hành cơ khí, để phục vụ giảng dạy CTĐT

ngành Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí. (5.1.03 - Hồ sơ hoàn công các khối công trình xây dựng), cụ thể:

STT	Tên phòng	Mã phòng	Diện tích (m <sup>2</sup> )
1	Văn phòng Khoa	B1.8	36
<b>Phòng học lý thuyết</b>			
1	Phòng lý thuyết	D1.1	60
2	Phòng lý thuyết	D1.2	60
3	Phòng lý thuyết	D2.1	60
4	Phòng lý thuyết	D2.2	60
<b>Phòng thực hành</b>			
1	Phòng kỹ thuật cơ sở	B0.2	88
2	Phòng ngoại ngữ	C0.3	180
3	Phòng thực hành cơ khí	C02.1; C02.2	170
4	Phòng thực hành điện - điện tử	B1.7; B2.9	288
5	Phòng thực hành lạnh cơ bản	B0.2	170
6	Phòng thực hành điều hòa không khí dân dụng và thương mại	C0.6	160
7	Phòng thực hành điều hòa không khí trung tâm	B0.6	170

8	Phòng thực hành máy lạnh dân dụng và thương mại	C0.3	160
9	Phòng thực hành máy lạnh công nghiệp	B0.8; B0.9	210

*(5.1.04 - Bảng thống kê các phòng học lý thuyết và các xưởng thực hành)*

Tất cả các xưởng thực hành, phòng học lý thuyết (dùng chung) và phòng máy tính chuyên dụng đều đảm bảo quy chuẩn xây dựng theo Thông tư 38/2018/BLĐTBXH. Hệ thống phòng học, phòng thực hành chuyên dụng, xưởng thực hành đều được xây dựng ngăn cách từng khu riêng biệt có 2 cửa ra vào; hệ thống chiếu sáng, thông gió và đảm bảo thông thoáng và thuận tiện trong bố trí thiết bị đào tạo. *(5.1.03 - Hồ sơ hoàn công các khối công trình xây dựng; 5.1.05 - Danh mục thiết bị đào tạo tại các phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành nghề KTML&ĐHKK)*

Hệ thống cấp nước của Trường: Trường có Hệ thống nước sạch được cung cấp bởi Công ty cổ phần cấp nước Thủ Đức với công nghệ xử lý hiện đại đảm bảo nhu cầu sử dụng nước cho toàn trường. Nước sinh hoạt được dẫn lên các bể chứa trên mái và được dẫn đến các khu vực hoạt động trong khuôn viên Trường, do đó hệ thống nước sạch được cung cấp đầy đủ, đảm bảo nhu cầu sử dụng nước sạch cho từng khu vực, từng nhà xưởng trong toàn Trường. *(5.1.06 - Bản vẽ hệ thống thoát nước và cấp nước, hệ thống chiếu sáng và cung cấp điện; 5.1.07 – Các Hợp đồng cung cấp điện, nước của Trường)*

Hệ thống thoát nước Trường: Khuôn viên Trường được xây dựng trên nền đất cao của khu vực, có hệ thống đường nội bộ thiết kế liên thông hệ thống thoát nước nội bộ kết nối với hệ thống thoát nước của khu vực phường Linh Chiểu. Hệ thống thoát nước của Nhà trường được thiết kế hợp lý, đảm bảo yêu cầu vệ sinh môi trường. *(5.1.06 - Bản vẽ hệ thống thoát nước và cấp nước, hệ thống chiếu sáng và cung cấp điện)*

Hệ thống điện: Hệ thống điện của khoa Điện lạnh dùng chung hệ thống điện của nhà trường được cung cấp từ hệ thống điện của Tổng công ty Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh thông qua Công ty điện lực Thủ Đức đảm bảo cung cấp theo nhu cầu tiêu thụ điện của Nhà trường. Trường có trạm biến áp riêng với công suất 560KVA nên luôn đảm bảo việc cung cấp điện ổn định cho sinh hoạt, học tập thực hành, thực tập và mọi hoạt động khác của Nhà

trường Ngoài ra, Nhà trường còn có máy phát điện dự phòng công suất 16KVA để đảm bảo cho hoạt động khối văn phòng và phòng máy chủ server của Nhà trường khi mất *điện* (5.1.07 – Các Hợp đồng cung cấp điện, nước của Trường; 5.1.08 - Hồ sơ lắp đặt trạm biến áp; 5.1.09 - Hồ sơ máy phát điện dự phòng của Trường; 5.1.06 - Bản vẽ hệ thống thoát nước và cấp nước, hệ thống chiếu sáng và cung cấp điện). Bên cạnh việc thông gió, chiếu sáng tự nhiên, các phòng học lý thuyết được trang bị hệ thống đèn chiếu sáng và quạt thông gió; Các phòng thực hành thiết kế lắp đặt nguồn điện chiếu sáng, thông gió, quạt hoặc điều hòa nhiệt độ với nguồn 3 pha động lực cấp cho các máy móc thiết bị thực hành v.v.. (5.1.06 - Bản vẽ hệ thống thoát nước và cấp nước, hệ thống chiếu sáng và cung cấp điện; 5.1.03 - Hồ sơ hoàn công các khối công trình xây dựng)

Hệ thống trang thiết bị phòng cháy, chữa cháy của Nhà trường được thực hiện đúng theo thiết kế theo dự án xây dựng trường năm 2009 và được nghiệm thu đưa vào sử dụng. Cùng với hệ thống phòng cháy chữa cháy theo thiết kế, Nhà trường đã trang bị các bình chữa cháy và gắn các tiêu lệnh phòng cháy chữa cháy tại từng khu vực chức năng trong Nhà trường. Nhà trường đã thành lập Đội PCCC gồm 15 thành viên và xây dựng phương án PCCC cơ sở được phòng Cảnh sát PCCC và cứu nạn cứu hộ Công an Thành phố Thủ Đức phê duyệt theo quy định. Trường tổ chức cho đội PCCC của Trường tập huấn công tác phòng cháy chữa cháy hàng năm theo kế hoạch của đội cảnh sát PCCC- Công an Thành phố Thủ Đức (5.1.10 - Hồ sơ thiết kế hệ thống phòng cháy chữa cháy; 5.1.11 - Phương án chữa cháy của cơ sở; 5.1.12 - Các biên bản kiểm tra an toàn phòng cháy chữa cháy)

Về cơ bản, các phòng học đều đáp ứng được nhu cầu giảng dạy và học tập của sinh viên. Tuy nhiên, để ngày càng nâng cao chất lượng đào tạo thì việc trang bị các thiết bị đào tạo cũng như phòng học luôn được khoa Điện lạnh thực hiện báo cáo hằng năm để đánh giá mức độ đáp ứng chương trình đào tạo nhằm kịp thời đề xuất nâng cấp khi cần thiết. Kế hoạch sử dụng các phòng thực hành phục vụ công tác giảng dạy được thực hiện mỗi học kỳ (5.1.13 - Quyết định về việc ban hành quy chế quản lý và sử dụng tài sản công của trường Cao đẳng KT – TK Thủ Đức; 5.1.14 - Báo cáo tổng hợp tình hình sử dụng cơ sở vật chất, tra thiết bị trường CĐ KT-KT Thủ Đức).

Công tác vệ sinh khuôn viên nhà trường luôn được đảm bảo vì có đội ngũ nhân viên phục vụ thường xuyên quét dọn thu gom rác thải đến khu vực tập kết và được đơn vị thu gom đưa đi xử lý theo quy định của ngành tài nguyên môi trường (5.1.15- Danh sách đội ngũ nhân viên vệ sinh; 5.1.16 - Hợp đồng công ty vệ sinh môi trường).

## ***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5.1: 2 điểm***

**Tiêu chuẩn 2:** *Đảm bảo đủ chủng loại thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo.*

### ***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Trang thiết bị đào tạo là điều kiện quan trọng đảm bảo chất lượng cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học. Nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí của nhà trường là nghề trọng điểm thuộc Dự án "Đổi mới và nâng cao chất lượng GDNN thuộc Chương trình mục tiêu “Giáo dục nghề nghiệp - việc làm và an toàn lao động”, do đó trang thiết bị đào tạo của nghề được bổ sung thường xuyên từ nguồn vốn CTMT, nguồn ngân sách đầu tư mua sắm của nhà trường và từ các hoạt động nghiên cứu khoa học về thiết bị đào tạo từ làm của Khoa, Trường. Hàng năm Trường rà soát độ tin cậy danh mục thiết bị đào tạo hiện có và nâng cấp bổ sung thiết bị mới đảm bảo đáp ứng khả năng công nghệ mới. Các đơn vị sử dụng thiết bị đào tạo có biên bản kiểm kê thiết bị hàng năm về tên thiết bị, số lượng, năm sản xuất, năm đưa vào sử dụng báo cáo cho Trường làm tư liệu *(5.2.01 - Hợp đồng kinh tế về mua sắm thiết bị; 5.2.02 - Mô hình tốt nghiệp và nghiên cứu khoa học các năm: 5.1.05 - Danh mục thiết bị đào tạo tại các phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành nghề KTML&ĐHKK).*

Trường có đủ chủng loại thiết bị đào tạo, dụng cụ.... để thực hiện đào tạo nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí đã được xác định trong chương trình đào tạo của nghề và theo quy định của BLĐT BXH đáp ứng quy mô đào tạo. *(5.2.03 - Mô hình tốt nghiệp và nghiên cứu khoa học các năm; 5.2.04 - Quyết định về việc kiểm kê tài sản, thiết bị; kế hoạch kiểm kê; biên bản kiểm tra cơ sở vật chất, trang thiết bị; báo cáo kết quả kiểm kê.)*

Để quản lý tốt thiết bị tại các phòng thực hành cũng như nâng cấp khi cần thiết, danh mục các thiết bị đào tạo được lập ra gồm tên thiết bị, số lượng, năm sản xuất, năm đưa vào sử dụng. Danh mục này rất cần thiết khi Phòng QTTB lập báo cáo theo dõi tài sản cố định hàng năm. Qua các đợt kiểm tra thì cho thấy cơ sở vật chất, trang thiết bị đào tạo của trường nói chung và khoa Điện nói riêng để đã đảm bảo tốt điều kiện giảng dạy và học tập. Việc kiểm tra - thanh tra được thể hiện qua biên bản thanh, kiểm tra về thiết bị đào tạo *(5.2.04 - Quyết định về việc kiểm kê tài sản, thiết bị; kế hoạch kiểm kê; biên bản kiểm tra cơ sở vật chất, trang thiết bị; báo cáo kết quả kiểm kê).*

Hàng năm trường thực hiện khảo sát ý kiến của nhà giáo và người học về tình hình thiết bị phục vụ cho đào tạo (*1.1.08 – Kế hoạch khảo sát lấy ý kiến phản hồi năm 2022, 2023, 2024; 1.1.09 – Nội dung khảo sát lấy ý kiến đánh giá chất lượng; 1.1.10 - Báo cáo kết quả khảo sát năm 2022, 2023, 2024*)

### ***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5.2: 2 điểm***

**Tiêu chuẩn 3:** *Đảm bảo đủ số lượng thiết bị đào tạo đáp ứng quy mô, yêu cầu đào tạo.*

#### ***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Nhằm đáp ứng yêu cầu đào tạo, đảm bảo chủng loại trang thiết bị đào tạo là việc làm hết sức quan trọng. Ngoài ra, đảm bảo đủ số lượng thiết bị để giảng dạy cũng quan trọng không kém. Do đó, Khoa Điện lạnh lập các danh mục thiết bị đào tạo (*5.1.05 - Danh mục thiết bị đào tạo tại các phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành nghề KTML&ĐHKK*). Bảng đối chiếu danh mục thiết bị đào tạo hiện có với danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu được xác định trong chương trình đào tạo (*5.2.03 - Bảng so sánh danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu từ năm 2022, 2023, 2024*) cũng như báo cáo theo dõi tài sản cố định hàng năm (*5.2.04 - Quyết định về việc kiểm kê tài sản, thiết bị; kế hoạch kiểm kê; biên bản kiểm tra cơ sở vật chất, trang thiết bị; báo cáo kết quả kiểm kê.*) nhằm rà soát số lượng trang thiết bị hiện có để tính toán việc phân chia các trang thiết bị cho các lớp học nhằm đảm bảo đủ số lượng để giảng dạy và đạt hiệu quả sử dụng cao nhất.

Dựa trên thống kê số lượng sinh viên tại mỗi lớp học lý thuyết và thực hành của các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo và kế hoạch đào tạo hàng năm để tổ chức sắp xếp lịch học, thời khóa biểu để đảm bảo cho sinh viên tham gia thực tập, rèn luyện trong quá trình học (*2.2.01- Các Kế hoạch đào tạo toàn khóa, 2.2.02 - Tiến độ đào tạo nghề KTML&ĐHKK năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024; 2.2.03 - Bảng phân môn giờ dạy của Khoa Điện lạnh năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024; 2.2.04 - Thời khóa biểu năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024*). Về cơ bản, số lượng các máy tính trong phòng thực hành đảm bảo mỗi sinh viên một thiết bị. Song song đó, tùy vào tính chất môn học cũng như số lượng sinh viên trong lớp học mà Khoa sẽ phân công một hoặc hai giảng viên phụ trách thông qua kế hoạch phân công giảng dạy.

Đối chiếu danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu theo quy định tại Thông tư số 26/2019/TT-BLĐTBXH ngày 25/12/2019 (Phụ lục 2a) thì một số danh mục thiết bị đào tạo hiện có của nhà trường còn thiếu về số lượng như sau:



- + Bình tách dầu: thiếu 1
- + Phin lọc, sấy: thiếu 2
- + Bơm cao áp: thiếu 1
- + Bộ thử kín: thiếu 1
- + Máy đo tốc độ gió: thiếu 1
- + Máy đo độ ồn: thiếu 1
- + Nhiệt kế kiểu áp kế: thiếu 1
- + Cân nạp ga điện tử: thiếu 1
- + Máy điều hoà không khí hai cụm (dầu trần): 1

....

Hàng năm, Trường thực hiện khảo sát thu thập ý kiến về trong thiết bị đào tạo (*1.1.08 – Kế hoạch khảo sát lấy ý kiến phản hồi năm 2022, 2023, 2024; 1.1.09 – Nội dung khảo sát lấy ý kiến đánh giá chất lượng; 1.1.10 - Báo cáo kết quả khảo sát năm 2022, 2023, 2024*)

#### ***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5.3: 00 điểm***

**Tiêu chuẩn 4:** *Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, thuận tiện cho việc thực hành, đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường; thiết bị đào tạo có hồ sơ quản lý rõ ràng, được sử dụng đúng công năng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo quy định.*

#### ***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo tại các phòng thực hành luôn được bố trí một cách khoa học, hợp lý đảm bảo an toàn, thuận tiện cho việc đi lại, vận hành, bảo dưỡng và tổ chức hướng dẫn thực hành. Công tác bố trí trong xưởng thực tập, phòng thực hành hợp lý cũng nhằm mục đích tiết kiệm, giảm lãng phí đồng thời đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường. Thiết bị dạy nghề trong các xưởng thực hành được bố trí lắp đặt chuyên môn hóa theo các nhóm môn học sao cho phù hợp với chức năng sử dụng. Các thiết bị thực hành trong phòng thực hành có hồ sơ quản lý các thiết bị, dụng cụ để theo dõi và quản lý thiết bị phục vụ kế hoạch thực hành của sinh viên. Các phòng học được thực hiện với quy trình chặt chẽ như trên để đảm bảo hiệu quả sử dụng cao

nhất và cải thiện môi trường học tập của sinh viên (5.1.05 - Danh mục thiết bị đào tạo tại các phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành nghề KTML&ĐHKK; 5.4.01 - Sơ đồ, hình ảnh bố trí thiết bị trong phòng thực hành).

Phòng quản trị thiết bị của nhà trường, khoa chuyên môn thường xuyên tổ chức kiểm tra, đánh giá về sự an toàn, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường trong việc sử dụng thiết bị, dụng cụ dạy nghề của các xưởng thực hành. Kết quả kiểm tra cho thấy các trang thiết bị, dụng cụ bố trí hợp lý, an toàn, thuận tiện cho việc đi lại, vận hành. Các thiết bị, nhà xưởng luôn được vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường sau mỗi ca thực tập (5.4.02 - Nội quy phòng thực hành, quy định phòng thực hành, nội quy phòng học lý thuyết; 5.4.03 - Quyết định về việc ban hành quy định sử dụng phòng học lý thuyết, xưởng thực hành, phòng làm việc, ký túc xá của trường.; 5.4.04 - Biên bản kiểm tra về an toàn lao động hàng năm).

Các phòng thực hành thiết bị Nghề kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí đều có sổ nhật ký giúp theo dõi tình trạng thiết bị thực hành trong mỗi ca học. Song song đó, các phòng thực hành đều có phân công giảng viên phụ trách và quản lý thiết bị nhằm đảm bảo các thiết bị hoạt động tốt trong các buổi thực hành của sinh viên đảm bảo theo kế hoạch đào tạo (2.2.01- Các Kế hoạch đào tạo toàn khóa, 2.2.02 - Tiến độ đào tạo nghề KTML&ĐHKK năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024; 2.2.03 - Bảng phân môn giờ dạy của Khoa Điện lạnh năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023; 2.2.04 - Thời khóa biểu năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024).

Để công tác quản lý và bảo trì bảo dưỡng thiết bị được thực hiện nghiêm túc, trường có ban hành Quy chế về quản lý tài sản công kèm theo Quyết định số 136/QĐ-CDKTKTTĐ ngày 31/12/2019; Quy định sử dụng phòng học lý thuyết, xưởng thực hành, phòng làm việc của Trường Cao Đẳng Kinh Tế - Kỹ Thuật Thủ Đức kèm theo Quyết định số 07/QĐ-CDKTKTTĐ ngày 07/02/2020, và Quy trình bảo dưỡng thiết bị máy móc, mã quy trình QTTB-QT24. Khoa Điện lạnh phối hợp với phòng Quản trị Thiết bị thực hiện việc bảo trì, bảo dưỡng theo quy trình và có báo cáo định kỳ với Ban Giám hiệu. Thiết bị đào tạo được kiểm kê hàng năm, qua công tác kiểm kê thực hiện đánh giá tình trạng, mức độ sử dụng qua đó có kế hoạch bảo trì bảo dưỡng hoặc đề nghị thanh lý (5.1.13 - Quyết định về việc ban hành quy chế quản lý và sử dụng tài sản công của trường Cao đẳng KT – TK Thủ Đức; 5.4.05- Quy trình bảo trì, bảo dưỡng thiết bị máy móc; 5.4.06 – Báo cáo công tác quản trị cơ sở vật chất và thiết bị năm học 2021 – 2022, 2022 – 2023, 2023 – 2024; 5.2.04 - Quyết định về việc kiểm kê tài sản, thiết bị; kế hoạch kiểm kê; biên bản kiểm tra cơ sở vật chất, trang thiết bị; báo cáo kết quả kiểm kê).

Hàng năm trường thực hiện lấy ý kiến khảo sát về công tác quản lý, sử dụng thiết bị đào tạo của ngành Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí (1.1.08 – Kế hoạch khảo sát lấy ý kiến phản hồi năm 2022, 2023, 2024; 1.1.09 – Nội dung khảo sát lấy ý kiến đánh giá chất lượng; 1.1.10 - Báo cáo kết quả khảo sát năm 2022, 2023, 2024)

#### ***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5.4: 2 điểm***

**Tiêu chuẩn 5:** Nguyên, nhiên, vật liệu được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện; được quản lý, cấp phát, sử dụng theo quy định; đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo.

#### ***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Căn cứ chương trình đào tạo được ban hành năm 2020, Thông tư 14/2017/TT-BLĐTĐ, Thương binh và Xã hội Quy định việc xây dựng, thẩm định và ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật về đào tạo áp dụng trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp Căn cứ chương trình đào tạo được ban hành, Trường tổ chức xây dựng và ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật của nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí theo quy định của Thông tư 08/2018/TT-BLĐTĐ ngày 14/8/2018 quy định định mức kinh tế - kỹ thuật về đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng cho các nghề: Điện công nghiệp; Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí; Vận hành máy thi công nền; Vận hành cần, cầu trục; Kỹ thuật xây dựng; Bảo vệ thực vật; Chế biến và bảo quản thủy sản; Quản trị mạng máy tính; Quản trị kinh doanh xăng dầu và gas, trường đã xây dựng và ban hành định mức kinh tế kỹ thuật đối với nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí và ban hành theo Quyết định số 127/QĐ-CĐKTKTTĐ ngày 24/6/2020.

Năm 2023, sau khi rà soát điều chỉnh CTĐT và căn cứ Thông tư số 07/2020/TT-BLĐTĐ của Bộ Lao động, trường đã rà soát xây dựng lại định mức kinh tế kỹ thuật trong đào tạo đối với nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí và ban hành theo quyết định số 127/QĐ-CĐKTKTTĐ ngày 24/6/2020 (1.3.03 – Hồ sơ xây dựng và ban hành Định mức kinh tế - kỹ thuật nghề KTML&ĐHKK)

Việc quản lý, sử dụng vật tư thực hành của Khoa được thực hiện theo và văn bản quy định chung của nhà trường về quản lý, cấp phát, sử dụng vật tư, phục vụ đào tạo và Quy trình cấp phát vật tư, mã quy trình QTTB-QT21 (5.5.01 - Quy định về quản lý, cấp phát, sử dụng vật tư, phục vụ đào tạo; 5.5.02 - Quy trình cấp phát vật tư; 5.5.03 - Quản lý theo dõi xuất kho thiết bị; 5.5.04 - Phiếu xuất kho phụ liệu thực hành; 5.5.05 - Báo cáo tình hình sử dụng và thu hồi vật tư sau sử dụng) Các nội dung chi cho việc mua sắm vật tư được nhà trường

quy định cụ thể trong quy chế chi tiêu nội bộ của nhà trường (*3.3.05 – Bảng tính vượt giờ giảng viên năm 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024*).

Khoa Điện lạnh có hệ thống kho riêng được bố trí tại mỗi phòng, xưởng thực hành, có các tủ, kệ tại mỗi phòng xưởng do đó thuận tiện cho việc được bố trí ngăn nắp, gọn gàng vật tư, thiết bị. (*5.5.06 – Hình ảnh các kho, xưởng*)

Hàng năm, Trường thực hiện khảo sát thu thập ý kiến về cấp phát, quản lý, sử dụng vật tư trong đào tạo. Kết quả khảo sát về nội dung “vật tư phụ liệu phục vụ công tác đào tạo đầy đủ, kịp thời đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo” mức đánh giá tốt trở lên đạt 80% (*1.1.08 – Kế hoạch khảo sát lấy ý kiến phản hồi năm 2022, 2023, 2024; 1.1.09 – Nội dung khảo sát lấy ý kiến đánh giá chất lượng; 1.1.10 - Báo cáo kết quả khảo sát năm 2022, 2023, 2024*)

#### ***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5.5: 2 điểm***

**Tiêu chuẩn 6:** *Thư viện có đủ chương trình, giáo trình đã được cơ sở đào tạo phê duyệt; mỗi loại giáo trình có tối thiểu 05 bản in và đáp ứng được nhu cầu nghiên cứu, học tập của nhà giáo và người học; có đủ sách, tạp chí, tài liệu tham khảo tối thiểu 05 đầu sách/người học; 100% chương trình, giáo trình được số hóa và tích hợp với thư viện điện tử phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo.*

#### ***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Thư viện nhà trường được bố trí tại khu nhà A theo QĐ 30/QĐ-CĐKTKTTĐ ngày 15/4/2022 với tổng diện tích gần 176 m<sup>2</sup>, trong đó thư viện điện tử 88m<sup>2</sup>, phòng đọc 88m<sup>2</sup>. Trường có 2 loại thư viện là thư viện sách và thư viện điện tử (phòng máy tính vừa phục vụ học tập, vừa phục vụ tra cứu tài liệu). Thư viện có đủ giáo trình, chương trình phù hợp với chương trình đào tạo của Nhà trường, được Hiệu trưởng phê duyệt. Mỗi giáo trình đảm bảo có 5 bản in, đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, học tập của nhà giáo, người học (*1.1.01 – Các quyết định về ban hành chương trình đào tạo nghề KTML&ĐHKK trình độ cao đẳng và chương trình đào tạo kèm theo; 4.9.01 Quyết định về ban hành giáo trình; 4.9.02 - Danh sách giáo trình giáo trình và giáo trình tham khảo nghề KTML&ĐHKK*).

Tất cả thông tin giáo trình, tài liệu tham khảo được công bố công khai trên trang web của Trường để phục vụ nhu cầu tìm đọc online của giảng viên và sinh viên. Giáo trình và tài liệu tham khảo tại thư viện đáp ứng tốt cho việc tìm hiểu nghiên cứu của giáo viên và sinh viên. Các tài liệu này được rà soát và chỉnh sửa, cập nhật thường xuyên hàng năm theo

mục tiêu của Trường và theo đúng quy định của Bộ LĐ-TB&XH. (5.6.01 - Danh mục giáo trình nghề KTML&ĐHKK được số hóa; 5.6.02 - Danh mục giáo trình tham khảo nghề KTML&ĐHKK được số hóa)

Hàng năm trường thực hiện tổng kết đánh giá hoạt động của thư viện và khảo sát ý kiến của người đọc để đề ra những giải pháp phục vụ tốt hơn. (5.6.03 - Báo cáo hoạt động thư viện năm học 2022, 2023, 2024; 1.1.08 – Kế hoạch khảo sát lấy ý kiến phản hồi năm 2022, 2023, 2024; 1.1.09 – Nội dung khảo sát lấy ý kiến đánh giá chất lượng; 1.1.10 - Báo cáo kết quả khảo sát năm 2022, 2023, 2024).

### ***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5.6: 2 điểm***

**Tiêu chuẩn 7:** Thư viện được trang bị máy tính và nối mạng internet đáp ứng nhu cầu dạy, học và tra cứu tài liệu.

#### ***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Thư viện trường được bố trí tại lầu 1 dãy nhà A

**1. Cơ sở vật chất: Tổng thể diện tích TV = 176 m<sup>2</sup>**

**2. Trang thiết bị thư viện:**

+ Máy vi tính: 37 máy (1 máy chủ, 36 máy nghiệp vụ) tất cả các máy đều kết nối internet cho HSSV sử dụng (5.7.01 - Danh mục thiết bị, máy tính hiện có tại thư viện);

+ Phần mềm quản lý: 01 phần mềm; 01 cổng thông tin điện tử (Website) (5.7.02 - Phần mềm quản lý và tra cứu tài liệu)

+ Đường truyền Internet: 01 line.

Nhà trường luôn chú trọng các hoạt động tự học của sinh viên. Thư viện là một địa điểm lý tưởng để thực hiện việc này. Do đó, trường có các văn bản thể hiện đề nghị thư viện tạo thuận lợi cho sinh viên vào thư viện để học tập như tạo điều kiện về thời gian, phòng máy tính, không gian học tập nhóm, cung cấp tài liệu,...( 5.7.02 - Phần mềm quản lý và tra cứu tài liệu; 5.7.03 - Nội quy sử dụng máy vi tính tại thư viện; 5.7.04 - Sơ đồ mạng LAN; 5.7.05 - Hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông truyền hình).

Hàng năm thư viện có báo cáo về các hoạt động của thư viện và nhà trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến của sinh viên, nhà giáo giảng dạy nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí về trang thiết bị của thư viện (5.6.03 - Báo cáo tổng kết công tác thư viện; 1.1.08 – Kế hoạch khảo sát lấy ý kiến phản hồi năm 2022, 2023, 2024; 1.1.09 – Nội dung khảo

*sát lấy ý kiến đánh giá chất lượng; 1.1.10 - Báo cáo kết quả khảo sát năm 2022, 2023, 2024).*

### ***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5.7: 2 điểm***

**Tiêu chuẩn 8:** *Có các phần mềm ảo mô phỏng thiết bị dạy học thực tế trong giảng dạy.*

#### ***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Nhằm đáp ứng nhu cầu giảng dạy và học tập ngày càng hiệu quả và sinh động hơn, các phần mềm ảo mô phỏng thiết bị dạy học thực tế cần được triển khai và đưa vào sử dụng. Hiện nay, sinh viên ngành Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí có 23/27 môn học cơ sở và chuyên ngành có sử dụng phần mềm mô phỏng vào giảng dạy (*5.8.01 - Danh sách phần mềm ảo mô phỏng thiết bị dạy học ngành KTML&ĐHKK; 5.8.02 – Hình chụp giao diện phần mềm ảo mô phỏng*), các phần mềm ảo được giáo viên đưa vào bài giảng để trực quan hóa giúp sinh viên nhanh chóng hiểu bài và được phản hồi tích cực từ sinh viên (*5.9.03 - Bài giảng điện tử của giáo viên*)

### ***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5.8: 2 điểm***

## **TIÊU CHÍ 6: Dịch vụ người học**

### **Đánh giá tổng quát tiêu chí 6:**

Sinh viên trúng tuyển vào trường được sinh hoạt đầu khóa. Mỗi sinh viên được cung cấp một quyển sổ tay sinh viên, trong đó có đủ các thông tin về chương trình đào tạo theo ngành, nghề; quy chế đào tạo; quy chế công tác học sinh, sinh viên; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; các chế độ chính sách đối với sinh viên.

Trường thực hiện các chế độ, chính sách đối với sinh viên theo quy định; chính sách khen thưởng đối với cá nhân có kết quả học tập giỏi, xuất sắc cũng như tập thể có kết quả rèn luyện thi đua đạt thành tích xuất sắc trong năm học. Ngoài ra, sinh viên thuộc diện khó khăn còn được xem xét hỗ trợ các dạng học bổng vượt khó từ doanh nghiệp.

Trường liên kết với báo người lao động tổ chức ngày hội việc làm hàng năm. Sự kiện thu hút hơn 20 doanh nghiệp có nhu cầu phát triển nguồn nhân lực kỹ thuật phù hợp với chất lượng đầu ra của Trường. Sinh viên năm cuối có cơ hội tìm hiểu về doanh nghiệp và tham gia phỏng vấn thực tập tốt nghiệp. Thông tin tuyển dụng việc làm được trường thông báo trên các kênh thông tin của trường giúp sinh viên tốt nghiệp tiếp cận nhanh chóng.

Ngoài kiến thức, kỹ năng được học trong chương trình đào tạo, sinh viên ngành Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí còn có cơ hội tham gia các giải thi đấu bóng đá do Đoàn thanh niên của Trường tổ chức hàng năm;

*\* Những điểm mạnh:*

Các thông tin về chương trình đào tạo theo ngành, nghề; quy chế đào tạo; quy chế công tác học sinh, sinh viên; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; các chế độ chính sách đối với sinh viên được nhà trường cung cấp cho sinh viên đầy đủ. Mỗi lớp có giảng viên chủ nhiệm thực hiện cố vấn và hỗ trợ cho sinh viên trong suốt quá trình học tại trường.

Các chế độ, chính sách đối với sinh viên được thực hiện theo quy định; chính sách khen thưởng đối với cá nhân có kết quả học tập giỏi, xuất sắc cũng như tập thể có kết quả rèn luyện thi đua đạt thành tích xuất sắc trong năm học. Ngoài ra, sinh viên thuộc diện khó khăn còn được xem xét hỗ trợ các dạng học bổng vượt khó từ doanh nghiệp.

Sinh viên năm cuối có cơ hội tìm hiểu về doanh nghiệp và tham gia phỏng vấn thực tập tốt nghiệp trong sự kiện ngày hội việc làm được tổ chức tại Trường theo định kỳ hàng năm. Thông tin tuyển dụng việc làm được trường thông báo trên các kênh thông tin của trường giúp sinh viên tốt nghiệp tiếp cận nhanh chóng.

*\* Những tồn tại:*

Do đa số học sinh/ sinh viên thường trú tại Thủ Đức nên nhà trường không bố trí KTX

*\* Kế hoạch nâng cao chất lượng:*

Đẩy mạnh công tác tuyển sinh ở các tỉnh thành lân cận, tạo nhiều sân chơi cho HSSV tham gia.

**Điểm đánh giá tiêu chí 6**

<b>Tiêu chí, tiêu chuẩn</b>	<b>Điểm tự đánh giá</b>
<b>Tiêu chí 6</b>	<b>8</b>
Tiêu chuẩn 1	2
Tiêu chuẩn 2	2
Tiêu chuẩn 3	2

**Tiêu chuẩn 1:** *Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về chương trình đào tạo; quy chế đào tạo; quy chế công tác học sinh, sinh viên; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của cơ sở đào tạo và các chế độ, chính sách đối với người học.*

**Mô tả, phân tích, nhận định:**

Đầu khóa học, Phòng Đào tạo, Phòng Công tác công tác HSSV và QHXXN được giao nhiệm vụ xây dựng kế hoạch tổ chức tuần sinh hoạt chính trị đầu khóa, phổ biến về những nội dung đến từng đối tượng học sinh-sinh viên. Ban giám hiệu nhà trường phổ biến thông tin tổng quan về nguồn lực, các điều kiện đảm bảo chất lượng dạy và học. Phòng Công tác HSSV và QHXXN phổ biến qui chế công tác Học sinh Sinh viên, các chế độ chính sách hiện hành đối với người học; Phòng đào tạo, Khoa chuyên môn phổ biến về Quy chế đào tạo, quy chế thi kiểm tra; Đoàn trường phổ biến công tác hoạt động của Đoàn thanh niên các kế hoạch hoạt động phong trào ... *(6.1.01 - Kế hoạch tổ chức sinh hoạt chính trị cho học sinh – sinh viên năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024; 1.3.02 - Quy định mức thu học phí và bảo hiểm y tế đối với Học sinh/ Sinh viên; 2.5.01 – Quyết định về việc ban hành quy định việc tổ chức đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ; 6.1.02 - Sổ tay HSSV).*

Sau khi sinh viên đến Trường làm thủ tục nhập học, Khoa có buổi gặp gỡ và sinh hoạt đầu khóa với SV ngành Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí. SV được Khoa giới thiệu chương trình học, các phương pháp học tập, các sân chơi học thuật, quyền lợi và trách nhiệm của SV trong khóa học.

Trong quá trình học tập tại Trường, trong các buổi sinh hoạt chào cờ hàng tháng, sinh hoạt lớp, người học còn được cung cấp thêm về các thông tin cần thiết, liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của người học như: Quy chế thi, kiểm tra và công nhận tốt nghiệp, Nội quy HSSV, Thông tin học bổng, khen thưởng, quy chế rèn luyện,... *(6.1.03 - Nội dung sinh hoạt chào cờ năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024; 6.1.04 - Biên bản sinh hoạt chủ nhiệm).*

**Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6.1: 2 điểm**

**Tiêu chuẩn 2:** *Người học được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định; cơ sở đào tạo có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, động viên khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập và tư vấn, hỗ trợ kịp thời cho người học trong quá trình học tập.*

**Mô tả, phân tích, nhận định:**



Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Thủ Đức là cơ sở đào tạo, trường thực hiện mức thu học phí theo quy định chung của Chính phủ tại Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015/8/2021; Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 và Nghị định số 97/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 *(1.3.02 - Quy định mức thu học phí và bảo hiểm y tế đối với Học sinh/ Sinh viên)*

Nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí là nghề học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo Thông tư số 05/2023/TT-BLĐTĐ ngày 15/6/2023 do đó sinh viên nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí được miễn giảm học phí theo đối tượng nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm áp dụng từ năm học 2023-2024 *(1.3.02- Quy định mức thu học phí và bảo hiểm y tế đối với Học sinh/ Sinh viên; 6.2.01- Các quyết định về miễn giảm học phí các năm; 6.2.02 - Danh sách sinh viên nghề KTML&ĐHKK được miễn giảm học phí các năm)*

Bên cạnh việc thực hiện mức thu học phí và chế độ mixn giảm học phí chung do nhà nước quy định, Trường còn có chính sách miễn giảm hoặc hỗ trợ học bổng đối với sinh viên có hoàn cảnh khó khăn vươn lên trong học tập và khen thưởng đối với sinh viên đạt thành tích cao trong học tập hoặc các hoạt động phong trào *(6.2.03 – Quyết định trao học bổng hàng năm; 6.2.04 – Danh sách người học được nhận học bổng; 6.2.05 – Các Quyết định khen thưởng đối với học sinh sinh viên)*

Nhà trường giao cho Phòng Công tác HSSV và QHXXN và giáo viên chủ nhiệm tại các khoa thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ người học trong quá trình học tập *(1.1.02 - Quyết định ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường; 1.2.01 - Quyết định thành lập khoa Điện lạnh; 3.2.02 – Các Quyết định về việc phân công công tác giáo viên chủ nhiệm năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024; 6.1.04 - Biên bản sinh hoạt chủ nhiệm).*

Hàng năm, nhà trường thực hiện việc báo cáo tổng kết về công tác chế độ, chính sách và tư vấn, hỗ trợ kịp thời cho người học trong quá trình học tập tại trường và khảo sát lấy ý kiến về kết quả thực hiện để có sự điều chỉnh thực hiện tốt hơn *(1.2.04 - Báo cáo công tác năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024 của Khoa Điện lạnh; 1.2.05 - Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024 và các nhiệm vụ giải pháp trọng tâm; 1.1.08 – Kế hoạch khảo sát lấy ý kiến phản hồi năm 2022, 2023, 2024; 1.1.09 – Nội dung khảo sát lấy ý kiến đánh giá chất lượng; 1.1.10 - Báo cáo kết quả khảo sát năm 2022, 2023, 2024).*

### ***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6.2: 2 điểm***

**Tiêu chuẩn 3:** Hàng năm, cơ sở đào tạo cung cấp cho người học các thông tin về nghề nghiệp, thị trường lao động và việc làm; thực hiện trợ giúp, giới thiệu việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp.

#### ***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Cuối khóa học, nhà trường lên kế hoạch sẽ tổ chức lễ tốt nghiệp kết hợp với ngày hội kết nối doanh nghiệp và giới thiệu việc làm để những sinh viên mới tiếp cận nhu cầu tuyển dụng của doanh nghiệp. Sinh viên còn đang học thì được tiếp cận với nhu cầu thị trường lao động trong thực tế. Khi lên kế hoạch tổ chức ngày hội kết nối doanh nghiệp, nhà trường mời các doanh nghiệp có hợp tác trong đào tạo và các doanh nghiệp trên địa bàn, các nhà tuyển dụng có ngành nghề tương ứng các ngành nghề mà nhà trường đào tạo tham gia. Đây cũng là cơ hội để nhà trường rút ngắn khoảng cách giữa nhu cầu thực tế của nhà tuyển dụng và công tác tư vấn việc làm của nhà trường. Khoa, GVCN có trách nhiệm thông tin đến sinh viên đến tham dự ngày hội, tham quan các gian hàng doanh nghiệp tìm hiểu về cơ hội việc làm, phỏng vấn tìm việc. (6.3.01 - Kế hoạch tổ chức ngày hội việc làm, tiếp xúc nhà tuyển dụng tại Trường hàng năm; 1.1.04 - Bảng đăng ký tuyển dụng của doanh nghiệp; 6.3.02 – Danh sách doanh nghiệp tham gia tư vấn việc làm; 6.3.03 - Báo cáo kết quả tổ chức hội chợ việc làm).

Bên cạnh việc tổ chức ngày hội việc làm để người học tốt nghiệp có cơ hội tiếp xúc với doanh nghiệp tìm việc, phòng công tác HSSV và QHXXN của trường và các giáo viên trong khoa thường xuyên chia sẻ những thông tin tuyển dụng của doanh nghiệp đến với người học thông qua các group zalo lớp và trên trang web của nhà trường (6.3.02 – Danh sách doanh nghiệp tham gia tư vấn việc làm)

Hàng năm, nhà trường thực hiện việc báo cáo tổng kết và khảo sát lấy ý kiến về kết quả thực hiện việc trợ giúp, giới thiệu việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp để có đánh giá và điều chỉnh thực hiện tốt hơn (1.2.04 - Báo cáo công tác năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024 của Khoa Điện lạnh; 1.2.05 - Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024 và các nhiệm vụ giải pháp trọng tâm; 1.1.08 – Kế hoạch khảo sát lấy ý kiến phản hồi năm 2022, 2023, 2024; 1.1.09 Nội dung khảo sát lấy ý kiến đánh giá chất lượng; 1.1.10 - Báo cáo kết quả khảo sát năm 2022, 2023, 2024).

### ***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6.3: 2 điểm***

**Tiêu chuẩn 4:** *Cơ sở đào tạo thực hiện đa dạng hóa các hoạt động xã hội, văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao cho người học.*

**Mô tả, phân tích, nhận định:**

Công tác an ninh được triển khai, giám sát nhằm bảo đảm an toàn cho người học trong khuôn viên Trường; hệ thống công, tường rào hành lang thoát hiểm an toàn, có camera quan sát.

Bên cạnh việc đào tạo kiến thức cho sinh viên, Khoa và Nhà trường luôn chú ý đến các hoạt động tinh thần, rèn luyện, tạo môi trường học tập thân thiện cho sinh viên. Trường có khu vực sân thể thao cầu lông, bóng chuyền, đường chạy, có 2 hội trường được trang bị hệ thống âm thanh, ánh sáng để phục vụ nhu cầu vui chơi giải trí của sinh viên học sinh.

*(6.4.01 - Hình ảnh khu thể thao, Hội trường)*

Đoàn thanh niên Trường là đầu mối tổ chức các hoạt động văn hóa văn nghệ, thể thao trong học sinh sinh viên. Ban giám hiệu nhà trường luôn tạo điều kiện tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, tạo sân chơi lành mạnh trong học sinh sinh viên do đó các hoạt động phong trào của nhà trường được thường xuyên và đa dạng như: văn nghệ; thể thao; tham gia các hoạt động xã hội như hội thao SV, Chiến dịch Xuân tình nguyện, Chiến dịch tình nguyện hè, Hiến máu nhân đạo; vận động đóng góp của cán bộ giáo viên nhân viên và HSSV để tổ chức các hoạt động Xuân yêu thương, Thăm tặng quà các mái ấm, nhà mở; phong trào nuôi Heo đất tình bạn .... các hoạt động phong trào luôn nhận được sự hưởng ứng nhiệt tình của HSSV nhà trường, trong đó có HSSV khoa Điện lạnh *(6.4.02 - Các kế hoạch tổ chức hoạt động của Đoàn thanh niên năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024; 6.4.03 - Báo cáo các hoạt động công tác đoàn năm học 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024).*

Hàng năm, nhà trường thực hiện việc báo cáo tổng kết và khảo sát lấy ý kiến về tổ chức thực hiện đa dạng hóa các hoạt động xã hội, văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao cho người học . Kết quả khảo sát hàng năm sinh viên đánh giá mức tốt và rất tốt đạt từ 85% trở lên *( 1.1.08 – Kế hoạch khảo sát lấy ý kiến phản hồi năm 2022, 2023, 2024; 1.1.09 – Nội dung khảo sát lấy ý kiến đánh giá chất lượng; 1.1.10 - Báo cáo kết quả khảo sát năm 2022, 2023, 2024).*

**Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6.4: 2 điểm**

## **TIÊU CHÍ 7: Giám sát, đánh giá chất lượng**

### **Đánh giá tổng quát tiêu chí 7:**

Công tác thanh kiểm tra, giám sát thực tế và đánh giá chất lượng các hoạt động đào tạo trong nhà trường rất được quan tâm, chú trọng. Trường giao cho Phòng KT-ĐBCL có chức năng, nhiệm vụ thanh tra đào tạo, phối hợp cùng Ban Thanh tra nhân dân có chức năng giám sát, đánh giá chất lượng chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra HSSV. Hàng năm, Phòng KT-ĐBCL xây dựng kế hoạch đi kiểm tra công tác đào tạo và hệ thống bảo đảm chất lượng bên trong Nhà trường, cũng như đưa ra phương án nâng cao chất lượng đào tạo để trình Ban giám hiệu xem xét thống nhất triển khai thực hiện,

Việc khảo sát lấy ý kiến doanh nghiệp, người học, người học sau khi tốt nghiệp, CBGVNV là cơ sở để Trường đánh giá về chất lượng đào tạo của Trường, sự phù hợp của chương trình đào tạo với vị trí làm việc của sinh viên tốt nghiệp được thu thập. Tư liệu thu thập được tham chiếu khi cập nhật chương trình đào tạo ngành điện công nghiệp.

Từ năm 2017, Trường bắt đầu thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo sau khi kiểm định ở cấp trường. Hàng năm, Trường đều có kế hoạch cụ thể và thực hiện cải thiện, nâng cao chất lượng chương trình đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá của Trường để chuẩn bị cho đánh giá ngoài. Kết quả cho thấy hầu hết SV tốt nghiệp của Khoa có việc làm phù hợp với ngành, nghề đào tạo và các doanh nghiệp/đơn vị sử dụng lao động được điều tra hài lòng với kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp của người tốt nghiệp.

#### *\* Những điểm mạnh:*

Trường hiện đang vận hành hệ thống đảm bảo chất lượng và các quy trình quản lý thuộc hệ thống bảo đảm chất lượng. Hàng năm, Nhà trường thực hiện rà soát, cải tiến và xây dựng thêm các quy trình nhằm nâng cao chất lượng đào tạo.

Việc duy trì tốt mối quan hệ với các doanh nghiệp là cơ sở để các doanh nghiệp sẵn sàng hỗ trợ nhà trường trong việc khảo sát đánh giá năng lực người học cũng như tình trạng trang thiết bị phục vụ đào tạo. Phần lớn doanh nghiệp sử dụng lao động ngành Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí hài lòng về kiến thức, kỹ năng và thái độ của sinh viên trong quá trình làm việc. Sinh viên tốt nghiệp đóng góp ý kiến về cải tiến chương trình đào tạo sau một gian làm việc thực tế tại doanh nghiệp.

\* *Những tồn tại:*

Không.

\* *Kế hoạch nâng cao chất lượng:*

Tăng cường liên hệ sinh viên thông qua các ngày lễ, kỷ niệm, mời các cựu sinh viên tiêu biểu trong các hoạt động cải tiến chương trình đào tạo của trường, Khoa nhằm nâng cao chất lượng đào tạo và đáp ứng nhu cầu thực tế doanh nghiệp.

Phối hợp cùng các doanh nghiệp thường xuyên, tạo liên kết sinh viên và doanh nghiệp thông qua các đợt tham quan, thực tập. Duy trì quan hệ với các doanh nghiệp đã liên kết đồng thời tìm kiếm thêm các doanh nghiệp mới nhằm đảm bảo tốt hơn đầu ra cho sinh viên.

### **Điểm đánh giá tiêu chí 7**

<b>Tiêu chí, tiêu chuẩn</b>	<b>Điểm tự đánh giá</b>
<b>Tiêu chí 7</b>	<b>16</b>
Tiêu chuẩn 1	2
Tiêu chuẩn 2	2
Tiêu chuẩn 3	2
Tiêu chuẩn 4	2
Tiêu chuẩn 5	2
Tiêu chuẩn 6	2
Tiêu chuẩn 7	2
Tiêu chuẩn 8	2

**Tiêu chuẩn 1:** *Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 10 đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp đang làm việc tại đơn vị sử dụng lao động và sự phù hợp của chương trình đào tạo với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.*

#### ***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Hàng năm, Khoa Điện lạnh kết hợp với Phòng KT-ĐBCL thu thập ý kiến của 10 đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp đang làm việc tại đơn vị sử dụng lao động và sự phù hợp của chương trình đào tạo với thực tiễn kinh doanh và dịch vụ. Kết quả khảo sát về năng lực của học sinh tốt nghiệp so với yêu cầu về năng lực của doanh nghiệp đối với kiến thức lý thuyết về nghề; kỹ năng cứng, kỹ năng mềm, thái độ

làm việc thì mức năng lực của học viên tốt nghiệp của nhà trường cơ bản đáp ứng cao hơn so với yêu cầu của doanh nghiệp ở tất cả các hạng mục. Cũng như ý kiến của Doanh nghiệp sử dụng lao động về chất lượng đào tạo ngành Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí. Bên cạnh việc khảo sát ý kiến của Doanh nghiệp có người tốt nghiệp đang làm việc thì Khoa Điện cũng thường xuyên thu thập ý kiến của Doanh nghiệp về chất lượng đào tạo của ngành Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí vào các đợt đưa sinh viên đến thực tập tốt nghiệp. Thông qua kết quả khảo sát, thông tin phản hồi của doanh nghiệp được bộ môn quan tâm đưa vào phân tích khi cập nhật chương trình đào tạo. Các báo cáo được dựa trên những tiêu chí của mẫu phiếu “Khảo sát sự hài lòng của doanh nghiệp về SV tốt nghiệp” ( 1.1.08 – Kế hoạch khảo sát lấy ý kiến phản hồi năm 2022, 2023, 2024; 1.1.09 – Nội dung khảo sát lấy ý kiến đánh giá chất lượng; 1.1.10 - Báo cáo kết quả khảo sát năm 2022, 2023, 2024); 7.1.01 - Danh sách doanh nghiệp tham gia khảo sát).

### ***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7.1: 2 điểm***

**Tiêu chuẩn 2:** *Thực hiện điều tra lần vết đối với người tốt nghiệp để thu thập thông tin về việc làm, đánh giá về chất lượng đào tạo của cơ sở đào tạo và sự phù hợp của chương trình đào tạo với vị trí việc làm của người tốt nghiệp.*

#### ***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Phòng KT-ĐBCL và Khoa Điện lạnh thực hiện tốt việc liên hệ khảo sát định kỳ hàng năm theo yêu cầu của nhà trường đối với 100% với sinh viên thuộc danh sách đã tốt nghiệp để thu thập thông tin về việc làm, đánh giá về chất lượng đào tạo của Trường và sự phù hợp của chương trình đào tạo với vị trí việc làm của người tốt nghiệp. Kết quả dựa trên mẫu phiếu khảo sát sinh viên tốt nghiệp: "Tình trạng việc làm của SV tốt nghiệp" được xử lý và phân tích theo đúng quy trình và được báo cáo lên Nhà trường và Khoa Điện lạnh cũng như sử dụng để cải tiến chất lượng đào tạo (1.1.08 – Kế hoạch khảo sát lấy ý kiến phản hồi năm 2022, 2023, 2024; 1.1.09 – Nội dung khảo sát lấy ý kiến đánh giá chất lượng; 1.1.10 - Báo cáo kết quả khảo sát năm 2022, 2023, 2024; 7.2.02 – Danh sách cựu học sinh – sinh viên tham gia khảo sát lần vết năm 2021, 2022, 2023; 2.4.06 - Quyết định công nhận tốt nghiệp và danh sách SV tốt nghiệp nghề KTML&ĐHKK hàng năm)

Kết quả khảo sát được thu thập SV nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí như sau:

- Năm 2021: tổ chức lần vết được 45 SV (trong số 45 SV tốt nghiệp, tỉ lệ 100%), Số SV phản hồi ý kiến khảo sát là 38. Trong đó số SV có việc làm đúng ngành nghề 36 SV, tỷ lệ đạt 94,73 %.

+ Về Đánh giá chất lượng đào tạo: 100 % hài lòng với chất lượng đào tạo đã được lĩnh hội tại trường.

- Năm 2022: tổ chức lần vết được 75 SV (trong số 75 SV tốt nghiệp, tỉ lệ 100%), Số SV phản hồi ý kiến khảo sát là 66. Trong đó số SV có việc làm đúng ngành nghề 62 SV, tỷ lệ đạt 93,93,4%)

+ Về Đánh giá chất lượng đào tạo: 100 % hài lòng với chất lượng đào tạo đã được lĩnh hội tại trường.

- Năm 2023: tổ chức lần vết được 35 SV (trong số 35 SV tốt nghiệp, tỉ lệ 100%), Số SV phản hồi ý kiến khảo sát là 30. Trong đó số SV có việc làm đúng ngành nghề 30 SV, tỷ lệ đạt 100%.

+ Về Đánh giá chất lượng đào tạo: 100 % hài lòng với chất lượng đào tạo đã được lĩnh hội tại trường.

### ***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7.2: 2 điểm***

**Tiêu chuẩn 3:** *Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 50% nhà giáo, cán bộ quản lý về các nội dung liên quan đến công tác dạy và học, tuyển dụng, bổ nhiệm, bồi dưỡng, phân loại và đánh giá nhà giáo, cán bộ quản lý.*

#### ***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Hàng năm, Phòng KT-ĐBCL thực hiện công tác khảo sát của các bên có liên quan, trong đó có đội ngũ GV và CBQL về các nội dung liên quan đến công tác dạy và học, tuyển dụng, bổ nhiệm, bồi dưỡng, phân loại và đánh giá nhà giáo, CBQL thông qua bảng hỏi nhằm thu thập ý kiến. Trong đó có CBQL, giáo viên khoa Điện lạnh (1.1.08 – Kế hoạch khảo sát lấy ý kiến phản hồi năm 2022, 2023, 2024; 1.1.09 – Nội dung khảo sát lấy ý kiến đánh giá chất lượng; 1.1.10 - Báo cáo kết quả khảo sát năm 2022, 2023, 2024; 7.3.01 – Danh sách cán bộ viên chức, giảng viên, người lao động tham gia khảo sát).

Kết quả khảo sát như sau:

- Năm 2021: khảo sát 34/34 CBQL, NG (tỷ lệ 100 %). Trong đó, có 21 CBQL và 13 NG có liên quan nghề KTML&ĐHKK. Kết quả đánh giá ở các nội dung liên quan được đánh giá mức đồng ý và hoàn toàn đồng ý ở mức trên 90% ;

- Năm 2022: khảo sát 32/32 CBQL, NG (tỷ lệ 100 %). Trong đó, có 20 CBQL và 12 NG có liên quan nghề KTML&ĐHKK. Kết quả đánh giá ở các nội dung liên quan được đánh giá mức đồng ý và hoàn toàn đồng ý ở mức trên 90%;

- Năm 2023: khảo 31/31 CBQL, NG (tỷ lệ 100 %). Trong đó, có 19 CBQL, 12 NG có liên quan nghề KTML&ĐHKK. Kết quả đánh giá ở các nội dung liên quan được đánh giá mức đồng ý và hoàn toàn đồng ý ở mức trên 90%.

***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 7: 2 điểm***

**Tiêu chuẩn 4:** *Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 30% người học về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo, chất lượng giảng dạy, việc thực hiện chế độ, chính sách và các dịch vụ đối với người học.*

***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Hàng năm, KT-ĐBCL lên kế hoạch thực hiện việc lấy ý kiến của HSSV đang theo học các nghề đào tạo tại Trường (tại tất cả các khoa) về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo; chất lượng dịch vụ, giảng dạy và việc thực hiện chính sách liên quan đến người học, tỷ lệ đánh giá các nội dung liên quan mức **Tốt** trở lên đạt 56.2% - 85.7%

*(1.1.08 – Kế hoạch khảo sát lấy ý kiến phản hồi năm 2022, 2023, 2024; 1.1.09 – Nội dung khảo sát lấy ý kiến đánh giá chất lượng; 1.1.10 - Báo cáo kết quả khảo sát năm 2022, 2023, 2024; 7.4.01 – Danh sách HSSV tham gia khảo sát năm 2021, 2022, 2023).*

Kết quả khảo sát như sau:

- Năm 2021: khảo sát 81/95 SV (tỷ lệ 85,26 %). Kết quả đánh giá ở các nội dung liên quan được đánh giá mức Đạt yêu cầu trở lên đạt trên 80%;

- Năm 2022: khảo sát 36/43 SV (tỷ lệ 83,72%). Kết quả đánh giá ở các nội dung liên quan được đánh giá mức Đạt yêu cầu trở lên đạt trên 80%;

- Năm 2023: khảo sát 34/39 SV (tỷ lệ 87,17%). Kết quả đánh giá ở các nội dung liên quan được đánh giá mức Đạt yêu cầu trở lên đạt trên 80%.

***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7.4: 2 điểm***

**Tiêu chuẩn 5:** *Cơ sở đào tạo thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo theo quy định.*



### ***Mô tả, phân tích, nhận định***

Trường thực hiện hoạt động tự đánh giá chất lượng Trường và đánh giá chất lượng chương trình đào tạo theo Thông tư số 28/2017/TT - BLĐT BXH ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ LĐ - TB&XH về quy định hệ thống bảo đảm chất lượng của cơ sở GDNN; Bộ tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá chất lượng trường trung cấp, trường cao đẳng ban hành kèm theo Thông tư số 15/2017/TT - BLĐT BXH ngày 08/06/2017 của Bộ LĐ - TB&XH.

Hàng năm, Phòng KT-ĐBCL sẽ thành lập Hội đồng tự đánh giá bao gồm: Đại diện Ban giám hiệu, Phòng KT-ĐBCL, chuyên viên Phòng KT-ĐBCL và thành viên trong Khoa Điện lạnh và các Phòng có liên quan. Phòng KT-ĐBCL phối hợp với Khoa lên kế hoạch và thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo theo qui định. *(7.5.01 - Quyết định về việc thành lập hội đồng tự đánh giá chất lượng CTĐT nghề KTML&ĐHKK năm 2021, 2022, 2023)*

Sau khi kế hoạch được duyệt, Phòng KT-ĐBCL gửi các đơn vị liên quan và họp triển khai thực hiện. *(7.5.02 - Kế hoạch thực hiện tự đánh giá chất lượng CTĐT nghề KTML&ĐHKK năm 2021, 2022, 2023)*

Các thành viên trên cơ sở được phân công mô tả và đánh giá các tiêu chí theo kế hoạch sẽ tự đánh giá và gửi về Thư ký Hội đồng tổng hợp và viết báo cáo. Sau khi họp thông qua báo cáo tự đánh giá CTĐT, thư ký sẽ gửi báo cáo tới Hội đồng Tự đánh giá chất lượng CTĐT và chuẩn bị nội dung họp về công bố kết quả tự đánh giá. Báo cáo tự đánh giá chương trình đào tạo sau khi được họp công bố kết quả sẽ được công khai trên Website của trường và gửi Báo cáo tự đánh giá về Cục Kiểm định chất lượng cơ sở GDNN, Phòng GDNN – Sở LĐTBXH vào cuối tháng 12 hàng năm. *(7.5.03 - Báo cáo tự đánh giá chương trình đào tạo nghề KTML&ĐHKK trình độ cao đẳng năm 2021, 2022, 2023; 7.5.04 - Hình chụp Web trường đăng kết quả tự đánh giá nghề KTML&ĐHKK).*

Kết quả tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí các năm đều đạt chất lượng chương trình đào tạo cụ thể:

- + Năm 2021 đạt 94/100 điểm
- + Năm 2022 đạt 94/100 điểm
- + Năm 2023 đạt 96/100 điểm

***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7.5: 2 điểm***

**Tiêu chuẩn 6:** Hàng năm, cơ sở đào tạo có kế hoạch cụ thể và thực hiện cải thiện, nâng cao chất lượng chương trình đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá của cơ sở đào tạo và kết quả đánh giá ngoài (nếu có).

**Mô tả, phân tích, nhận định:**

Việc tự đánh giá của Trường nhằm rà soát lại các hoạt động, đối chiếu các tiêu chí đánh giá về chất lượng đào tạo của nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí. Để có được kết quả đánh giá đạt chuẩn, tất cả các đơn vị, Khoa chuyên ngành, bộ môn, phòng ban chức năng của Trường cùng tiến hành thực hiện rà soát các hoạt động và báo cáo thông qua các minh chứng liên quan. Từ những minh chứng thu thập được, bộ phận tổng hợp sẽ đưa vào viết báo cáo tự đánh giá. Đối chiếu từng tiêu chuẩn trong các tiêu chí để kiểm chứng lại các hoạt động chưa đáp ứng và đề xuất hướng cải tiến và hoàn thiện trong tương lai. Mục tiêu của Trường là hướng đến đạt chuẩn đánh giá ngoài về Trường và các chương trình đào tạo theo quy định của bộ chủ quản. *(7.5.03 - Báo cáo tự đánh giá chương trình đào tạo nghề KTML&ĐHKK trình độ cao đẳng năm 2021, 2022, 2023)*

Hàng năm, Phòng KT-ĐBCL phối hợp Khoa Điện lạnh và các đơn vị liên quan xây dựng kế hoạch tự đánh giá chất lượng và thực hiện cải thiện, nâng cao chất lượng chương trình đào tạo nghề Điện công nghiệp dựa vào việc tự đánh giá chất lượng của năm trước. Các nội dung cải thiện bao gồm: rà soát, điều chỉnh và ban hành chương trình đào tạo sát với thực tiễn nghề nghiệp; rà soát, điều chỉnh giáo trình liên quan đến chương trình; phối hợp phòng QTTB rà soát, đối chiếu danh mục thiết bị đào tạo để có kế hoạch đầu tư nhà xưởng, trang thiết bị và điều chỉnh định mức tiêu hao vật tư; Đào tạo bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn của đội ngũ cán bộ, giảng viên tham gia giảng dạy *(7.6.01 - Kế hoạch hàng năm cải thiện, nâng cao chất lượng đào tạo trên cơ sở tự đánh giá; 7.6.02 - Báo cáo kết quả thực hiện các nội dung cần cải thiện sau đánh giá chất lượng)*.

**Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7.6: 2 điểm**

**Tiêu chuẩn 7:** Trong vòng 06 tháng kể từ khi tốt nghiệp, tối thiểu 80% người học có việc làm phù hợp với ngành, nghề đào tạo.

**Mô tả, phân tích, nhận định:**

Hàng năm Phòng KT-ĐBCL và Khoa Điện lạnh phối hợp thực hiện tốt việc liên hệ khảo sát lần vết đôi với HSSV tốt nghiệp để thu thập thông tin về việc làm, đánh giá về chất lượng đào tạo của Trường và sự phù hợp của chương trình đào tạo với vị trí việc làm của

người tốt nghiệp. Kết quả dựa trên mẫu phiếu khảo sát sinh viên tốt nghiệp: "Tình trạng việc làm của SV tốt nghiệp" được xử lý và phân tích theo đúng quy trình và được báo cáo lên Nhà trường và Khoa Điện lạnh cũng như sử dụng để cải tiến chất lượng đào tạo (1.1.08 – Kế hoạch khảo sát lấy ý kiến phản hồi năm 2022, 2023, 2024; 1.1.09 – Nội dung khảo sát lấy ý kiến đánh giá chất lượng; 1.1.10 - Báo cáo kết quả khảo sát năm 2022, 2023, 2024; 7.2.01 – Danh sách cựu học sinh – sinh viên tham gia khảo sát lần vết năm 2022, 2023, 2024; 2.4.06 - Quyết định công nhận tốt nghiệp và danh sách SV tốt nghiệp nghề KTML&ĐHKK hàng năm.)

Kết quả khảo sát được thu thập như sau:

- Năm 2021: tổ chức lần vết được 45 SV (trong số 45 SV tốt nghiệp, tỉ lệ 100%), Số SV phản hồi ý kiến khảo sát là 38. Trong đó số SV có việc làm đúng ngành nghề sau 6 tháng tốt nghiệp 31 SV, tỷ lệ đạt 81,4 %.

- Năm 2022: tổ chức lần vết được 75 SV (trong số 75 SV tốt nghiệp, tỉ lệ 100%), Số SV phản hồi ý kiến khảo sát là 66. Trong đó số SV có việc làm đúng ngành nghề sau 6 tháng tốt nghiệp 53 SV, tỷ lệ đạt 80,4%)

- Năm 2023: tổ chức lần vết được 35 SV (trong số 35 SV tốt nghiệp, tỉ lệ 100%), Số SV phản hồi ý kiến khảo sát là 30. Trong đó số SV có việc làm đúng ngành nghề sau 6 tháng tốt nghiệp 24 SV, tỷ lệ đạt 80%.

#### ***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7.7: 2 điểm***

**Tiêu chuẩn 8:** *Tối thiểu 80% đơn vị sử dụng lao động được điều tra hài lòng với kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động.*

#### ***Mô tả, phân tích, nhận định:***

Hàng năm Phòng KT-ĐBCL và Khoa Điện lạnh phối hợp thực hiện tốt việc liên hệ khảo sát thu thập ý kiến của đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng công việc của SV tốt nghiệp tại trường và sự phù hợp của chương trình đào tạo với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của đơn vị sử dụng lao động

Nội dung khảo sát:

- Kiến thức của người tốt nghiệp, gồm: Kiến thức chuyên môn, Kiến thức về văn hoá - xã hội, Kiến thức về pháp luật & quy định nhà nước.

- Về kỹ năng/khả năng của người tốt nghiệp, gồm: Kỹ năng/Nghiệp vụ chuyên môn, Kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức và quản lý công việc, Kỹ năng giải quyết vấn đề, Kỹ năng làm việc nhóm, Kỹ năng giao tiếp, trình bày, thuyết trình, Kỹ năng sử dụng ngoại ngữ, Kỹ năng sử dụng tin học, Kỹ năng tự học/ tự nghiên cứu, Kỹ năng khác.

- Về phẩm chất/tổ chất của người tốt nghiệp, gồm: tinh thần trách nhiệm, ý thức tổ chức, kỷ luật, tinh thần cầu tiến, đạo đức nghề nghiệp, có khả năng chịu áp lực công việc, ý thức tập thể, cộng đồng, năng lực khác.

Sự đáp ứng của sinh viên nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí trình độ cao đẳng do trường đào tạo với công việc tại cơ sở thể hiện qua đánh giá của cơ sở trong phiếu khảo sát của trường. Kết quả đánh giá chất lượng sinh viên của trường về mức độ

Số liệu khảo sát ở các năm gần đây cho thấy phần lớn đơn vị sử dụng lao động đều cho rằng sinh viên nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí trình độ cao đẳng do Trường đào tạo sau khi tốt nghiệp có kiến thức, kỹ năng đáp ứng tốt yêu cầu của đơn vị sử dụng lao động, nhanh chóng nắm bắt được công nghệ mới của cơ sở sản xuất và được đánh giá có phẩm chất thái độ tốt, phù hợp với công việc, đáp ứng được yêu cầu của các cơ sở sử dụng lao động hiện nay.

*(1.1.08 – Kế hoạch khảo sát lấy ý kiến phản hồi năm 2022, 2023, 2024; 1.1.09 – Nội dung khảo sát lấy ý kiến đánh giá chất lượng; 1.1.10 - Báo cáo kết quả khảo sát năm 2022, 2023, 2024; 7.1.01 - Danh sách doanh nghiệp tham gia khảo sát).*

### ***Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7.8: 02 điểm***

## **PHẦN III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ**

Sau khi thực hiện Báo cáo tự đánh giá, với các kết quả cụ thể những công việc đã làm được, những điểm mạnh và một số điểm còn tồn tại, Khoa Điện lạnh đã lên kế hoạch thực hiện nhằm phát huy các điểm mạnh và khắc phục các điểm còn tồn tại. Khoa có những đề xuất, kiến nghị thông qua kế hoạch hành động như sau:

Phòng Công tác HSSV và QHXXN, Phòng Đào tạo tiếp tục hỗ trợ Khoa Điện lạnh trong công tác khảo sát thông tin sinh viên đã tốt nghiệp để thu thập thông tin về việc làm, đánh giá về chất lượng đào tạo, vị trí việc làm hiện nay tại các đơn vị sử dụng lao động.

Trường khuyến khích, tạo điều kiện cho GV tham gia các lớp học tập bồi dưỡng trong và ngoài nước để nâng cao kỹ năng giảng dạy và kiến thức chuyên môn.

Trang bị và tăng cường kỹ năng tiếng Anh cho sinh viên bằng cách tăng số tiết giảng dạy bằng tiếng anh cho các môn học chuyên ngành. Tăng cường thêm các hoạt động học thuật có sử dụng tiếng Anh và câu lạc bộ tiếng anh cho sinh viên.

Tạo ra thêm không gian tự học cho sinh viên tổ chức học nhóm, thảo luận sau giờ học

